

QUYẾT ĐỊNH

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU QUY TRÌNH THU BẢO HIỂM XÃ HỘI, BẢO HIỂM Y TẾ, BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP, BẢO HIỂM TAI NẠN LAO ĐỘNG, BỆNH NGHỀ NGHIỆP; QUẢN LÝ SỔ BẢO HIỂM XÃ HỘI, THẺ BẢO HIỂM Y TẾ BAN HÀNH KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 595/QĐ-BHXH NGÀY 14/4/2017 CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU 1 CỦA QUYẾT ĐỊNH SỐ 505/QĐ-BHXH NGÀY 27/3/2020 CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM

TỔNG GIÁM ĐỐC BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 20/11/2014;

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế ngày 14/11/2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 13/6/2014;

Căn cứ Luật Việc làm ngày 16/11/2013;

Căn cứ Luật An toàn, Vệ sinh lao động ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng ngày 13/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;

Căn cứ Nghị định số 89/2020/NĐ-CP ngày 04/08/2020 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bảo hiểm xã hội Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư; định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Quản lý Thu - Sổ, Thẻ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thay thế một số cụm từ tại Quyết định 595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017 và Quyết định số 505/QĐ-BHXH ngày 27/3/2020 của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam như sau:

1. Thay thế cụm từ "Đại lý thu" thành cụm từ "Tổ chức dịch vụ".
2. Thay thế cụm từ "Nhà trường" thành cụm từ "Cơ sở giáo dục".
3. Thay thế cụm từ "Ban Thu", "Ban Sổ - Thẻ" thành cụm từ "Ban Quản lý Thu - Sổ, Thẻ".
4. Thay thế cụm từ "Phòng/Tổ quản lý thu", "Phòng/Tổ cấp sổ, thẻ" thành cụm từ "Phòng/Tổ Quản lý Thu - Sổ, Thẻ".
5. Thay thế cụm từ "Phòng quản lý thu", "Phòng cấp sổ, thẻ" thành cụm từ "Phòng Quản lý Thu - Sổ, Thẻ".
6. Thay thế từ "nợ" thành cụm từ "chậm đóng".

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy trình thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; quản lý sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế ban hành kèm theo Quyết định số 595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017 của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 1 như sau:

"1. Văn bản này hướng dẫn về hồ sơ, mẫu biểu, quy trình nghiệp vụ, quyền và trách nhiệm của cá nhân, cơ quan, đơn vị và cơ quan bảo hiểm xã hội trong thực hiện thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; cấp, ghi, quản lý và sử dụng sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế."

2. Sửa đổi, bổ sung điểm 1.6 khoản 1 Điều 2 như sau:

"1.6. Tổ chức dịch vụ là tổ chức được cơ quan BHXH ủy quyền thu các khoản đóng BHXH, BHTN, BHYT của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, người sử dụng lao động và cá nhân theo quy định của pháp luật."

3. Sửa đổi, bổ sung điểm 2.4 khoản 2 Điều 2 như sau:

"2.4. Truy thu: thực hiện thu các trường hợp trốn đóng, đóng không đủ số người thuộc diện bắt buộc tham gia, đóng không đủ số tiền phải đóng theo quy định, chiếm dụng tiền đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN theo quy định tại Thông tư số 20/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 03/02/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện cơ chế quản lý tài chính về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp."

4. Bổ sung điểm 2.16, điểm 2.17 khoản 2 Điều 2 như sau:

"2.16. Phòng/Tổ Quản lý Thu - Sổ, Thẻ: là phòng nghiệp vụ được thành lập theo Quyết định số 2355/QĐ-BHXH ngày 16/9/2022 của BHXH Việt Nam quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của BHXH địa phương.

2.17. Ban Quản lý Thu - Sổ, Thẻ: là ban nghiệp vụ được thành lập theo Quyết định số 1215/QĐ-BHXH ngày 29/9/2020 của BHXH Việt Nam quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Thu - Sổ, Thẻ".

5. Sửa đổi Điều 16 như sau:

“Điều 16. Phương thức đóng

Hàng tháng, người sử dụng lao động đóng BHTN và trích tiền lương của từng người lao động theo mức quy định để đóng cùng một lúc vào Quỹ BHTN.”

6. Sửa đổi, bổ sung điểm 5.1, 5.2 khoản 5 Điều 17 như sau:

“5.1. Toàn bộ người có tên trong cùng một hộ gia đình đăng ký thường trú, trừ những người thuộc đối tượng quy định tại các Khoản 1, 2, 3, 4, 8 Điều này và người đã khai báo tạm vắng.

5.2. Toàn bộ những người có tên trong cùng một hộ gia đình đăng ký tạm trú, trừ đối tượng quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 8 Điều này và đối tượng đã tham gia BHYT theo quy định tại điểm 5.1 Điều này.”

7. Sửa đổi Điều 31 như sau:

“Điều 31. Người tham gia

Người lao động có trách nhiệm cung cấp thông tin, kê khai đầy đủ hồ sơ, nộp cho đơn vị quản lý hoặc cơ quan BHXH theo quy định của pháp luật làm căn cứ xác định đối tượng tham gia, số tiền đóng BHXH, BHTN, BHYT, BHTNTĐ, BNN, cụ thể:

1. Người tham gia BHXH bắt buộc, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN: kê khai Mẫu TK1-TS (đối với người tham gia lần đầu hoặc có mã số BHXH nhưng chưa đủ thông tin), nộp cho đơn vị quản lý.

2. Người đi lao động ở nước ngoài theo hợp đồng quy định tại tiết a, c, d điểm 1.7 khoản 1 Điều 4 kê khai và nộp hồ sơ như sau:

2.1. Trường hợp đóng qua đơn vị đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài: kê khai Mẫu TK1-TS (đối với người tham gia lần đầu hoặc có mã số BHXH nhưng chưa đủ thông tin) kèm theo giấy tờ liên quan, nộp hồ sơ và đóng tiền cho đơn vị quản lý.

2.2. Trường hợp đóng trực tiếp cho cơ quan BHXH nơi thường trú của người lao động trước khi đi làm việc ở nước ngoài: kê khai Mẫu TK1-TS (đối với người tham gia lần đầu hoặc có mã số BHXH nhưng chưa đủ thông tin), nộp hồ sơ và đóng tiền cho cơ quan BHXH.

2.3. Trường hợp người lao động được gia hạn hợp đồng hoặc ký HĐLĐ mới ngay tại nước tiếp nhận lao động truy nộp sau khi về nước: kê khai hồ sơ theo quy định tại tiết b điểm 1.1 khoản 1 Điều 23 nộp cho đơn vị hoặc nộp cho cơ quan BHXH.

3. Người hưởng chế độ phu nhân hoặc phu quân tại cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài: kê khai Mẫu TK1-TS (đối với người tham gia lần đầu hoặc có mã số BHXH nhưng chưa đủ thông tin) nộp hồ sơ và đóng tiền cho đơn vị quản lý.

4. Người lao động và người đang bảo lưu thời gian đóng BHXH bắt buộc còn thiếu tối đa 06 tháng để đủ điều kiện hưởng lương hưu hoặc trợ cấp tuất hàng tháng: người lao động hoặc thân nhân người lao động kê khai Mẫu TK1-TS kèm theo số BHXH của người lao động, để đóng tiền vào quỹ hưu trí và tử tuất cho cơ quan BHXH nơi thường trú hoặc thông qua đơn vị trước khi nghỉ việc.

5. Người tham gia BHXH tự nguyện

Kê khai Mẫu TK1-TS (đối với người tham gia lần đầu hoặc có mã số BHXH nhưng chưa đủ thông tin) nộp và đóng tiền theo phương thức đăng ký cho tổ chức dịch vụ hoặc cơ quan BHXH trên phạm vi toàn quốc. Trường hợp nộp qua Cổng Dịch vụ công thì kê khai Tờ khai đăng ký tham gia BHXH tự nguyện trên Cổng Dịch vụ công (Mẫu 02-TK ban hành kèm theo Quyết định số 3511/QĐ-BHXH ngày 21/11/2022 của BHXH Việt Nam ban hành Quy trình đăng ký tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện trên Cổng Dịch vụ công theo Quyết định số 422/QĐ-TTg ngày 04/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Danh mục dịch vụ công trực tuyến tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia năm 2022.

6. Người chỉ tham gia BHYT

6.1. Người tham gia do tổ chức BHXH đóng BHYT: kê khai Mẫu TK1-TS (đối với người tham gia lần đầu hoặc có mã số BHXH nhưng chưa đủ thông tin), nộp cho UBND xã hoặc cơ quan BHXH. Đối với người đang hưởng trợ cấp thất nghiệp: nộp hồ sơ cho cơ quan BHXH.

6.2. Người tham gia do ngân sách nhà nước đóng BHYT: kê khai Mẫu TK1-TS (đối với người tham gia lần đầu hoặc có mã số BHXH nhưng chưa đủ thông tin), nộp cho UBND xã; trừ các trường hợp sau:

a) Người đã hiến bộ phận cơ thể người kê khai Mẫu TK1-TS (đối với người tham gia lần đầu hoặc có mã số BHXH nhưng chưa đủ thông tin), kèm theo Giấy ra viện, nộp cho cơ quan BHXH;

b) Người tham gia do cơ quan, đơn vị quản lý kê khai Mẫu TK1-TS (đối với người tham gia lần đầu), nộp cho đơn vị quản lý đối tượng.

6.3. Người được ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần mức đóng BHYT: kê khai Mẫu TK1-TS (đối với người tham gia lần đầu hoặc có mã số BHXH nhưng chưa đủ thông tin), nộp hồ sơ và đóng tiền theo phương thức đăng ký cho tổ chức dịch vụ hoặc cho cơ quan BHXH. Trường hợp nộp qua Cổng Dịch vụ công thì kê khai Tờ khai đăng ký đóng, cấp thẻ bảo hiểm y tế trên Cổng Dịch vụ công (Mẫu 01-TK ban hành kèm theo Quyết định số 3510/QĐ-BHXH ngày 21/11/2022 của BHXH Việt Nam ban hành Quy trình đăng ký đóng, cấp thẻ bảo hiểm y tế đối với người chỉ tham gia bảo hiểm y tế trên Cổng Dịch vụ công theo Quyết định số 422/QĐ-TTg ngày 04/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Danh mục dịch vụ công trực tuyến tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia năm 2022 (Quyết định số 3510/QĐ-BHXH).

Đối với học sinh, sinh viên kê khai Mẫu TK1-TS (đối với người tham gia lần đầu hoặc có mã số BHXH nhưng chưa đủ thông tin), nộp hồ sơ và đóng tiền theo phương thức đăng ký cho cơ sở giáo dục.

6.4. Người tham gia BHYT theo hộ gia đình: kê khai Mẫu TK1-TS (đối với người tham gia lần đầu hoặc có mã số BHXH nhưng chưa đủ thông tin), nộp hồ sơ và đóng tiền theo phương thức đăng ký cho tổ chức dịch vụ hoặc cơ quan BHXH. Trường hợp nộp qua Cổng Dịch vụ công thì kê khai Mẫu 01-TK ban hành kèm theo Quyết định số 3510/QĐ-BHXH.

7. Đăng ký hình thức nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính (điện tử hoặc giấy) với cơ quan BHXH.”

8. Sửa đổi Điều 32 như sau:

“Điều 32. Đơn vị, cơ quan lao động - thương binh và xã hội, UBND xã, tổ chức dịch vụ, cơ sở giáo dục, Cơ sở trợ giúp xã hội, Cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng thương binh và người có công; Cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc ngành lao động, thương binh và xã hội, Phòng/Tổ chế độ BHXH

1. Đối với đơn vị

1.1. Nhận Mẫu TK1-TS của người tham gia, kê khai hồ sơ, bao gồm: Mẫu TK3-TS, Mẫu D02-LT; kèm theo bản sao văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến điều chỉnh thông tin của đơn vị, hồ sơ của người lao động; gửi bản giấy cho cơ quan BHXH hoặc gửi bằng hình thức trực tuyến chậm nhất sau 30 ngày kể từ ngày ký HĐLĐ, Quyết định tuyển dụng.

1.2. Nộp tiền đóng của đơn vị (bao gồm tiền đóng thuộc trách nhiệm của đơn vị sử dụng lao động và người lao động), tiền đóng của người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, tiền đóng của phu nhân hoặc phu quân cho cơ quan BHXH theo quy định.

2. Đối với UBND xã

2.1. Nhận Mẫu TK1-TS của người tham gia, lập Mẫu D03-TS theo các nhóm đối tượng, cụ thể:

a) Đối với người tham gia do tổ chức BHXH đóng, nộp cho cơ quan BHXH.

b) Đối với người tham gia do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý, nộp cho cơ quan lao động - thương binh và xã hội và cơ quan BHXH cấp huyện. Trường hợp đã kết nối liên thông dữ liệu đăng ký khai sinh của trẻ em dưới 6 tuổi, không thực hiện lập Mẫu D03-TS.

c) Các đối tượng còn lại nộp bản giấy cho cơ quan BHXH hoặc hình thức trực tuyến.

2.2. Nộp tiền đóng BHYT vào quỹ BHYT theo phân cấp cho cơ quan BHXH.

3. Cơ quan lao động - thương binh và xã hội

3.1. Nhận Mẫu D03-TS của đối tượng do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý do UBND xã gửi đến, phối hợp với cơ quan BHXH rà soát, kiểm tra, đối chiếu Mẫu D03-TS, xác nhận số người tham gia, số tiền phải đóng của từng nhóm đối tượng.

3.2. Chuyển tiền đóng BHYT theo phân cấp hoặc phối hợp với cơ quan BHXH đề nghị cơ quan tài chính chuyển tiền đóng BHYT cho cơ quan BHXH.

4. Cơ sở trợ giúp xã hội, cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng thương binh và người có công; Cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc ngành lao động, thương binh và xã hội; cơ quan, đơn vị quản lý người chỉ tham gia BHYT

4.1. Nhận Mẫu TK1-TS của người tham gia, lập Mẫu D03-TS, gửi hồ sơ cho cơ quan BHXH.

4.2. Chuyển tiền đóng BHYT theo phân cấp hoặc đề nghị cơ quan lao động - thương binh và xã hội hoặc cơ quan tài chính chuyển kinh phí đóng BHYT cho cơ quan BHXH.

5. Tổ chức dịch vụ

5.1. Nhận Mẫu TK1-TS của người tham gia, thu tiền đóng BHXH phần thuộc trách nhiệm đóng của người tham gia BHXH tự nguyện, tiền đóng thuộc trách nhiệm đóng của người tham gia BHYT; cấp biên lai thu tiền cho người tham gia theo quy định.

5.2. Hằng ngày, lập hồ sơ giao dịch điện tử (Mẫu D03-TS, Mẫu D05-TS kèm theo Mẫu TK1-TS) và nộp số tiền đã thu của người tham gia kèm theo Giấy thanh toán thù lao cho tổ chức làm dịch vụ thu (Mẫu C66a-HD ban hành kèm theo Thông tư số 102/2018/TT-BTC ngày 14/11/2018 của Bộ Tài chính) cho cơ quan BHXH.

5.3. Hằng tháng lập biểu Đối chiếu biên lai thu tiền đóng BHXH tự nguyện, BHYT (Mẫu C17-TS) và phối hợp với cơ quan BHXH đối chiếu biên lai thu tiền và số tiền thu của người tham gia đã nộp.

6. Cơ sở giáo dục

6.1. Nhận Mẫu TK1-TS của học sinh, sinh viên theo quy định, thu tiền đóng BHYT phần thuộc trách nhiệm đóng của học sinh, sinh viên.

6.2. Hằng ngày, lập hồ sơ giao dịch điện tử theo Mẫu D03-TS và nộp số tiền đã thu kèm theo Giấy thanh toán thù lao cho tổ chức làm dịch vụ thu (Mẫu C66a-HD ban hành kèm theo Thông tư số 102/2018/TT-BTC ngày 14/11/2018 của Bộ Tài chính) cho cơ quan BHXH.

7. Phòng/Tổ chế độ BHXH

7.1. Nhận Mẫu TK1-TS của người tham gia (nếu có)

7.2. Lập hồ sơ

a) Lập Mẫu D03-TS đối với người tham gia BHYT do tổ chức BHXH đóng (kể cả đối tượng đang chờ ban hành quyết định hưởng hưu trí).

b) Lập danh sách và hồ sơ người lao động giải quyết BHXH một lần còn thời gian BHTN chưa hưởng; người tham gia hưởng, dùng hưởng, hủy hưởng trợ cấp thất nghiệp (Mẫu D16-TS) gửi Phòng/Tổ Quản lý Thu - Sở, Thẻ để đối chiếu và xác nhận lại dữ liệu tổng thời gian đóng BHTN chưa hưởng trên cơ sở dữ liệu thu toàn quốc.

7.3. Chuyển hồ sơ cho Phòng/Tổ Quản lý Thu - Sở, Thẻ.

8. Đối với các đơn vị từ khoản 1 đến khoản 6 Điều này, đăng ký hình thức nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính (điện tử hoặc giấy) với cơ quan BHXH “Khuyến khích đơn vị, người tham gia nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính bằng hình thức điện tử”.

9. Sửa đổi Điều 36 như sau:

“Điều 36. Quản lý đơn vị, người tham gia

1. Phòng/Tổ Quản lý Thu - Sở, Thẻ

1.1. Quản lý đơn vị và người đang tham gia

1.1.1. Kiểm tra, đối chiếu hồ sơ đơn vị, tổ chức dịch vụ quản lý với nội dung kê khai khi tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN, cấp sổ BHXH, thẻ BHYT; điều chỉnh thông tin trên sổ BHXH, thẻ BHYT; nhân thân, làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; truy thu BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN như: Mẫu TK1-TS, Quyết

định/HĐLĐ/HĐLV, Bảng thanh toán tiền lương, tiền công, Bảng chấm công, chứng từ nộp tiền đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN; điểm thu, nhân viên điểm thu, biên lai thu tiền, ...

1.1.2. Lập biên bản kiểm tra và hướng dẫn đơn vị khắc phục các sai sót (nếu có) theo đúng quy định.

1.1.3. Trường hợp đơn vị chậm đóng trên 02 tháng đối với phương thức đóng hằng tháng; 04 tháng, đối với phương thức đóng 03 tháng; 07 tháng, đối với phương thức đóng 06 tháng, cán bộ Phòng/Tổ Quản lý Thu - Sở, Thẻ thực hiện:

a) Gửi Thông báo đôn đốc 10 ngày một lần. Sau 02 lần gửi văn bản đôn đốc, đối với các đơn vị đã gửi thông báo nhưng không thực hiện đóng tiền lập Danh sách đề nghị thanh tra đột xuất (Mẫu D04m-TS) chuyển Phòng Thanh tra - Kiểm tra.

b) Cập nhật kết quả thanh tra vào phần mềm quản lý theo Báo cáo tình hình thực hiện thanh tra chuyên ngành đóng BHXH, BHYT, BHTN đột xuất (Mẫu số 01-TTĐ).

c) Lập danh sách đơn vị đã thanh tra nhưng có tình không đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN để thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng.

1.1.4. Trường hợp phát hiện đơn vị có dấu hiệu hoặc có tình vi phạm như trốn đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN; đóng không đúng tiền lương của người lao động, thu tiền của người lao động nhưng không đóng, đóng không kịp thời, đóng không đủ số tiền phải đóng; khai man, giả mạo hồ sơ thì báo cáo đề xuất Giám đốc để tổ chức thanh tra chuyên ngành và xử lý theo quy định của pháp luật.

1.1.5. Trường hợp đơn vị đang trong thời gian được tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất: xác nhận của cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội; cơ quan tài chính theo quy định tại khoản 2 Điều 28, Thông tư số 59/2015/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2015 của Bộ Lao động Thương Binh và Xã hội và Điều 16 Nghị định số 115/NĐ-CP ngày 11/11/2015 Quy định chi tiết một số điều của Luật BHXH về BHXH bắt buộc.

Cập nhật giảm mức đóng vào quỹ hưu trí tử tuất trên phần mềm quản lý.

1.2. Quản lý đơn vị ngừng hoạt động và người tham gia tại đơn vị

1.2.1. Cập nhật trạng thái đơn vị vào phần mềm quản lý

Căn cứ cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (<https://dangkykinhdoanh.gov.vn>) và hồ sơ theo quy định tại Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/3/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký Doanh nghiệp làm cơ sở xác định trạng thái của đơn vị. Cập nhật trạng thái của đơn vị, scan hồ sơ xác định tình trạng doanh nghiệp vào phần mềm quản lý. Đối với các đơn vị ngừng hoạt động, tạm thời chưa tính lãi, giảm toàn bộ người tham gia trong đơn vị, ghi nhận quá trình của người tham gia BHXH, BHYT, BHTN tại đơn vị tính đến thời điểm đóng; trình Giám đốc BHXH tỉnh/huyện phê duyệt trên phần mềm quản lý, Cụ thể:

a) Đơn vị tạm ngừng kinh doanh: Giấy xác nhận về việc doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh của Cơ quan đăng ký kinh doanh (Phụ lục V-11 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT);

b) Đơn vị không còn hoạt động kinh doanh tại địa chỉ đã đăng ký: thông tin về tình trạng doanh nghiệp do cơ quan Thuế chia sẻ;

c) Đơn vị bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do cưỡng chế về quản lý thuế: Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do cơ quan đăng ký kinh doanh cung cấp (Phụ lục V-17 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT);

d) Đơn vị đang làm thủ tục giải thể, đơn vị đang làm thủ tục phá sản: Thông báo về việc doanh nghiệp đang làm thủ tục giải thể của Cơ quan đăng ký kinh doanh (Phụ lục V-23 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT) hoặc Quyết định mở thủ tục phá sản của Tòa án nhân dân;

đ) Đơn vị đã phá sản, chấm dứt tồn tại: Quyết định tuyên bố phá sản của Tòa án theo quy định của pháp luật về phá sản; Thông báo về việc doanh nghiệp đã giải thể hoặc chấm dứt tồn tại của Cơ quan Đăng ký kinh doanh (Phụ lục V-24 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT)

e) Đơn vị không có người đại diện theo pháp luật hoặc đơn vị không có người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền: Văn bản xác nhận của sở Kế hoạch - Đầu tư theo đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc BHXH cấp tỉnh theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 61/2020/NĐ-CP.

1.2.2. Đối với đơn vị hoạt động trở lại sau khi ngừng hoạt động;

Trường hợp đơn vị hoạt động trở lại sau khi ngừng hoạt động dưới 06 tháng kể từ ngày ngừng hoạt động; đơn vị đóng BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động để giải quyết chế độ BHXH hoặc xác nhận quá trình đóng BHXH để di chuyển, bảo lưu; cán bộ Thu - Sở, Thẻ cập nhật dữ liệu, scan hồ sơ, ký số. Trình Giám đốc BHXH tỉnh/huyện phê duyệt trên phần mềm quản lý.

Trường hợp đơn vị hoạt động trở lại sau khi ngừng hoạt động từ 06 tháng trở lên kể từ ngày ngừng hoạt động; cán bộ Thu - Sở, Thẻ cập nhật dữ liệu, scan hồ sơ, ký số. Trình Giám đốc BHXH tỉnh/huyện phê duyệt đề nghị BHXH Việt Nam phê duyệt trên phần mềm quản lý.

1.3. Hằng tháng, tổng hợp Báo cáo chi tiết đơn vị chậm đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN (Mẫu B03-TS); Báo cáo tổng hợp Tình hình chậm đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNTĐ, BNN (Mẫu B03a-TS), Báo cáo tình hình người lao động thuộc đơn vị chậm đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNTĐ, BNN (Mẫu B03b-TS) của BHXH huyện, toàn tỉnh, toàn quốc tháng trước liền kề.

2. Phòng Thanh tra - Kiểm tra

Trình Giám đốc BHXH tỉnh ban hành Quyết định thanh tra chuyên ngành đột xuất đối với đơn vị chậm đóng, trốn đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNTĐ, BNN; không đóng hoặc đóng không đầy đủ tiền lương của người lao động, thu tiền của người lao động nhưng không đóng, đóng không kịp thời, đóng không đủ số tiền phải đóng; khai man, giả mạo hồ sơ. Đôn đốc việc thực hiện kết luận thanh tra; chuyển hồ sơ sang cơ quan có thẩm quyền đề nghị điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật hình sự.”

10. Sửa đổi, bổ sung điểm 1.1 khoản 1 Điều 38 như sau:

“1.1. Truy thu do trốn đóng theo quy định tại Thông tư số 20/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính: trường hợp đơn vị trốn đóng, đóng không đủ số người thuộc diện bắt buộc tham gia, đóng không đủ số tiền phải đóng theo quy định, chiếm dụng tiền đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN (sau đây gọi là trốn đóng) do cơ quan thanh tra nhà nước có thẩm quyền, cơ quan BHXH kết luận thanh tra chuyên ngành đóng BHXH, BHYT, BHTN từ ngày 01/01/2016 thì ngoài việc truy thu số tiền phải đóng theo quy định, còn phải truy thu số tiền lãi tính trên số tiền, thời gian trốn đóng và mức lãi suất chậm đóng như sau:”

11. Sửa đổi, bổ sung Điều 48 như sau:

“Điều 48. Hệ thống chứng từ, sổ, mẫu biểu

Hệ thống chứng từ, sổ, mẫu biểu được lập trên hệ thống phần mềm liên thông để tổng hợp và báo cáo theo Phụ lục IV đính kèm.”

12. Sửa đổi, bổ sung Điều 49 như sau:

“Điều 49. Chế độ thông tin báo cáo

1. BHXH tỉnh, huyện: Lập báo cáo về quản lý thu, cấp sổ BHXH, thẻ BHYT theo biểu mẫu quy định tại Văn bản này.

2. Thời hạn lập và gửi báo cáo

2.1. BHXH huyện gửi BHXH tỉnh

- Báo cáo tháng: trước ngày 05 của tháng sau.
- Báo cáo quý: trước ngày 10 tháng đầu quý sau.
- Báo cáo năm: trước ngày 25/01 năm sau.

2.2. BHXH tỉnh gửi BHXH Việt Nam

- Báo cáo tháng: ngày 05 tháng sau.
- Báo cáo quý: ngày 10 tháng đầu quý sau.
- Báo cáo năm: ngày 25/01 năm sau.”

13. Bổ sung tiết d điểm 2.2 khoản 2 Điều 50 như sau:

“d) Nộp số tiền thù lao cho cơ quan BHXH tương ứng với số tiền phải hoàn trả cho người BHXH tự nguyện, BHYT tự đóng.”

14. Sửa đổi điểm 2.5 khoản 2 Điều 51 như sau:

“2.5. Xét duyệt, thẩm định quyết toán số liệu thu BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN đối với BHXH huyện theo định kỳ quý, năm theo quy định.”

15. Bổ sung tiết d điểm 3.2 khoản 3 Điều 51 như sau:

“d) Tổ chức lưu trữ sổ BHXH, thẻ BHYT và các biểu mẫu được ký số tại cơ sở dữ liệu dùng chung của BHXH Việt Nam để đảm bảo việc thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, đáp ứng yêu cầu tra cứu và cung cấp thông tin cho cá nhân, tổ chức theo quy định.”

16. Bãi bỏ tiết c điểm 1.2 khoản 1 Điều 23; tiết b điểm 2.1 khoản 2, tiết b điểm 4.1 khoản 4 Điều 27; các Điều 34, 35, 39, 40 Quyết định số 595/QĐ-BHXH.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số khoản, điểm của Điều 1 Quyết định số 505/QĐ-BHXH ngày 27/3/2020 của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy trình thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; quản lý sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế ban hành kèm theo Quyết định số 595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017 của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam như sau:

1. Sửa đổi khoản 13 như sau:

“2. Đơn vị là doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể, tổ hợp tác hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp trả lương theo sản phẩm, theo khoán thì đăng ký phương thức đóng hằng tháng, 03 hoặc 06 tháng một lần với cơ quan BHXH; cơ quan BHXH phối hợp với cơ quan Lao động kiểm tra tại đơn vị trước khi quyết định phương thức đóng của đơn vị. Chậm nhất đến ngày cuối cùng của phương thức đóng, đơn vị phải chuyển đủ tiền vào quỹ BHXH.”

2. Sửa đổi khoản 56 như sau:

“56. Sửa đổi, bổ sung Điều 33 như sau:

Điều 33a. Tiếp nhận, xử lý hồ sơ thu, cấp sổ BHXH, thẻ BHYT

Bộ phận tiếp nhận hồ sơ thực hiện như sau:

1. Cán bộ tiếp nhận hồ sơ

1.1. Đối với hồ sơ đăng ký tham gia, điều chỉnh đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN; hồ sơ cấp lại sổ BHXH, thẻ BHYT; hồ sơ đề nghị điều chỉnh nội dung đã ghi trên sổ BHXH, thẻ BHYT; hồ sơ cộng nổi thời gian nhưng không phải đóng BHXH; điều chỉnh chức danh làm nghề hoặc công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm trước năm 1995; gộp sổ BHXH của đơn vị, cơ quan quản lý đối tượng chỉ tham gia BHYT, tổ chức dịch vụ, người tham gia: cán bộ tiếp nhận hồ sơ thực hiện kiểm tra, đối chiếu các chỉ tiêu trên mẫu biểu theo quy định.

Trường hợp nộp hồ sơ giấy qua dịch vụ bưu chính hoặc tại cơ quan BHXH: scan hồ sơ gốc và cập nhật vào phần mềm quản lý (trừ trường hợp gộp sổ BHXH).

1.2. Chuyển hồ sơ điện tử, dữ liệu ngay trong ngày cho Phòng/Tổ Quản lý Thu - Sổ, Thẻ (Mẫu TK1-TS, TK3-TS, D02-LT, D03-TS, D05-TS, các giấy tờ liên quan) để giải quyết.

Đối với hồ sơ cấp thẻ BHYT cho trẻ em dưới 6 tuổi: trường hợp đã kết nối liên thông dữ liệu đăng ký khai sinh của trẻ em dưới 6 tuổi với bộ, ngành liên quan: chuyên Danh sách cấp thẻ BHYT (Mẫu D03-TS) do hệ thống phần mềm tự động lập cho Phòng/Tổ Quản lý Thu - Sổ, Thẻ.

2. Tiếp nhận hồ sơ, dữ liệu được giải quyết từ Phòng/Tổ Quản lý Thu - Sổ, Thẻ

2.1. Trả sổ BHXH, thẻ BHYT và Danh sách cấp thẻ BHYT (Mẫu D10a-TS để trả cho UBND xã, cơ sở giáo dục, Cơ sở trợ giúp xã hội, Cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng thương binh và người có công) theo hình thức đăng ký.

2.2. Lưu trữ hồ sơ theo quy định.

Điều 33b. Giải quyết hồ sơ thu, cấp sổ BHXH, thẻ BHYT

1. Phòng/Tổ Quản lý Thu - Sổ, Thẻ

1.1. Cán bộ thu - sổ, thẻ được giao nhiệm vụ

Thường xuyên theo dõi phần mềm quản lý, kịp thời thực hiện kiểm tra, đối chiếu hồ sơ liên quan, chỉ tiêu trên mẫu biểu phát sinh của đơn vị, cơ quan quản lý đối tượng chỉ tham gia BHYT, tổ chức dịch vụ, người tham gia (Mẫu TK1-TS, Mẫu D02-LT, Mẫu D03-TS, Mẫu D05-TS) với các quy định về tiền lương làm căn cứ đóng, chức danh nghề, công việc, đối tượng tham gia, quá trình tham gia, nơi đăng ký khám chữa bệnh ban đầu và dữ liệu đang quản lý:

1.1.1. Đối với trường hợp mã số BHXH chưa đầy đủ thông tin, thông tin chưa khớp đúng: triển khai các bước cấp mã số BHXH cho người tham gia theo quy định tại Quyết định số 515/QĐ-BHXH ngày 27/3/2020 của BHXH Việt Nam ban hành quy chế quản lý cơ sở dữ liệu hộ gia đình và mã số BHXH của người tham gia BHXH, BHYT.

1.1.2. Đối với dữ liệu và hồ sơ chưa đầy đủ, chính xác: lập Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02 kèm theo Quyết định số 475/QĐ-BHXH ngày 27/3/2023 Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong ngành Bảo hiểm xã hội Việt Nam) hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ theo quy định chuyển Bộ phận tiếp nhận hồ sơ để gửi đơn vị, cơ quan quản lý đối tượng chỉ tham gia BHYT, tổ chức dịch vụ, người tham gia.

1.1.3. Xử lý hồ sơ

a) Trường hợp người lao động có sổ BHXH bảo lưu quá trình đóng trước năm 2009, sổ BHXH do BHXH Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quản lý nhưng chưa gửi dữ liệu chốt sổ cho BHXH Việt Nam, đăng ký tham gia tiếp hoặc giải quyết chế độ: cập nhật quá trình đóng BHXH, BHTN, BHTNLĐ, BNN vào phần mềm quản lý trình phê duyệt.

b) Trường hợp điều chỉnh công nổi thời gian nhưng không phải đóng BHXH; điều chỉnh chức danh làm nghề hoặc công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm: phối hợp với các đơn vị liên quan thẩm định hồ sơ. Nếu đủ điều kiện điều chỉnh, lập Bảng điều chỉnh thời gian công tác không phải đóng BHXH; điều chỉnh chức danh làm nghề hoặc công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm (Mẫu C09-TS) trên phần mềm quản lý trình phê duyệt.

c) Trường hợp gộp sổ BHXH: lập Phiếu đề nghị gộp sổ BHXH (Mẫu C18-TS) trên phần mềm quản lý trình phê duyệt.

d) Trường hợp điều chỉnh do thay đổi họ, tên, chữ đệm; dân tộc, quốc tịch, nơi đăng ký khai sinh; ngày, tháng, năm sinh; giới tính, số căn cước công dân/số định danh cá nhân/hộ chiếu, hưởng quyền lợi BHYT cao hơn: lập Phiếu điều chỉnh (Mẫu C02-TS) trên phần mềm quản lý trình phê duyệt.

đ) Trường hợp truy thu theo quy định tại Điều 38: cập nhật phát sinh và đính kèm bản scan hồ sơ vào phần mềm quản lý trình phê duyệt.

e) Các trường hợp điều chỉnh khác: căn cứ tính hợp lệ, hợp pháp của hồ sơ đơn vị, người tham gia cung cấp thực hiện điều chỉnh.

g) Trình tự phê duyệt:

Đối với BHXH huyện: Giám đốc huyện phê duyệt trên phần mềm quản lý

Đối với BHXH tỉnh: Trưởng phòng Quản lý thu - Sở, Thẻ phê duyệt trình Giám đốc BHXH tỉnh

Sau khi được Giám đốc BHXH tỉnh/huyện phê duyệt, phần mềm quản lý tự động cập nhật dữ liệu.

1.1.4. Đối với hồ sơ đầy đủ, chính xác

a) Cập nhật dữ liệu

Căn cứ TK1-TS, Mẫu D02-LT, Mẫu D03-TS, Mẫu D05-TS, thực hiện cập nhật vào phần mềm quản lý.

Hệ thống phần mềm tự động kiểm tra, đối chiếu mã số BHXH, họ và tên, số căn cước công dân với dữ liệu toàn quốc đối với các trường hợp cập nhật tăng, nếu trùng với người đang tham gia tại đơn vị khác thì cảnh báo trên màn hình, trường hợp cán bộ Thu - Sở, Thẻ tiếp tục cập nhật vào đơn vị mới, phần mềm tự động giảm số phải thu, người tham gia và cắt giá trị sử dụng thẻ BHYT tại đơn vị cũ, tổng hợp Mẫu C20-TS.

b) Kết quả giải quyết hồ sơ

b1) Hệ thống phần mềm phân bổ số tiền đã thu vào từng quỹ BHXH (ốm đau, thai sản; tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; hưu trí và tử tuất), BHYT, BHTN của người tham gia theo Bảng phân bổ chi tiết số đã thu BHXH, BHYT, BHTN của người tham gia (Mẫu C83a-HD) đối với đơn vị cấp mới, cấp lại số BHXH, thẻ BHYT cho người tham gia theo quy định tại Điều 6 Quyết số 60/2015/QĐ-TTg ngày 27/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ, thứ tự như sau:

Phân bổ tiền cho người lao động đủ điều kiện hưởng BHXH hoặc chấm dứt HĐLĐ, HĐLV (bao gồm tiền đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN và tiền lãi chậm đóng) để kịp thời giải quyết chế độ BHXH, BHTN, BHTNLĐ, BNN cho người lao động theo quy định của pháp luật (nếu có);

Phân bổ số tiền còn lại lần lượt theo thứ tự:

Thu đủ số tiền phải đóng vào quỹ BHYT và tiền lãi phạt chậm đóng, trốn đóng BHYT (nếu có),

Thu đủ số tiền phải đóng vào quỹ BHTN và tiền lãi phạt chậm đóng, trốn đóng BHTN (nếu có).

Thu đủ số tiền phải đóng vào quỹ BHTNLĐ, BNN và tiền lãi phạt chậm đóng, trốn đóng BHTNLĐ, BNN (nếu có).

Thu tiền đóng vào quỹ BHXH (ốm đau, thai sản, hưu trí và tử tuất) và tiền lãi phạt chậm đóng, trốn đóng BHXH (nếu có).

Trường hợp số tiền đóng của đơn vị không đủ phân bổ vào một trong các quỹ nêu trên, sau khi phân bổ đủ số tiền phải đóng lần lượt theo thứ tự trên, số tiền còn lại phân bổ đều theo tỷ trọng cho từng người tham gia trên Mẫu C69a-HD tại quỹ tiếp theo liên kế quỹ đóng đủ.

b2) Cán bộ thu duyệt dữ liệu bảng Chi tiết số phải thu BHXH, BHYT, BHTN

của người tham gia (Mẫu C69a-TS), Bảng phân bổ chi tiết số đã thu BHXH, BHYT, BHTN của người tham gia (Mẫu C83a-TS) đối với đơn vị có phát sinh.

b3) Phát hành sổ BHXH, thẻ BHYT

Đối với BHXH tỉnh: trình Trưởng phòng Quản lý Thu - Sổ, Thẻ phê duyệt dữ liệu phát hành sổ BHXH, Mẫu D09a-TS, D10a-TS để Giám đốc phê duyệt.

Đối với BHXH huyện: trình Giám đốc phê duyệt dữ liệu phát hành sổ BHXH, Mẫu D09a-TS, D10a-TS.

b4) Sau khi Giám đốc BHXH tỉnh/huyện phê duyệt dữ liệu, thực hiện:

Phát hành sổ BHXH, thẻ BHYT, Mẫu D10a-TS theo hình thức đăng ký (Hệ thống phần mềm tự động ký số của cơ quan BHXH đối với sổ BHXH, thẻ BHYT, D10a-TS bản điện tử).

b5) Chuyển kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho Bộ phận tiếp nhận hồ sơ để trả kết quả cho đơn vị, người tham gia. Đối với trường hợp hồ sơ điều chỉnh thu BHXH, BHTN (tiền lương, phụ cấp đóng, chức danh nghề, thời gian đóng BHXH, BHTN) đã được giải quyết các chế độ BHXH (thai sản, ốm đau, hưu trí...) chuyển kết quả cho phòng/tổ Chế độ BHXH.

b6) Hệ thống phần mềm tự động:

Chuyển dữ liệu Quá trình tham gia đã đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN từ đơn vị cũ về đơn vị mới đối với người lao động chuyển đơn vị để quản lý, theo dõi, đảm bảo mỗi người tham gia chỉ có một dữ liệu đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN duy nhất kể từ khi tham gia.

Chuyển toàn bộ dữ liệu quá trình tham gia theo dõi riêng đối với những hồ sơ đã in sổ BHXH, thẻ BHYT, tờ rời sổ BHXH để làm căn cứ giải quyết chế độ BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN, xác nhận sổ BHXH.

Chuyển sang kho dữ liệu riêng để quản lý đối với dữ liệu sổ BHXH đã được gộp vào mã số BHXH mới; dữ liệu sổ BHXH đã được giải quyết BHXH một lần, giải quyết hưởng trợ cấp BHTN.

c) Tổng hợp số liệu

c1) 24 giờ hàng ngày:

Hệ thống phần mềm tổng hợp số phải thu BHXH, BHYT, BHTN (Mẫu C69b-HD, Mẫu C69c-HD, Mẫu C69d-HD); tổng hợp số phải trích thù lao BHXH, BHYT cho tổ chức dịch vụ vào Bảng chi tiết trích thù lao cho tổ chức dịch vụ (Mẫu D11a-TS), Bảng tổng hợp trích thù lao cho tổ chức dịch vụ (Mẫu D11b-TS, Mẫu D11c-TS, Mẫu D11d-TS).

Hệ thống phần mềm phân bổ vào Mẫu C83a-HD đối với các chứng từ được cập nhật trong ngày nhưng chưa phân bổ; tổng hợp phân bổ số đã thu BHXH, BHYT, BHTN (Mẫu C83b-HD, Mẫu C83c-HD, Mẫu C83d-HD)

c2) Hằng tháng, hệ thống phần mềm tổng hợp Mẫu C69a-TS, Mẫu C83a-TS, Mẫu D11a-TS, Mẫu D11b-TS, Mẫu D11c-TS, Mẫu D11d-TS, Bảng chi tiết số phải trả do xác định lại mức chi thù lao (Mẫu D11a-XD), bảng Tổng hợp số phải trả do xác định lại mức chi thù lao (Mẫu D11b-XD, Mẫu D11c-XD, Mẫu D11d-XD), Bảng chi tiết số tiền thù lao đã chi phải thu hồi (Mẫu D11a-HT), bảng Tổng hợp số tiền thù lao

đã chi phải thu hồi (Mẫu D11b-HT, Mẫu D11c-HT, Mẫu D11d-HT), Báo cáo chỉ tiêu quản lý thu; cấp sổ BHXH, thẻ BHYT (Mẫu B01-TS). Hằng quý, tổng hợp số thẻ BHYT và số phải thu theo nơi đăng ký KCB ban đầu (Mẫu B05-TS).

d) Rà soát, đối chiếu số tiền phải thu (Mẫu C69a-HD), số tiền đã thu, số tiền còn phải thu (Mẫu C83a-HD) của từng đơn vị được giao phụ trách với Phòng/Tổ KH-TC.

đ) Ngày cuối cùng của tháng thực hiện:

đ1) Gửi Thông báo điều chỉnh giảm số tiền phải thu BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN (Mẫu C20-TS) đối với người lao động, người chỉ tham gia BHYT của đơn vị đã tham gia tại đơn vị mới.

đ2) Kết xuất dữ liệu người dùng tham gia BHXH, BHYT trong tháng (Mẫu C21-TS) gửi tổ chức dịch vụ để vận động tiếp tục tham gia BHXH tự nguyện, BHYT tự đóng.

e) Trước ngày mùng 5 tháng sau:

e1) Đối chiếu Mẫu C17-TS trên phần mềm quản lý với Mẫu C17-TS do tổ chức dịch vụ lập.

e2) Tổng hợp số liệu tháng Mẫu C69b-HD, Mẫu C83b-HD

Phối hợp với cán bộ KHTC thực hiện kiểm tra, rà soát, đối chiếu số tiền phải thu, số tiền đã thu, số tiền còn phải thu của tháng trước liền kề trên Mẫu C69b-HD, Mẫu C83b-HD, Mẫu D11a-TS, Mẫu D11a-XD, Mẫu D11a-HT với số liệu quản lý của cán bộ KHTC đảm bảo khớp đúng; duyệt dữ liệu, trình Giám đốc BHXH huyện, Trưởng phòng Quản lý Thu - Sổ, Thẻ ký số Mẫu C69b-HD, Mẫu C83b-HD, Mẫu D11b-TS, Mẫu D11a-XD, Mẫu D11a-HT.

Phối hợp với Phòng/Tổ chế độ BHXH đối chiếu số người tham gia, số phải thu BHYT do tổ chức BHXH đóng theo từng nhóm đối tượng.

g) Trước ngày mùng 10 tháng đầu quý sau, tổng hợp quý trước số liệu Mẫu C69b-HD, Mẫu C83b-HD, Mẫu D11b-TS; tổng hợp đối tượng và kinh phí trích chăm sóc sức khỏe ban đầu (Mẫu 03b/BHYT), Mẫu B02a-TS, Mẫu B02b-TS.

1.2. Giám đốc BHXH tỉnh/huyện, Trưởng phòng Quản lý Thu - Sổ, Thẻ căn cứ phân cấp quản lý, chức năng, nhiệm vụ được giao, thực hiện:

a) Kiểm tra, phê duyệt trên phần mềm quản lý các hồ sơ, dữ liệu theo đợt phát sinh hằng ngày do cán bộ Thu - Sổ, Thẻ được phân công trình theo quy định.

b) Ký số các mẫu biểu, báo cáo thường xuyên, định kỳ theo Phụ lục IV đính kèm.

c) Ký số các mẫu biểu để gửi đơn vị theo định kỳ hoặc đợt xuất.

1.3. Phòng/Tổ Quản lý Thu - Sổ, Thẻ chuyển dữ liệu cho Bộ phận tiếp nhận hồ sơ để chuyển cho đơn vị và người tham gia theo hình thức đăng ký, cụ thể:

a) Thông báo kết quả đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN (Mẫu C12-TS) gửi đơn vị trước ngày mùng 6 hằng tháng.

b) Thông báo đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN của người lao động (Mẫu C13-TS) để công khai tại đơn vị trước ngày 31/3 hàng năm.

c) Xác nhận quá trình đóng BHXH, BHYT (tờ rời sổ BHXH theo Quy định về mẫu sổ BHXH ban hành kèm theo Quyết định số 1035/QĐ-BHXH ngày 01/10/2015 của Tổng Giám đốc bảo hiểm xã hội Việt Nam) hàng năm cho từng người lao động gửi từng người tham gia trước ngày 31/3 hằng năm.

d) Danh sách cấp thẻ BHYT (Mẫu D10a-TS) của các đối tượng do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý gửi cơ quan lao động - thương binh và xã hội để theo dõi, quản lý.

đ) Danh sách đối tượng tham gia BHXH tự nguyện, BHYT trước 30 ngày đến hạn phải đóng (Mẫu D08a-TS) gửi tổ chức dịch vụ để vận động, đôn đốc, thu tiền đóng của người tham gia.

e) Mẫu C12-TS gửi cơ quan lao động - thương binh và xã hội, Bảng tổng hợp đối tượng và kinh phí do ngân sách nhà nước đóng, hỗ trợ đóng BHYT (Mẫu số 1 ban hành kèm theo Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ) gửi cơ quan tài chính chuyển kinh phí tương ứng vào quỹ BHYT.

g) Bảng tổng hợp đối tượng tham gia BHXH tự nguyện, ngân sách nhà nước hỗ trợ (Mẫu B09-TS) gửi cơ quan tài chính chuyển kinh phí vào quỹ BHXH.

h) Gửi Phòng/Tổ KHTC Mẫu C12-TS của đối tượng do tổ chức BHXH đóng BHYT.

2. Phòng/Tổ KHTC

2.1. Cán bộ KHTC

2.1.1. Hằng ngày, cập nhật kịp thời số tiền đóng của đơn vị, tổ chức dịch vụ, cơ quan quản lý đối tượng tham gia BHYT, cơ quan tài chính, người tham gia (bao gồm cả ghi thu số tiền đóng BHYT của đối tượng tham gia BHYT do ngân sách Trung ương và quỹ BHXH, BHYT đảm bảo) vào phần mềm quản lý theo từng đơn vị, mã số BHXH đối tượng tham gia.

2.1.2. Tổng hợp số liệu: 24 giờ hằng ngày, hệ thống phần mềm tổng hợp số liệu vào Bảng tổng hợp trích thù lao cho tổ chức dịch vụ thu BHXH, BHYT (Mẫu D12b-TS, Mẫu D12c-TS, Mẫu D12d-TS); hàng tháng, tổng hợp Mẫu D12b-TS, Mẫu D12c-TS, Mẫu D12d-TS

2.1.3. Rà soát, đối chiếu số tiền phải thu (Mẫu C69a-HD), số tiền đã thu, số tiền còn phải thu (Mẫu C83a-HD) của từng đơn vị với cán bộ Thu - Sổ, Thẻ.

2.1.4. Trước ngày mùng 5 hằng tháng, tổng hợp số tiền đã chi thù lao (Mẫu D12b-TS, Mẫu D12b-XD), số tiền đã thu hồi thù lao (Mẫu D12b-HT) tháng trước liền kề; phối hợp với cán bộ thu - sổ, thẻ thực hiện kiểm tra, rà soát, đối chiếu số tiền phải thu, số tiền đã thu, số tiền còn phải thu trên Mẫu C69b-HD, Mẫu C83b-HD, số phải trích thù lao (Mẫu D11a-TS, Mẫu D11a-XD), số đã chi thù lao (Mẫu D12b-TS, Mẫu D12b-XD), số tiền thù lao đã chi thù lao phải thu hồi (Mẫu D11a-HT), số tiền đã thu hồi thù lao (Mẫu D12b-HT) đảm bảo khớp đúng và duyệt dữ liệu.

2.2. Trưởng phòng KHTC căn cứ phân cấp quản lý, chức năng, nhiệm vụ được giao, thực hiện ký số các mẫu biểu, báo cáo thường xuyên, định kỳ theo Phụ lục IV đính kèm.

3. Phòng/Tổ chế độ BHXH

Hàng tháng, phối hợp với Phòng/Tổ Quản lý Thu - Sở, Thẻ đối chiếu số người tham gia, số phải thu BHYT do tổ chức BHXH đóng theo từng nhóm đối tượng.

4. Hàng quý, chậm nhất ngày 10 tháng đầu quý sau (đối với quý 4 chậm nhất đến ngày 25/01 năm sau), BHXH tỉnh/huyện thực hiện đối chiếu, rà soát dữ liệu, quyết toán số liệu thu BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN; xác định số phải trích chăm sóc sức khỏe ban đầu cho đơn vị, cơ sở giáo dục, số phải trích thù lao cho tổ chức dịch vụ/Cơ sở giáo dục đảm bảo khớp đúng trên phần mềm quản lý. Khóa sổ quyết toán quý trước liền kề.

5. Trưởng Ban Quản lý Thu - Sở, Thẻ, Vụ trưởng Vụ Tài chính - Kế toán: ký số các mẫu biểu, báo cáo thường xuyên, định kỳ, trình Tổng Giám đốc ký số theo Phụ lục IV đính kèm.

Bãi bỏ Điều 33c.”

3. Sửa đổi khoản 67 như sau:

“e) Trường hợp một người có từ 02 sổ BHXH trở lên có thời gian đóng BHXH, BHTN trùng nhau theo hướng dẫn tại Công văn số 25/LĐTBXH-BHXH ngày 01/01/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hoàn trả tiền đóng BHXH, BHTN thì cơ quan BHXH thực hiện hoàn trả cho người lao động số tiền đơn vị và người lao động đã đóng vào quỹ hưu trí, tử tuất và số tiền đã đóng vào quỹ BHTN (bao gồm cả số tiền thuộc trách nhiệm đóng BHXH, BHTN của người sử dụng lao động), không bao gồm tiền lãi. Cơ quan BHXH quản lý nơi người lao động đang làm việc hoặc đang sinh sống thực hiện hoàn trả và cấp lại sổ BHXH cho người lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 46.”

4. Sửa đổi, bổ sung gạch đầu dòng (-) thứ 2, thứ 3 tiết b điểm 3.3 khoản 68 như sau:

Phối hợp với Phòng/Tổ KH-TC xác định nguyên nhân, số tiền đã đóng thừa, đóng trùng, số tiền chuyển nhầm, hạch toán nhầm vào tài khoản chuyên thu phải hoàn trả đơn vị, người tham gia, ngân sách nhà nước; xác định số tiền thù lao đã chi cho tổ chức dịch vụ, lập Phiếu trình giải quyết công việc (Mẫu 01) trình Giám đốc BHXH tỉnh/huyện.

- Giám đốc BHXH tỉnh/huyện ban hành Quyết định hoàn trả (Mẫu C16-TS), gửi 01 bản cho Phòng/Tổ KH-TC, lưu Phòng/Tổ Quản lý Thu - Sở, Thẻ 01 bản. Trường hợp ngân hàng hoặc Kho bạc Nhà nước hạch toán nhầm thì gửi 01 bản cho ngân hàng hoặc Kho bạc Nhà nước đó để kiểm soát; Quyết định thu hồi thù lao cho tổ chức dịch vụ (Mẫu C16a-TS) gửi 01 bản cho Phòng/Tổ KH-TC để theo dõi thu hồi, Bộ phận tiếp nhận hồ sơ để gửi cho tổ chức dịch vụ nơi thu tiền của người tham gia để thu hồi số tiền thù lao đã chi cho tổ chức dịch vụ.”

5. Sửa đổi, bổ sung Phụ lục 03 - các loại giấy tờ làm căn cứ để cấp lại, ghi, điều chỉnh thẻ BHYT (*Phụ lục 03 đính kèm*)

6. Bãi bỏ các khoản 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45, 46, 47, 48, 49, 50, 51, 52, 53, 54, 55, 57, 58, 59, 60, 61, 62, 63, 74, 82, 83, 84, 85, 86, 87, 88, 89, 90 Điều 1 Quyết định số 505/QĐ-BHXH.

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ biểu mẫu (*theo Phụ lục V - Danh mục biểu mẫu sửa đổi, bổ sung; bãi bỏ đính kèm*).

1. Bổ sung 28 biểu mẫu (*Mục I Phụ lục V*).
2. Sửa đổi, bổ sung 02 biểu mẫu ban hành kèm theo Quyết định số 595/QĐ-BHXH (*Mục II Phụ lục V*).
3. Sửa đổi, bổ sung 31 biểu mẫu ban hành kèm theo Quyết định số 505/QĐ-BHXH (*Mục III Phụ lục V*).
4. Bãi bỏ 18 biểu mẫu ban hành kèm theo Quyết định số 595/QĐ-BHXH (*Mục IV Phụ lục V*).
5. Bãi bỏ 02 biểu mẫu ban hành kèm theo Quyết định số 505/QĐ-BHXH (*Mục V Phụ lục V*).

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/4/2023; các khoản 9 Điều 2, khoản 2 Điều 3 nêu trên thực hiện tại thời điểm Bảo hiểm xã hội Việt Nam hướng dẫn triển khai phần mềm.

2. Bãi bỏ Quyết định số 1188/QĐ-BHXH ngày 24/5/2022 của Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy trình thu BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN; quản lý sổ BHXH, thẻ BHYT ban hành kèm theo Quyết định số 595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017 và Quyết định số 505/QĐ-BHXH ngày 27/3/2020 sửa đổi bổ sung một số điều của Quyết định số 595/QĐ-BHXH của Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam.

Điều 6. Trưởng Ban Quản lý Thu - SỔ, Thẻ, Chánh Văn phòng Bảo hiểm xã hội Việt nam, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bảo hiểm xã hội Việt Nam; Giám đốc bảo hiểm xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 6;
- VPCP (để b/c TTg CP, các Phó TTg);
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ: LĐTB&XH TC, YT, NV, TP, QP, CA, TTCP;
- UBND tỉnh, TP trực thuộc TƯ;
- HĐQL - BHXHVN;
- TGD, các phó TGD;
- Các đơn vị trực thuộc BHXH VN;
- BHXH Bộ QP, CAND;
- Lưu: VT, TST.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

Trần Đình Liệu

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM

Phụ lục 03

CÁC LOẠI GIẤY TỜ LÀM CĂN CỨ ĐỀ CẤP LẠI, GHI, ĐIỀU CHỈNH THẺ BHYT

(Ban hành kèm theo Quyết định số 490/QĐ-BHXH ngày 28/3/2023 của BHXH Việt Nam)

I. Cấp lại, đổi, điều chỉnh thông tin đã ghi trên thẻ BHYT, hồ sơ gồm một trong các loại giấy tờ sau:

STT	Đối tượng	Tên loại văn bản, hồ sơ	Ghi chú
1. Người có công với cách mạng quy định tại Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng			
1.1	Người có công với cách mạng theo quy định tại Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng, bao gồm: Người hoạt động cách mạng trước ngày 01/01/1945; người hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945 đến ngày khởi nghĩa tháng 8/1945; Bà mẹ Việt Nam anh hùng; thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B, bệnh binh suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên.	a) Thẻ thương binh, thẻ bệnh binh; b) Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh; c) Quyết định công nhận là người hoạt động cách mạng trước ngày 01/01/1945, người hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945 đến ngày khởi nghĩa tháng 8/1945 của Ban Thường vụ tỉnh ủy, Thành ủy trực thuộc Trung ương; d) Quyết định hưởng trợ cấp của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội. đ) Giấy xác nhận của Sở Lao động Thương binh và Xã hội nơi đang hưởng trợ cấp hàng tháng hoặc đã giải quyết trợ cấp một lần (theo hướng dẫn về cơ sở xác định là người có công với cách mạng tại Công văn số 467/NCC ngày 17/6/2010 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội);	
1.2	Người có công với cách mạng theo quy định tại Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng, trừ các đối tượng tại điểm 1 nêu trên	a) Huân chương Kháng chiến; b) Huy chương Kháng chiến; c) Huân chương Chiến thắng; d) Huy chương Chiến thắng; đ) Thẻ thương binh, thẻ bệnh binh; e) Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh; g) Giấy chứng nhận về khen thưởng tổng kết thành tích kháng chiến và thời gian hoạt động KC của cơ quan Thi đua Khen thưởng cấp huyện; h) Quyết định hưởng trợ cấp của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội. i) Giấy xác nhận của Sở Lao động Thương binh và Xã hội nơi đang hưởng trợ cấp hàng tháng hoặc đã giải quyết trợ cấp một lần (theo hướng dẫn về cơ sở xác định là người có công với cách mạng tại Công văn số 467/NCC ngày 17/6/2010 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội);	

2. Cự chiến binh theo quy định tại Nghị định số 150/2006/NĐ-CP, Nghị định số 157/2016/NĐ-CP và Thông tư 25/2016/TT-BLĐTBXH (không được ngân sách nhà nước đóng BHYT theo đối tượng cự chiến binh)

2.1.	Cự chiến binh giai đoạn trước 30/4/1975	<p>a) Quyết định phục viên hoặc xuất ngũ hoặc chuyển ngành.</p> <p>b) Quyết định được hưởng trợ cấp theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg;</p> <p>c) Quyết định được hưởng trợ cấp theo QĐ 188/2007/QĐ-TTg;</p> <p>d) Quyết định hưởng trợ cấp theo Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg ngày 20/8/2010 của Thủ tướng Chính phủ.</p> <p>đ) Quyết định được hưởng trợ cấp theo Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg;</p> <p>đ) Quyết định được hưởng trợ cấp theo QĐ số 38/2010/QĐ-TTg.</p> <p>e) Quyết định được hưởng trợ cấp thanh niên xung phong theo QĐ số 40/2011/QĐ-TTg ngày 27/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ.</p> <p>g) Giấy chứng nhận tham gia thanh niên xung phong của cơ quan có thẩm quyền cấp trước khi thanh niên xung phong trở về địa phương theo quy định tại Thông tư số 24/2009/TT-BLĐTBXH ngày 10/7/2009 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội và Thông tư liên tịch số 08/2012/TTLT-BLĐTBXH-BNV-BTC ngày 16/4/2012 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội- Bộ Nội vụ - Bộ Tài chính;</p> <p>h) Lý lịch cán bộ Đảng viên có ghi là thanh niên xung phong theo quy định tại Thông tư số 24/2009/TT-BLĐTBXH ngày 10/7/2009 của Bộ Lao động - Thương binh & Xã hội.</p> <p>i) Giấy chứng nhận hoàn thành nhiệm vụ ở thanh niên xung phong của cơ quan có thẩm quyền cấp trước khi thanh niên xung phong trở về địa phương theo quy định tại Thông tư số 24/2009/TT-BLĐTBXH và Thông tư liên tịch số 08/2012/TTLT-BLĐTBXH-BNV-BTC;</p> <p>k) Giấy khen trong thời kỳ tham gia thanh niên xung phong của cơ quan có thẩm quyền cấp trước khi thanh niên xung phong trở về địa phương theo quy định tại Thông tư số 24/2009/TT-BLĐTBXH và Thông tư liên tịch số 08/2012/TTLT-BLĐTBXH-BNV-BTC;</p> <p>l) Giấy chứng nhận tham gia dân công hỏa tuyến theo quy định tại Thông tư liên tịch số 138/2015/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC</p>
------	---	---

2.2.	Cựu chiến binh giai đoạn từ 30/4/1975 đến trước thời kỳ xây dựng và bảo vệ tổ quốc	<p>a) Quyết định phục viên hoặc xuất ngũ hoặc chuyển ngành ghi rõ thời gian, địa điểm nơi đóng quân theo quy định tại Quyết định 62/2011/QĐ-TTg hoặc Quyết định hưởng trợ cấp theo quy định tại Quyết định 62/2011/QĐ-TTg.</p> <p>b) Giấy chứng nhận tham gia thanh niên xung phong của cơ quan có thẩm quyền cấp trước khi thanh niên xung phong trở về địa phương theo quy định tại Thông tư số 24/2009/TT-BLĐTBXH ngày 10/7/2009 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội và Thông tư liên tịch số 08/2012/TTLT-BLĐTBXH-BNV-BTC ngày 16/4/2012 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội- Bộ Nội vụ - Bộ Tài chính;</p> <p>c) Giấy chứng nhận hoàn thành nhiệm vụ ở thanh niên xung phong của cơ quan có thẩm quyền cấp trước khi thanh niên xung phong trở về địa phương theo quy định tại Thông tư số 24/2009/TT-BLĐTBXH và Thông tư liên tịch số 08/2012/TTLT-BLĐTBXH-BNV-BTC;</p> <p>d) Giấy khen trong thời kỳ tham gia thanh niên xung phong của cơ quan có thẩm quyền cấp trước khi thanh niên xung phong trở về địa phương theo quy định tại Thông tư số 24/2009/TT-BLĐTBXH và Thông tư liên tịch số 08/2012/TTLT-BLĐTBXH-BNV-BTC;</p> <p>đ) Quyết định được hưởng trợ cấp theo Quyết định 62/2011/QĐ-TTg.</p> <p>e) Giấy chứng nhận tham gia dân công hỏa tuyến theo quy định tại Thông tư liên tịch số 138/2015/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC</p>	
2.3	Cựu chiến binh không được ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng BHYT mà tham gia BHYT theo đối tượng khác có mức hưởng BHYT thấp hơn mức hưởng BHYT của đối tượng cựu chiến binh thì đối tượng đó được đối quyền lợi theo nhóm đối tượng cựu chiến binh.	<p>a) Tờ khai tham gia, điều chỉnh thông tin BHXH, BHYT (Mẫu TK1-TS);</p> <p>b) Giấy tờ chứng minh (theo điểm 2.1, 2.2 nêu trên)</p> <p>c) Riêng các đối tượng sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp nghỉ hưu, cơ quan BHXH căn cứ hồ sơ, dữ liệu đang quản lý để đối thẻ theo quyền lợi của đối tượng cựu chiến binh.</p>	
2.4.	Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp đã hoàn thành nhiệm vụ tại ngũ trong thời kỳ xây dựng và bảo vệ tổ quốc đã nghỉ hưu, phục viên, chuyển ngành.	Quyết định phục viên hoặc xuất ngũ hoặc chuyển ngành.	

3	Cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng, con của liệt sỹ; người có công nuôi dưỡng liệt sỹ	<p>a) Giấy chứng nhận gia đình liệt sỹ hoặc Quyết định cấp Giấy chứng nhận gia đình liệt sỹ và trợ cấp tiền tuất của Sở Lao động Thương binh và Xã hội theo quy định tại Thông tư 05/2013/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2013 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.</p> <p>b) Giấy xác nhận của Sở Lao động Thương binh và Xã hội nơi tiếp nhận, quản lý hồ sơ và làm thủ tục mua BHYT cho thân nhân của liệt sỹ và người có công nuôi dưỡng liệt sỹ theo quy định tại Thông tư số 05/2013/TT-BLĐTBXH.</p>	
4	Người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; người đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; người đang sinh sống tại xã đảo, huyện đảo	<p>2.1. Trường hợp dữ liệu của công dân <u>đã có</u> trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; Cơ sở dữ liệu dân cư về cư trú, người dân không phải cung cấp thông tin ngoài Tờ khai mẫu TK1-TS.</p> <p>2.2. Trường hợp dữ liệu của công dân <u>chưa có</u> trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; Cơ sở dữ liệu dân cư về cư trú: công dân cung cấp Bản sao hợp lệ Giấy xác nhận thông tin về cư trú, Giấy thông báo số định danh cá nhân.</p>	
5	<p>Thân nhân người có công với cách mạng (trừ trường hợp là cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng, con của liệt sỹ; người có công nuôi dưỡng liệt sỹ), bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng, con từ trên 6 tuổi đến dưới 18 tuổi hoặc từ đủ 18 tuổi trở lên nếu còn tiếp tục đi học hoặc bị khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng của các đối tượng: Người hoạt động cách mạng trước ngày 01/01/1945; người hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945; Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến; thương binh, bệnh binh suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên; người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên; - Con đẻ từ trên 6 tuổi của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học bị dị dạng, dị tật do hậu quả của chất độc hóa học không tự lực được trong sinh hoạt hoặc suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt. 	Giấy xác nhận của Sở Lao động Thương binh và Xã hội nơi tiếp nhận, quản lý hồ sơ và làm thủ tục mua BHYT cho thân nhân của người có công với cách mạng theo quy định tại Thông tư số 05/2013/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.	

6	Người thuộc đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ	Giấy xác nhận khuyết tật, ghi rõ mức độ khuyết tật thuộc các đối tượng người khuyết tật nặng và người khuyết tật đặc biệt nặng theo Thông tư liên tịch số 37/2012/TTLT-BLĐTBXH-BYT-BTC-BGDĐT” Quyết định trợ cấp xã hội hằng tháng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp huyện) đối với người thuộc diện hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội hằng tháng	
7	Người thuộc hộ gia đình nghèo; hộ gia đình cận nghèo; hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình; người đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	Giấy chứng nhận học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo theo Thông tư liên tịch số 18/2009/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH Danh sách hàng năm được Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã) xác nhận	

2. Thay đổi thông tin về nhân thân, bổ sung mã nơi đối tượng sinh sống trên thẻ BHYT, hồ sơ gồm một trong các loại giấy tờ sau:

STT	Đối tượng	Tên loại văn bản, hồ sơ	Ghi chú
1	Điều chỉnh họ, tên, chữ đệm; ngày, tháng, năm sinh; giới tính	Giấy khai sinh hoặc trích lục khai sinh do cơ quan có thẩm quyền về hộ tịch cấp theo quy định.	
2	Bổ sung mã nơi đối tượng sinh sống đối với người dân tộc thiểu số và người thuộc hộ gia đình nghèo tham gia BHYT đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; người tham gia BHYT đang sinh sống tại xã đảo, huyện đảo.	2.1. Trường hợp dữ liệu của công dân đã có trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; Cơ sở dữ liệu dân cư về cư trú, người dân không phải cung cấp thông tin ngoài Tờ khai mẫu TK1-TS. 2.2 Trường hợp dữ liệu của công dân chưa có trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; Cơ sở dữ liệu dân cư về cư trú, công dân cung cấp Bản sao hợp lệ Giấy xác nhận thông tin về cư trú, Giấy thông báo số định danh cá nhân.	

Ghi chú: người tham gia không có giấy tờ nêu tại phụ lục, mà có các giấy tờ liên quan khác để chứng minh, làm căn cứ điều chỉnh (trừ các trường hợp: điều chỉnh nhân thân, bổ sung mã nơi đối tượng sinh sống) như: giấy tờ chứng minh là người có công với cách mạng; cựu chiến binh theo quy định tại Pháp lệnh Cựu chiến binh; người tham gia kháng chiến; chứng minh làm nghề hoặc công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm... thì đơn vị nộp các giấy tờ này cho cơ quan BHXH để xem xét, giải quyết (không ghi vào Bảng kê hồ sơ).

Phụ lục IV

DANH MỤC BIỂU MẪU QUẢN LÝ THU BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN; CẤP SỔ BHXH, THẺ BHYT

(Ban hành kèm theo QĐ số 490/QĐ-BHXH ngày 28/3/2023 của BHXH Việt Nam)

Số TT	Tên mẫu biểu	Ký hiệu	Thời gian lập	Trách nhiệm lập	Trách nhiệm ký số trên phần mềm quản lý						Nơi nhận	Số/ngày ban hành Quyết định
					Cán bộ thu	Trưởng phòng Thu - Sổ, Thẻ	Giám đốc BHXH huyện	Giám đốc BHXH tỉnh	Ban Quản lý Thu - Sổ, Thẻ	Tổng Giám đốc		
I	Mẫu biểu liên quan đến đơn vị, người tham gia											
1	Tờ khai tham gia, điều chỉnh thông tin BHXH, BHYT	TK1-TS	Khi có phát sinh	Người tham gia							Cơ quan BHXH	490/QĐ-BHXH ngày 28/3/2023
2	Tờ khai đơn vị tham gia, điều chỉnh BHXH, BHYT	TK3-TS	Khi có phát sinh	Đơn vị							Cơ quan BHXH	490/QĐ-BHXH ngày 28/3/2023
3	Báo cáo tình hình sử dụng lao động và danh sách tham gia BHXH, BHYT, BHTN	D02-LT	Khi có phát sinh	Đơn vị							Cơ quan BHXH	1040/QĐ-BHXH ngày 18/8/2020
4	Danh sách người chỉ tham gia BHYT	D03-TS	Khi có phát sinh	Đơn vị, UBND xã, tổ chức DV							Cơ quan BHXH	490/QĐ-BHXH ngày 28/3/2023
5	Danh sách người tham gia BHXH tự nguyện	D05-TS	Khi có phát sinh	Tổ chức dịch vụ							Cơ quan BHXH	490/QĐ-BHXH ngày 28/3/2023
6	Danh sách người tham gia đến hạn phải đóng BHXH tự nguyện, BHYT	D08-TS	Hàng tháng	Thu - Sổ, Thẻ			Hàng tháng	Hàng tháng			Tổ chức DV	595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017
7	Thông báo kết quả đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN	C12-TS	Hàng tháng	Thu - Sổ, Thẻ			Hàng tháng	Hàng tháng			Đơn vị	490/QĐ-BHXH ngày 28/3/2023
8	Thông báo kết quả đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN	C13-TS	Hàng năm	Thu - Sổ, Thẻ			Hàng năm	Hàng năm			Đơn vị	595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017
9	Quyết định hoàn trả tiền thu BHXH, BHYT	C16-TS	Khi có phát sinh	Thu - Sổ, Thẻ			Khi có phát sinh	Khi có phát sinh			Đơn vị, TC dịch vụ, người TG	490/QĐ-BHXH ngày 28/3/2023
10	Quyết định thu hồi kinh phí đã chi thù lao cho tổ chức dịch vụ thu BHXH tự nguyện, BHYT	C16a-TS	Hàng tháng	Thu - Sổ, Thẻ		Khi có phát sinh	Khi có phát sinh	Khi có phát sinh			“1	490/QĐ-BHXH ngày 28/3/2023
11	Đối chiếu biên lai thu tiền đóng BHXH tự nguyện, BHYT	C17-TS	Hàng tháng	Tổ chức dịch vụ	Khi có phát sinh	Khi có phát sinh	Khi có phát sinh	Khi có phát sinh			Cơ quan BHXH, tổ chức dịch vụ	595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017
12	Danh sách dừng tham gia BHXH tự nguyện, BHYT hộ gia đình	C21-TS	Hàng tháng	Thu - Sổ, Thẻ			Hàng tháng	Hàng tháng			Tổ chức dịch vụ	490/QĐ-BHXH ngày 28/3/2023
13	Danh sách cấp sổ BHXH	D09a-TS	Khi có phát sinh	Thu - Sổ, Thẻ			Khi có phát sinh	Khi có phát sinh			Đơn vị, tổ chức dịch vụ	595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017
14	Danh sách cấp thẻ BHYT	D10a-TS	Khi có phát sinh	Thu - Sổ, Thẻ			Khi có phát sinh	Khi có phát sinh			Đơn vị, tổ chức dịch vụ	595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017
15	Biên bản làm việc về đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN cho người lao động	D04h-TS	Khi có phát sinh	Thu - Sổ, Thẻ	Khi có phát sinh	Khi có phát sinh	Khi có phát sinh	Khi có phát sinh			Cơ quan BHXH, đơn vị	595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017
II	Mẫu biểu nghiệp vụ trong Ngành											
16	Phiếu điều chỉnh	C02-TS	Khi có phát sinh	Thu - Sổ, Thẻ	Khi có phát sinh	Khi có phát sinh	Khi có phát sinh	Khi có phát sinh			Cơ quan BHXH	490/QĐ-BHXH ngày 28/3/2023
17	Phiếu đề nghị cập nhật thời gian công tác không phải đóng BHXH	C09-TS	Khi có phát sinh	Thu - Sổ, Thẻ			Khi có phát sinh	Khi có phát sinh			Cơ quan BHXH	505/QĐ-BHXH ngày 27/3/2020
18	Phiếu đề nghị gộp sổ BHXH	C18-TS	Khi có phát sinh	Thu - Sổ, Thẻ			Khi có phát sinh	Khi có phát sinh			Cơ quan BHXH	505/QĐ-BHXH ngày 27/3/2020

Số TT	Tên mẫu biểu	Ký hiệu	Thời gian lập	Trách nhiệm lập	Trách nhiệm ký sổ trên phần mềm quản lý						Nơi nhận	Số/ngày ban hành Quyết định
					Cán bộ thu	Trưởng phòng Thu - Sổ, Thẻ	Giám đốc BHXH huyện	Giám đốc BHXH tỉnh	Ban Quản lý Thu - Sổ, Thẻ	Tổng Giám đốc		
19	Danh sách người LĐ có thời gian truy thu trùng với thời gian hưởng trợ cấp thất nghiệp hoặc trùng thời gian một năm nghỉ việc đã hưởng BHXH một lần	C19-TS	Khi có phát sinh	Thu - Sổ, Thẻ			Khi có phát sinh	Khi có phát sinh			Cơ quan BHXH	505/QĐ-BHXH ngày 27/3/2020
20	Thông báo điều chỉnh giảm số tiền phải thu BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN	C20-TS	Hàng tháng	Thu - Sổ, Thẻ			Hàng tháng	Hàng tháng			Đơn vị, tổ chức dịch vụ	490/QĐ-BHXH ngày 28/3/2023
21	Chi tiết số phải thu BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN của người tham gia	C69a-HD	Hàng tháng	Thu - Sổ, Thẻ	Hàng tháng						Cơ quan BHXH	490/QĐ-BHXH ngày 28/3/2023
22	Tổng hợp số phải thu BHXH, BHYT, BHTN	C69b-HD	Hàng tháng, quý, năm	Thu - Sổ, Thẻ		Hàng tháng, quý, năm	Hàng tháng, quý, năm	Hàng tháng, quý, năm			Cơ quan BHXH	490/QĐ-BHXH ngày 28/3/2023
23	Tổng hợp số phải thu BHXH, BHYT, BHTN	C69c-HD	Hàng tháng, quý, năm	Thu - Sổ, Thẻ				Hàng tháng, quý, năm			Cơ quan BHXH	490/QĐ-BHXH ngày 28/3/2023
24	Tổng hợp số phải thu BHXH, BHYT, BHTN	C69d-HD	Hàng tháng, quý, năm	Thu - Sổ, Thẻ					Hàng tháng	Hàng quý, năm	Cơ quan BHXH	490/QĐ-BHXH ngày 28/3/2023
25	Bảng phân bổ chi tiết số đã thu BHXH, BHYT, BHTN của người tham gia	C83a-HD	Hàng tháng	Thu - Sổ, Thẻ	Hàng tháng						Cơ quan BHXH	490/QĐ-BHXH ngày 28/3/2023
26	Tổng hợp phân bổ số đã thu BHXH, BHYT, BHTN	C83b-HD	Hàng tháng, quý, năm	Thu - Sổ, Thẻ		Hàng tháng, quý, năm	Hàng tháng, quý, năm	Hàng tháng, quý, năm			Cơ quan BHXH	490/QĐ-BHXH ngày 28/3/2023
27	Tổng hợp phân bổ số đã thu BHXH, BHYT, BHTN	C83c-HD	Hàng tháng, quý, năm	Thu - Sổ, Thẻ				Hàng tháng, quý, năm			Cơ quan BHXH	490/QĐ-BHXH ngày 28/3/2023
28	Tổng hợp phân bổ số đã thu BHXH, BHYT, BHTN	C83d-HD	Hàng tháng, quý, năm	Thu - Sổ, Thẻ					Hàng tháng	Hàng quý, năm	Cơ quan BHXH	490/QĐ-BHXH ngày 28/3/2023
29	Danh sách đơn vị đề nghị thanh tra đột xuất	D04m-TS	Khi có phát sinh	Thu - Sổ, Thẻ		Khi có phát sinh	Khi có phát sinh	Khi có phát sinh			Cơ quan BHXH	595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017
30	Bảng chi tiết trích thù lao cho tổ chức dịch vụ thu BHXH, BHYT	D11a-TS	Hàng tháng	Thu - Sổ, Thẻ	Hàng tháng						Cơ sở giáo dục, tổ chức dịch vụ	490/QĐ-BHXH ngày 28/3/2023
31	Bảng tổng hợp trích thù lao cho tổ chức dịch vụ thu BHXH, BHYT	D11b-TS	Hàng tháng	Thu - Sổ, Thẻ		Hàng tháng	Hàng tháng				Cơ sở giáo dục, tổ chức dịch vụ	490/QĐ-BHXH ngày 28/3/2023
32	Bảng tổng hợp trích thù lao cho tổ chức dịch vụ thu BHXH, BHYT	D11c-TS	Hàng tháng	Thu - Sổ, Thẻ				Hàng tháng			Cơ quan BHXH	490/QĐ-BHXH ngày 28/3/2023
33	Bảng tổng hợp trích thù lao cho tổ chức dịch vụ thu BHXH, BHYT	D11d-TS	Hàng tháng	Thu - Sổ, Thẻ					Hàng tháng		Cơ quan BHXH	490/QĐ-BHXH ngày 28/3/2023
34	Bảng chi tiết số phải trả do xác định lại mức chi thù lao cho tổ chức dịch vụ thu BHXH, BHYT	D11a-XD	Hàng tháng	Thu - Sổ, Thẻ	Hàng tháng						Cơ sở giáo dục, tổ chức dịch vụ	490/QĐ-BHXH ngày 28/3/2023
35	Tổng hợp số phải trả do xác định lại mức chi thù lao cho tổ chức dịch vụ thu BHXH, BHYT	D11b-XD	Hàng tháng	Thu - Sổ, Thẻ		Hàng tháng	Hàng tháng				Cơ sở giáo dục, tổ chức dịch vụ	490/QĐ-BHXH ngày 28/3/2023
36	Tổng hợp số phải trả do xác định lại mức chi thù lao cho tổ chức dịch vụ thu BHXH, BHYT	D11c-XD	Hàng tháng	Thu - Sổ, Thẻ				Hàng tháng			Cơ quan BHXH	490/QĐ-BHXH ngày 28/3/2023
37	Tổng hợp số phải trả do xác định lại mức chi thù lao cho tổ chức dịch vụ thu BHXH, BHYT	D11d-XD	Hàng tháng	Thu - Sổ, Thẻ					Hàng tháng		Cơ quan BHXH	490/QĐ-BHXH ngày 28/3/2023
38	Bảng chi tiết số tiền thù lao đã chi phải thu hồi	D11a-HT	Hàng tháng	Thu - Sổ, Thẻ	Hàng tháng						Cơ sở giáo dục, tổ chức dịch vụ	490/QĐ-BHXH ngày 28/3/2023
39	Tổng hợp số tiền thù lao đã chi phải thu hồi	D11b-HT	Hàng tháng	Thu - Sổ, Thẻ		Hàng tháng	Hàng tháng				Cơ sở giáo dục, tổ chức dịch vụ	490/QĐ-BHXH ngày 28/3/2023
40	Tổng hợp số tiền thù lao đã chi phải thu hồi	D11c-HT	Hàng tháng	Thu - Sổ, Thẻ				Hàng tháng			Cơ quan BHXH	490/QĐ-BHXH ngày 28/3/2023
41	Tổng hợp số tiền thù lao đã chi phải thu hồi	D11d-HT	Hàng tháng	Thu - Sổ, Thẻ					Hàng tháng		Cơ quan BHXH	490/QĐ-BHXH ngày 28/3/2023

Số TT	Tên mẫu biểu	Ký hiệu	Thời gian lập	Trách nhiệm lập	Trách nhiệm ký sổ trên phần mềm quản lý						Nơi nhận	Số/ngày ban hành Quyết định
					Cán bộ thu	Trưởng phòng Thu - Sổ, Thẻ	Giám đốc BHXH huyện	Giám đốc BHXH tỉnh	Ban Quản lý Thu - Sổ, Thẻ	Tổng Giám đốc		
42	Báo cáo tổng hợp trích thù lao cho tổ chức dịch vụ thu BHXH, BHYT	D11b-TH	Hàng tháng, quý, năm	Thu - Sổ, Thẻ		Hàng quý, năm	Hàng quý, năm				Cơ quan BHXH	490/QĐ-BHXH ngày 28/3/2023
43	Báo cáo tổng hợp trích thù lao cho tổ chức dịch vụ thu BHXH, BHYT	D11c-TH	Hàng tháng, quý, năm	Thu - Sổ, Thẻ				Hàng quý, năm			Cơ quan BHXH	490/QĐ-BHXH ngày 28/3/2023
44	Báo cáo tổng hợp trích thù lao cho tổ chức dịch vụ thu BHXH, BHYT	D11d-TH	Hàng tháng, quý, năm	Thu - Sổ, Thẻ					Hàng quý, năm	Hàng quý, năm	Cơ quan BHXH	490/QĐ-BHXH ngày 28/3/2023
45	Bảng tổng hợp trích thù lao cho tổ chức dịch vụ thu BHXH, BHYT	D12b-TS	Hàng tháng	KHTC		TP KHTC	Hàng tháng	Hàng tháng			Cơ quan BHXH	490/QĐ-BHXH ngày 28/3/2023
46	Bảng tổng hợp trích thù lao cho tổ chức dịch vụ thu BHXH, BHYT	D12c-TS	Hàng tháng	KHTC				Hàng tháng			Cơ quan BHXH	490/QĐ-BHXH ngày 28/3/2023
47	Bảng tổng hợp trích thù lao cho tổ chức dịch vụ thu BHXH, BHYT	D12d-TS	Hàng tháng	KHTC					Vụ TCKT	Hàng quý, năm	Cơ quan BHXH	490/QĐ-BHXH ngày 28/3/2023
48	Tổng hợp chi thù lao do xác định lại cho tổ chức dịch vụ thu BHXH, BHYT	D12b-XD	Hàng tháng	KHTC		TP KHTC	Hàng tháng	Hàng tháng			Cơ quan BHXH	490/QĐ-BHXH ngày 28/3/2023
49	Tổng hợp chi thù lao do xác định lại cho tổ chức dịch vụ thu BHXH, BHYT	D12c-XD	Hàng tháng	KHTC				Hàng tháng			Cơ quan BHXH	490/QĐ-BHXH ngày 28/3/2023
50	Tổng hợp chi thù lao do xác định lại cho tổ chức dịch vụ thu BHXH, BHYT	D12d-XD	Hàng tháng	KHTC					Vụ TCKT	Hàng quý, năm	Cơ quan BHXH	490/QĐ-BHXH ngày 28/3/2023
51	Tổng hợp số tiền thu hồi thù lao của tổ chức dịch vụ thu BHXH, BHYT	D12b-HT	Hàng tháng	KHTC		TP KHTC	Hàng tháng				Cơ quan BHXH	490/QĐ-BHXH ngày 28/3/2023
52	Tổng hợp số tiền thu hồi thù lao của tổ chức dịch vụ thu BHXH, BHYT	D12c-HT	Hàng tháng	KHTC				Hàng tháng			Cơ quan BHXH	490/QĐ-BHXH ngày 28/3/2023
53	Tổng hợp số tiền thu hồi thù lao của tổ chức dịch vụ thu BHXH, BHYT	D12d-HT	Hàng tháng	KHTC					Vụ TCKT	Hàng quý, năm	Cơ quan BHXH	490/QĐ-BHXH ngày 28/3/2023
54	Danh sách giải quyết BHXH một lần còn thời gian BHTN chưa hưởng; người tham gia hưởng, dừng hưởng, hủy hưởng trợ cấp thất nghiệp	D16-TS	Khi có phát sinh	Chế độ BHXH		TP chế độ BHXH	Khi có phát sinh				Cơ quan BHXH	490/QĐ-BHXH ngày 28/3/2023
55	Báo cáo tổng hợp đối tượng và kinh phí trích chăm sóc sức khỏe ban đầu	03b/BHYT	Hàng tháng, quý, năm	Thu - Sổ, Thẻ			Hàng quý, năm				Cơ quan BHXH	490/QĐ-BHXH ngày 28/3/2023
56	Báo cáo tổng hợp đối tượng và kinh phí trích chăm sóc sức khỏe ban đầu	03c/BHYT	Hàng tháng, quý, năm	Thu - Sổ, Thẻ				Hàng quý, năm			Cơ quan BHXH	490/QĐ-BHXH ngày 28/3/2023
57	Báo cáo tổng hợp đối tượng và kinh phí trích chăm sóc sức khỏe ban đầu	03d/BHYT	Hàng tháng, quý, năm	Thu - Sổ, Thẻ					Hàng quý	Hàng năm	Cơ quan BHXH	490/QĐ-BHXH ngày 28/3/2023
58	Báo cáo chỉ tiêu quản lý thu; cấp sổ BHXH, thẻ BHYT	B01a-TS	Hàng tháng	Thu - Sổ, Thẻ		Hàng tháng	Hàng tháng				Cơ quan BHXH	595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017
59	Báo cáo chỉ tiêu quản lý thu; cấp sổ BHXH, thẻ BHYT	B01b-TS	Hàng tháng	Thu - Sổ, Thẻ				Hàng tháng			Cơ quan BHXH	595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017
60	Báo cáo chỉ tiêu quản lý thu; cấp sổ BHXH, thẻ BHYT	B01c-TS	Hàng tháng	Thu - Sổ, Thẻ					Hàng tháng		Cơ quan BHXH	595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017
61	Báo cáo tình hình thu BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN	B02a-TS	Quý, năm	Thu - Sổ, Thẻ		Hàng quý, năm	Hàng quý, năm				Cơ quan BHXH	505/QĐ-BHXH ngày 27/3/2020
62	Báo cáo tình hình thu BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN	B02b-TST	Quý, năm	Thu - Sổ, Thẻ				Hàng quý, năm			Cơ quan BHXH	505/QĐ-BHXH ngày 27/3/2020
63	Báo cáo tình hình thu BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN	B02b-TSW	Quý, năm	Thu - Sổ, Thẻ					Hàng quý	Hàng năm	Cơ quan BHXH	505/QĐ-BHXH ngày 27/3/2020
64	Báo cáo chi tiết đơn vị chậm đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN	B03-TSH	Hàng tháng	Thu - Sổ, Thẻ		Hàng tháng	Hàng tháng				Cơ quan BHXH	490/QĐ-BHXH ngày 28/3/2023
65	Báo cáo chi tiết đơn vị chậm đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN	B03-TST	Hàng tháng	Thu - Sổ, Thẻ				Hàng tháng			Cơ quan BHXH	490/QĐ-BHXH ngày 28/3/2023

Số TT	Tên mẫu biểu	Ký hiệu	Thời gian lập	Trách nhiệm lập	Trách nhiệm ký sổ trên phần mềm quản lý						Nơi nhận	Số/ngày ban hành Quyết định
					Cán bộ thu	Trưởng phòng Thu - Sổ, Thẻ	Giám đốc BHXH huyện	Giám đốc BHXH tỉnh	Ban Quản lý Thu - Sổ, Thẻ	Tổng Giám đốc		
66	Báo cáo chi tiết đơn vị chậm đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN	B03-TSW	Hàng tháng	Thu - Sổ, Thẻ					Hàng tháng	Tháng cuối quý	Cơ quan BHXH	490/QĐ-BHXH ngày 28/3/2023
67	Báo cáo tổng hợp Tình hình chậm đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN	B03a-TSH	Hàng tháng	Thu - Sổ, Thẻ		Hàng tháng	Hàng tháng				Cơ quan BHXH	490/QĐ-BHXH ngày 28/3/2023
68	Báo cáo tổng hợp Tình hình chậm đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN	B03a-TST	Hàng tháng	Thu - Sổ, Thẻ				Hàng tháng			Cơ quan BHXH	490/QĐ-BHXH ngày 28/3/2023
69	Báo cáo tổng hợp Tình hình chậm đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN	B03a-TSW	Hàng tháng	Thu - Sổ, Thẻ					Hàng tháng	Tháng cuối quý	Cơ quan BHXH	490/QĐ-BHXH ngày 28/3/2023
70	Báo cáo tình hình người lao động thuộc đơn vị chậm đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN	B03b-TSH	Hàng tháng	Thu - Sổ, Thẻ		Hàng tháng	Hàng tháng				Cơ quan BHXH	490/QĐ-BHXH ngày 28/3/2023
71	Báo cáo tình hình người lao động thuộc đơn vị chậm đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN	B03b-TST	Hàng tháng	Thu - Sổ, Thẻ				Hàng tháng			Cơ quan BHXH	490/QĐ-BHXH ngày 28/3/2023
72	Báo cáo tình hình người lao động thuộc đơn vị chậm đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN	B03b-TSW	Hàng tháng	Thu - Sổ, Thẻ				Hàng tháng	Hàng tháng	Tháng cuối quý	Cơ quan BHXH	490/QĐ-BHXH ngày 28/3/2023
73	Bảng tổng hợp sổ thẻ và sổ phải thu theo nơi đăng ký KCB ban đầu	B05-TS	Quý, năm	Thu - Sổ, Thẻ				Hàng quý, năm			Cơ quan BHXH	595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017
74	Báo cáo tình hình thu BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN	B06-TSH	Hàng tháng	Thu - Sổ, Thẻ		Hàng tháng	Hàng tháng				Cơ quan BHXH	490/QĐ-BHXH ngày 28/3/2023
75	Báo cáo tình hình thu BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN	B06-TST	Hàng tháng	Thu - Sổ, Thẻ				Hàng tháng			Cơ quan BHXH	490/QĐ-BHXH ngày 28/3/2023
76	Báo cáo tình hình thu BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN	B06-TSW	Hàng tháng	Thu - Sổ, Thẻ					Hàng tháng	Tháng cuối quý	Cơ quan BHXH	490/QĐ-BHXH ngày 28/3/2023
77	Bảng tổng hợp đối tượng tham gia BHXH tự nguyện NSNN hỗ trợ	B09-TSH	Hàng tháng, quý, năm	Thu - Sổ, Thẻ		Hàng tháng, quý, năm	Hàng tháng, quý, năm				Cơ quan BHXH	490/QĐ-BHXH ngày 28/3/2023
78	Bảng tổng hợp đối tượng tham gia BHXH tự nguyện NSNN hỗ trợ	B09-TST	Hàng tháng, quý, năm	Thu - Sổ, Thẻ				Hàng tháng, quý, năm			Cơ quan BHXH	490/QĐ-BHXH ngày 28/3/2023
79	Bảng tổng hợp đối tượng tham gia BHXH tự nguyện NSNN hỗ trợ	B09-TSW	Hàng tháng, quý, năm	Thu - Sổ, Thẻ					Hàng tháng	Hàng quý, năm	Cơ quan BHXH	490/QĐ-BHXH ngày 28/3/2023
80	Bảng tổng hợp đối tượng và kinh phí do ngân sách nhà nước đóng, hỗ trợ đóng BHYT	Mẫu số 01H	Hàng tháng, quý, năm	Thu - Sổ, Thẻ		Hàng tháng, quý, năm	Hàng tháng, quý, năm				Cơ quan BHXH	Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ
81	Bảng tổng hợp đối tượng và kinh phí do ngân sách nhà nước đóng, hỗ trợ đóng BHYT	Mẫu số 01T	Hàng tháng, quý, năm	Thu - Sổ, Thẻ				Hàng tháng, quý, năm			Cơ quan BHXH	Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ
82	Bảng tổng hợp đối tượng và kinh phí do ngân sách nhà nước đóng, hỗ trợ đóng BHYT	Mẫu số 01W	Hàng tháng, quý, năm	Thu - Sổ, Thẻ					Hàng tháng	Hàng quý, năm	Cơ quan BHXH	Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ

Phụ lục V

DANH MỤC BIỂU MẪU BỔ SUNG, SỬA ĐỔI, BÃI BỎ

(Ban hành kèm theo QĐ số 490/QĐ-BHXH ngày 28/3/2023 của BHXH Việt Nam)

Số TT	Tên mẫu biểu	Ký hiệu
I	Bổ sung mới mẫu biểu	
1	Phiếu điều chỉnh	C02-TS
2	Quyết định thu hồi kinh phí đã chi thù lao cho tổ chức dịch vụ thu BHXH tự nguyện, BHYT	C16a-TS
3	Thông báo điều chỉnh giảm số tiền phải thu BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN	C20-TS
4	Danh sách dừng tham gia BHXH tự nguyện, BHYT hộ gia đình	C21-TS
5	Báo cáo tình hình người lao động thuộc đơn vị chậm đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN	B03b-TSH
6	Báo cáo tình hình người lao động thuộc đơn vị chậm đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN	B03b-TST
7	Báo cáo tình hình người lao động thuộc đơn vị chậm đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN	B03b-TSW
8	Bảng chi tiết số phải trả do xác định lại mức chi thù lao cho tổ chức dịch vụ thu BHXH, BHYT	D11a-XD
9	Tổng hợp số phải trả do xác định lại mức chi thù lao cho tổ chức dịch vụ thu BHXH, BHYT	D11b-XD
10	Tổng hợp số phải trả do xác định lại mức chi thù lao cho tổ chức dịch vụ thu BHXH, BHYT	D11c-XD
11	Tổng hợp số phải trả do xác định lại mức chi thù lao cho tổ chức dịch vụ thu BHXH, BHYT	D11d-XD
12	Bảng chi tiết số tiền thù lao đã chi phải thu hồi	D11a-HT
13	Tổng hợp số tiền thù lao đã chi phải thu hồi	D11b-HT
14	Tổng hợp số tiền thù lao đã chi phải thu hồi	D11c-HT
15	Tổng hợp số tiền thù lao đã chi phải thu hồi	D11d-HT
16	Báo cáo tổng hợp trích thù lao cho tổ chức dịch vụ thu BHXH, BHYT	D11b-TH
17	Báo cáo tổng hợp trích thù lao cho tổ chức dịch vụ thu BHXH, BHYT	D11c-TH
18	Báo cáo tổng hợp trích thù lao cho tổ chức dịch vụ thu BHXH, BHYT	D11d-TH
19	Tổng hợp chi thù lao do xác định lại cho tổ chức dịch vụ thu BHXH, BHYT	D12b-XD
20	Tổng hợp chi thù lao do xác định lại cho tổ chức dịch vụ thu BHXH, BHYT	D12c-XD
21	Tổng hợp chi thù lao do xác định lại cho tổ chức dịch vụ thu BHXH, BHYT	D12d-XD
22	Tổng hợp số tiền thu hồi thù lao của tổ chức dịch vụ thu BHXH, BHYT	D12b-HT
23	Tổng hợp số tiền thu hồi thù lao của tổ chức dịch vụ thu BHXH, BHYT	D12c-HT
24	Tổng hợp số tiền thu hồi thù lao của tổ chức dịch vụ thu BHXH, BHYT	D12d-HT
25	Danh sách giải quyết BHXH một lần còn thời gian BHTN chưa hưởng; người tham gia hưởng, dừng hưởng, hủy hưởng trợ cấp thất nghiệp	D16-TS

Số TT	Tên mẫu biểu	Ký hiệu
26	Báo cáo tổng hợp đối tượng và kinh phí trích chăm sóc sức khỏe ban đầu	03b/BHYT
27	Báo cáo tổng hợp đối tượng và kinh phí trích chăm sóc sức khỏe ban đầu	03c/BHYT
28	Báo cáo tổng hợp đối tượng và kinh phí trích chăm sóc sức khỏe ban đầu	03d/BHYT
II	Sửa đổi, bổ sung mẫu biểu ban hành kèm theo Quyết định số 595/QĐ-BHXH	
1	Thông báo kết quả đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN	C12-TS
2	Quyết định hoàn trả tiền thu BHXH, BHYT	C16-TS
III	Sửa đổi, bổ sung mẫu biểu ban hành kèm theo Quyết định số 505/QĐ-BHXH	
1	Tờ khai tham gia, điều chỉnh thông tin BHXH, BHYT	TK1-TS
2	Tờ khai đơn vị tham gia, điều chỉnh BHXH, BHYT	TK3-TS
3	Danh sách người chỉ tham gia BHYT	D03-TS
4	Danh sách người tham gia BHXH tự nguyện	D05-TS
5	Chi tiết số phải thu BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN của người tham gia	C69a-HD
6	Tổng hợp số phải thu BHXH, BHYT, BHTN	C69b-HD
7	Tổng hợp số phải thu BHXH, BHYT, BHTN	C69c-HD
8	Tổng hợp số phải thu BHXH, BHYT, BHTN	C69d-HD
9	Bảng phân bổ chi tiết số đã thu BHXH, BHYT, BHTN của người tham gia	C83a-HD
10	Tổng hợp phân bổ số đã thu BHXH, BHYT, BHTN	C83b-HD
11	Tổng hợp phân bổ số đã thu BHXH, BHYT, BHTN	C83c-HD
12	Tổng hợp phân bổ số đã thu BHXH, BHYT, BHTN	C83d-HD
13	Bảng chi tiết trích thù lao cho tổ chức dịch vụ thu BHXH, BHYT	D11a-TS
14	Bảng tổng hợp trích thù lao cho tổ chức dịch vụ thu BHXH, BHYT	D11b-TS
15	Bảng tổng hợp trích thù lao cho tổ chức dịch vụ thu BHXH, BHYT	D11c-TS
16	Bảng tổng hợp trích thù lao cho tổ chức dịch vụ thu BHXH, BHYT	D11d-TS
17	Bảng tổng hợp trích thù lao cho tổ chức dịch vụ thu BHXH, BHYT	D12b-TS
18	Bảng tổng hợp trích thù lao cho tổ chức dịch vụ thu BHXH, BHYT	D12c-TS
19	Bảng tổng hợp trích thù lao cho tổ chức dịch vụ thu BHXH, BHYT	D12d-TS
20	Báo cáo chi tiết đơn vị chậm đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN	B03-TSH
21	Báo cáo chi tiết đơn vị chậm đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN	B03-TST
22	Báo cáo chi tiết đơn vị chậm đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN	B03-TSW
23	Báo cáo tổng hợp Tình hình chậm đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN	B03a-TSH
24	Báo cáo tổng hợp Tình hình chậm đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN	B03a-TST
25	Báo cáo tổng hợp Tình hình chậm đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN	B03a-TSW

Số TT	Tên mẫu biểu	Ký hiệu
26	Báo cáo tình hình thu BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN	B06-TSH
27	Báo cáo tình hình thu BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN	B06-TST
28	Báo cáo tình hình thu BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN	B06-TSW
29	Bảng tổng hợp đối tượng tham gia BHXH tự nguyện NSNN hỗ trợ	B09-TSH
30	Bảng tổng hợp đối tượng tham gia BHXH tự nguyện NSNN hỗ trợ	B09-TST
31	Bảng tổng hợp đối tượng tham gia BHXH tự nguyện NSNN hỗ trợ	B09-TSW
IV	Bãi bỏ mẫu biểu ban hành kèm theo Quyết định số 595/QĐ-BHXH	
1	Biên bản thẩm định số liệu thu BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN	C03-TS
2	Phiếu sử dụng phôi bì sổ BHXH	C06-TS
3	Phiếu sử dụng phôi thẻ BHYT	C07-TS
4	Thông báo xác nhận thời gian tham gia BHXH, BHTN của người lao động	C14-TS
5	Sổ theo dõi sử dụng phôi sổ BHXH	S04-TS
6	Sổ theo dõi tình hình cấp sổ BHXH	S05-TS
7	Sổ theo dõi sử dụng phôi thẻ BHYT	S06-TS
8	Sổ theo dõi chi tiết thời hạn sử dụng thẻ BHYT	S07-TS
9	Danh sách truy thu cộng nổi thời gian	B04a-TS
10	Tổng hợp danh sách truy thu cộng nổi thời gian	B04b-TS
11	Kế hoạch thu BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN	K01-TS
12	Kế hoạch sử dụng phôi sổ BHXH, thẻ BHYT	K02-TS
13	Danh sách đơn vị thuế đang quản lý chưa tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN	D04a-TS
14	Danh sách đơn vị BHXH đang quản lý chưa tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN đầy đủ cho người lao động	D04b-TS
15	Danh sách đơn vị đang tham gia BHXH đã giải thể, phá sản, bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngừng hoạt động, tạm ngừng hoạt động	D04c-TS
16	Danh sách đơn vị trả thu nhập theo kế hoạch thanh tra của cơ quan thuế	D04d-TS
17	Báo cáo Tình hình khai thác, phát triển đối tượng, đơn vị tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN	D04k-TS
18	Bảng kê thông tin	D01-TS
V	Bãi bỏ mẫu biểu ban hành kèm theo Quyết định số 505/QĐ-BHXH	
1	Báo cáo chi tiết lao động tại các đơn vị phá sản, giải thể, chủ bỏ trốn, tạm ngừng hoạt động	B12-TS
2	Danh sách đơn vị phá sản, giải thể, tạm ngừng hoạt động	B12a-TS

PHIẾU ĐIỀU CHỈNH

Số:; Ngày ... tháng ... năm ...

Họ tên người lập phiếu:

Nội dung điều chỉnh thông tin Mã số BHXH:; Họ và tên:

Nội dung điều chỉnh	Thông tin cũ	Thông tin mới
- Họ, tên, chữ đệm		
- Ngày, tháng, năm sinh		
- Giới tính		
- Nơi đăng ký khai sinh		
- Số CCCD/số ĐDCN/CMTND/hộ chiếu		
- Quyền lợi hưởng BHYT		
- Dân tộc		
- Quốc tịch		
- Địa chỉ thường trú		

Đính kèm bản scan hồ sơ của người tham gia vào hệ thống

Giám đốc tỉnh/huyện ký số, lưu trên hệ thống

HƯỚNG DẪN LẬP

Phiếu điều chỉnh (Mẫu C02-TS)

a) Mục đích: là căn cứ để Phòng/Tổ Quản lý Thu – SỔ, Thẻ thực hiện cập nhật nội dung điều chỉnh thay đổi họ, tên, chữ đệm; dân tộc, quốc tịch, địa chỉ thường trú; ngày, tháng, năm sinh; giới tính, số căn cước công dân/số định danh cá nhân/hộ chiếu, hưởng quyền lợi BHYT cao hơn của người tham gia vào cơ sở dữ liệu.

b) Trách nhiệm lập: Phòng/Tổ Quản lý Thu – SỔ, Thẻ

c) Thời gian lập: khi có phát sinh

d) Căn cứ lập: hồ sơ đề nghị của người tham gia

e) Phương thức lập:

- Hệ thống tự động phát sinh số phiếu, cập nhật ngày tháng năm theo hệ thống.

- Họ tên người lập phiếu: ghi họ tên cán bộ chuyên quản lập phiếu

- Ghi thông tin Mã số BHXH, Họ và tên của người tham gia cần điều chỉnh

- Nội dung điều chỉnh: ghi thông tin cũ, thông tin mới chỉ tiêu điều chỉnh.

- Đính kèm bản scan hồ sơ của người tham gia vào hệ thống

- Giám đốc tỉnh/huyện ký số, lưu trên hệ thống.

BẢO HIỂM XÃ HỘI
BẢO HIỂM XÃ HỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-BHXH , ngày tháng năm 20.....

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc Thu hồi kinh phí chi thù lao cho tổ chức dịch vụ thu
bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế**

GIÁM ĐỐC BẢO HIỂM XÃ HỘI

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội số 58/2014/QH11 ngày 20 tháng 11 năm 2014;

*Căn cứ Luật bảo hiểm y tế số 25/2008/QH12 ngày 14 tháng 11 năm 2008; Luật sửa
đổi, bổ sung một số điều của Luật bảo hiểm y tế;*

*Căn cứ Quyết định số ../201../QĐ-TTg ngày ... tháng ... năm của Thủ tướng
Chính phủ về quản lý tài chính đối với Bảo hiểm xã hội Việt Nam;*

*Căn cứ Quyết định số ../202.../QĐ-BHXH ngày ... tháng ... năm của Bảo hiểm
xã hội Việt Nam Ban hành Quy chế quản lý hoạt động của tổ chức dịch vụ thu bảo hiểm xã
hội, bảo hiểm y tế;*

*Xét đề nghị của Trưởng phòng (Tổ trưởng) Quản lý thu - sổ, thẻ; Trưởng phòng
(Tổ trưởng) Kế hoạch - Tài chính;*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi số tiền đồng (viết bằng chữ:.....)
đã chi thù lao cho do hoàn trả tiền đóng bảo
hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế cho người tham gia (bảng kê chi tiết kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng (Tổ trưởng) Quản lý thu - Sổ, Thẻ; Trưởng phòng Kế
hoạch - Tài chính, các phòng (tổ) trực thuộc Bảo hiểm xã hội và đơn vị, cá
nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- BHXH huyện
- Lưu: VT, PT, KHTC.

GIÁM ĐỐC

BẢNG KÊ CHI TIẾT

(Kèm theo Quyết định về việc Thu hồi kinh phí chi thù lao cho tổ chức dịch vụ thu bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế số ngày của BHXH)

STT	Họ và tên	Mã số BHXH	Mức đóng	Số tháng hoàn trả	Số tiền hoàn trả Người tham gia	Tỷ lệ % thù lao phải thu hồi	Số tiền thu hồi thù lao cho tổ chức dịch vụ thu BHXH, BHYT	Ghi chú
1								
2								
3								
	Tổng cộng:							

HƯỚNG DẪN LẬP

Quyết định thu hồi kinh phí đã chi thù lao cho tổ chức dịch vụ thu bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế (Mẫu C16a-TS)

a) Mục đích: để giám đốc cơ quan BHXH ra quyết định thu hồi kinh phí đã chi thù lao cho tổ chức dịch vụ thu bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế đối với người tham gia được hoàn trả một phần tiền đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế.

b) Trách nhiệm lập: cơ quan BHXH.

c) Thời gian lập: khi có phát sinh.

d) Căn cứ lập: Quyết định hoàn trả tiền thu BHXH, BHYT (Mẫu C16-TS).

đ) Phương pháp lập: ghi đầy đủ các nội dung tiêu thức trên quyết định thu hồi kinh phí đã chi thù lao cho tổ chức dịch vụ thu bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế.



BẢO HIỂM XÃ HỘI ...
BẢO HIỂM XÃ HỘI ...

Mẫu C20-TS
(Ban hành kèm theo QĐ số 490/QĐ-BHXH
ngày 28/3/2023 của BHXH Việt Nam)

THÔNG BÁO ĐIỀU CHỈNH GIẢM SỐ PHẢI THU BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN
Tháng Năm...

Kính gửi:
Địa chỉ: Mã đơn vị: ...

Bảo hiểm xã hội thông báo về việc điều chỉnh giảm số tiền phải thu BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN đối với người tham gia của đơn vị đã tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN, cụ thể như sau:

STT	Họ và tên	Mã số BHXH	Ngày tháng năm sinh	Số CMTND/CCCD/hộ chiếu	Thời gian giảm		Số tiền phải thu điều chỉnh giảm				Lý do	Ghi chú
					Từ tháng	Đến tháng	BHXH	BHYT	BHTN	BHTNLĐ, BNN		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11

Đề nghị đơn vị kiểm tra thông tin trên, trường hợp không thống nhất đề nghị liên hệ với cơ quan BHXH
....., ngày.....tháng.....năm.....
Giám đốc BHXH
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

HƯỚNG DẪN LẬP

Thông báo điều chỉnh giảm số tiền phải thu BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN (Mẫu C20-TS)

a) Mục đích: để tổng hợp thông tin người tham gia điều chỉnh giảm số tiền phải thu BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN phát sinh trong tháng đối với người tham gia của đơn vị đã tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN để gửi đơn vị, UBND xã, cơ quan quản lý đối tượng, tổ chức dịch vụ thu, nhà trường.

b) Trách nhiệm lập: cơ quan BHXH.

c) Thời gian lập: hằng tháng.

d) Căn cứ lập: cơ sở dữ liệu trên phần mềm quản lý tự động giảm quá trình BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN của người tham gia

e) Phương pháp lập:

- Cột A: ghi số thứ tự
- Cột B: ghi họ, tên người tham gia
- Cột 1: ghi mã số BHXH của người tham gia.
- Cột 2: ghi ngày tháng năm sinh của người tham gia
- Cột 3: ghi số CMTND/CCCD/hộ chiếu của người tham gia
- Cột 4: ghi từ tháng giảm
- Cột 5: ghi đến tháng giảm
- Cột 6, 7, 8, 9: ghi số tiền phải thu điều chỉnh giảm BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN
- Cột 10: ghi mã cơ quan BHXH, mã đơn vị, tên đơn vị của người tham gia
- Cột 11: Ghi chú.

BẢO HIỂM XÃ HỘI ...
BẢO HIỂM XÃ HỘI ...

Mẫu C21-TS
(Ban hành kèm theo QĐ số 490/QĐ-BHXH
ngày 28/3/2023 của BHXH Việt Nam)

DANH SÁCH DỪNG THAM GIA BHXH, BHYT
Tháng Năm...

Tên Điểm thu:
Mã Điểm thu: ...
Địa chỉ lên hệ:
Điện thoại: Email:

STT	Họ và tên	Mã số BHXH	Ngày tháng năm sinh	Địa chỉ	Số điện thoại	Tháng dừng tham gia	Ghi chú
A	B	1	2	3	4	5	6
I	BHXH						
II	BHYT						

.....,ngày.....tháng.....năm.....
Giám đốc BHXH
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

HƯỚNG DẪN LẬP

Danh sách dừng tham gia BHXH, BHYT (Mẫu C21-TS)

a) Mục đích: để tổng hợp thông tin các trường hợp dừng tham gia BHXH, BHYT trong tháng chưa tham gia BHXH, BHYT gửi tổ chức dịch vụ thu là cơ sở khai thác phát triển đối tượng.

b) Trách nhiệm lập: cơ quan BHXH.

c) Thời gian lập: hằng tháng.

d) Căn cứ lập: cơ sở dữ liệu trên phần mềm quản lý đã dừng tham gia BHXH tự nguyện, BHYT hộ gia đình chưa tham gia lại BHXH, BHYT

e) Phương pháp lập:

- Cột A: ghi số thứ tự
- Cột B: ghi họ, tên người tham gia
- Cột 1: ghi mã số BHXH của người tham gia.
- Cột 2: ghi ngày tháng năm sinh của người tham gia
- Cột 3: ghi địa chỉ của người tham gia
- Cột 4: ghi số điện thoại của người tham gia
- Cột 5: ghi tháng dừng tham gia
- Cột 6: ghi chú.

BÁO CÁO TÌNH HÌNH NGƯỜI LAO ĐỘNG THUỘC ĐƠN VỊ CHẠM ĐÓNG BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN

Tháng Năm

STT	Tên đơn vị	Mã đơn vị	Số lao động	Địa chỉ liên hệ	Thời điểm Ngừng hoạt động của đơn vị được cập nhật trên phần mềm	Thời gian chậm đóng của đơn vị		Tổng số tiền chậm đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN		Trong đó													Tình trạng đơn vị										Biện pháp			
										BHXH						BHYT			BHTN			BHTNLĐ, BNN			Đơn vị hoạt động		Đơn vị ngừng hoạt động									
						Số tiền chậm đóng	Lãi chậm đóng	Quý Hưu trí, tử tuất			Quý ốm đau, thai sản			Số tháng chậm đóng	Số tiền chậm đóng																					
								Từ tháng/năm	Đến tháng/năm	Số tháng chậm đóng	Số tiền chậm đóng	Lãi	Số tháng chậm đóng			Số tiền chậm đóng	Lãi	Số tháng chậm đóng	Số tiền chậm đóng	Lãi	Số tháng chậm đóng	Số tiền chậm đóng	Lãi	Số tháng chậm đóng	Số tiền chậm đóng	Lãi	Số tháng chậm đóng	Số tiền chậm đóng	Lãi							
A	B	C	1	2	3	4	5	6=9+12+15+18+21	7=10+13+16+19+22	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	
BHXH tỉnh A																																				
BHXH huyện B																																				
I	Doanh nghiệp Nhà nước																																			
1	Đơn vị A																																			
2	Đơn vị B																																			
II	DN có vốn đầu tư nước ngoài																																			
1	Đơn vị A																																			
III	Doanh nghiệp ngoài quốc doanh																																			
IV	Hành chính, Đảng, đoàn thể																																			
V	Sự nghiệp công lập																																			
VI	Xã, phường, thị trấn																																			
VII	Cán bộ không CT cấp xã																																			
VIII	Hợp tác xã																																			
IX	Ngoài công lập																																			
X	Hộ SXKD cá thể, tổ hợp tác, CN																																			
XI	Lao động có thời hạn ở NN																																			
																																			
BHXH huyện C																																				
...																																				
BHXH tỉnh N																																				
																																			
Tổng số																																				

.....ngày....tháng.....năm.....
Tổng Giám đốc/Trưởng ban Quản lý Thu - Sổ, Thẻ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

HƯỚNG DẪN LẬP

Báo cáo tình hình người lao động thuộc đơn vị chậm đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN (Mẫu B03b-TSH)

a) Mục đích: tổng hợp số lao động thuộc đơn vị chậm đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN để theo dõi; đôn đốc thu hồi.

b) Căn cứ lập: Mẫu C83-TS tháng, cơ sở dữ liệu của từng người tham gia.

c) Trách nhiệm lập: cơ quan BHXH huyện.

BHXH huyện gửi dữ liệu mẫu B03b-TSH về BHXH tỉnh.

d) Thời gian lập: hằng tháng.

đ) Phương pháp lập:

- Cột A: ghi số thứ tự.

- Cột B: ghi tên người tham gia thuộc đơn vị chậm đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN theo từng loại chỉ tiêu.

- Cột C: ghi số định danh của đơn vị.

- Cột 1: ghi Mã số BHXH của người tham gia

- Cột 2: ghi địa chỉ liên hệ của đơn vị và người tham gia.

- Cột 3: thời điểm ngừng hoạt động của đơn vị được cập nhật trên phần mềm.

- Cột 4+5: thời gian chậm đóng của từng người lao động tại các đơn vị ngừng hoạt động.

- Cột 6: bằng cột 9 + cột 12 + cột 15 + cột 18 + cột 21.

- Cột 7: bằng cột 10 + cột 13 + cột 16 + cột 19 + cột 22.

- Cột 8, 11, 14, 17, 20: ghi số tháng chậm đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ của của người tham gia.

- Cột 9: số tiền chậm đóng quỹ hưu trí tử tuất trên mẫu C83a-TS

- Cột 10: số tiền lãi chậm đóng quỹ hưu trí tử tuất trên mẫu C83a-TS

- Cột 12: số tiền chậm đóng quỹ ốm đau TS trên mẫu C83a-TS

- Cột 13: số tiền lãi chậm đóng quỹ ốm đau TS trên mẫu C83a-TS

- Cột 15: số tiền chậm đóng quỹ BHYT trên mẫu C83a-TS

- Cột 16: số tiền lãi chậm đóng quỹ BHYT trên mẫu C83a-TS

- Cột 18: số tiền chậm đóng quỹ BHTN trên mẫu C83a-TS

- Cột 19: số tiền lãi chậm đóng quỹ BHTN trên mẫu C83a-TS

- Cột 21: số tiền chậm đóng quỹ BHTNLĐ, BNN trên mẫu C83a-TS
- Cột 22: số tiền lãi chậm đóng quỹ BHTNLĐ, BNN trên mẫu C83a-TS
- Cột 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31: đánh dấu tình trạng hoạt động của đơn vị
- Cột 32, 33: ghi Biện pháp đã áp dụng, Số, ngày tháng văn bản của cơ quan có thẩm quyền (chỉ ghi theo chỉ tiêu đơn vị)

Lưu ý:

- Đánh dấu tình trạng đơn vị với tất cả người lao động trong đơn vị.
- Cập nhật quá trình chậm đóng của từng người lao động bị ảnh hưởng (lũy kế) tại các đơn vị ngừng hoạt động đã thực hiện báo giảm các tháng, năm trước.



HƯỚNG DẪN LẬP

Báo cáo tình hình người lao động thuộc đơn vị chậm đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN (Mẫu B03b-TS-T)

a) Mục đích: tổng hợp số đơn vị chậm đóng tiền đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN để theo dõi; đôn đốc thu hồi.

b) Căn cứ lập: từ dữ liệu Mẫu B03b-TS của BHXH huyện gửi BHXH tỉnh chi tiết theo từng đơn vị, từng BHXH huyện.

c) Trách nhiệm lập: cơ quan BHXH tỉnh.

d) Thời gian lập: hằng tháng.

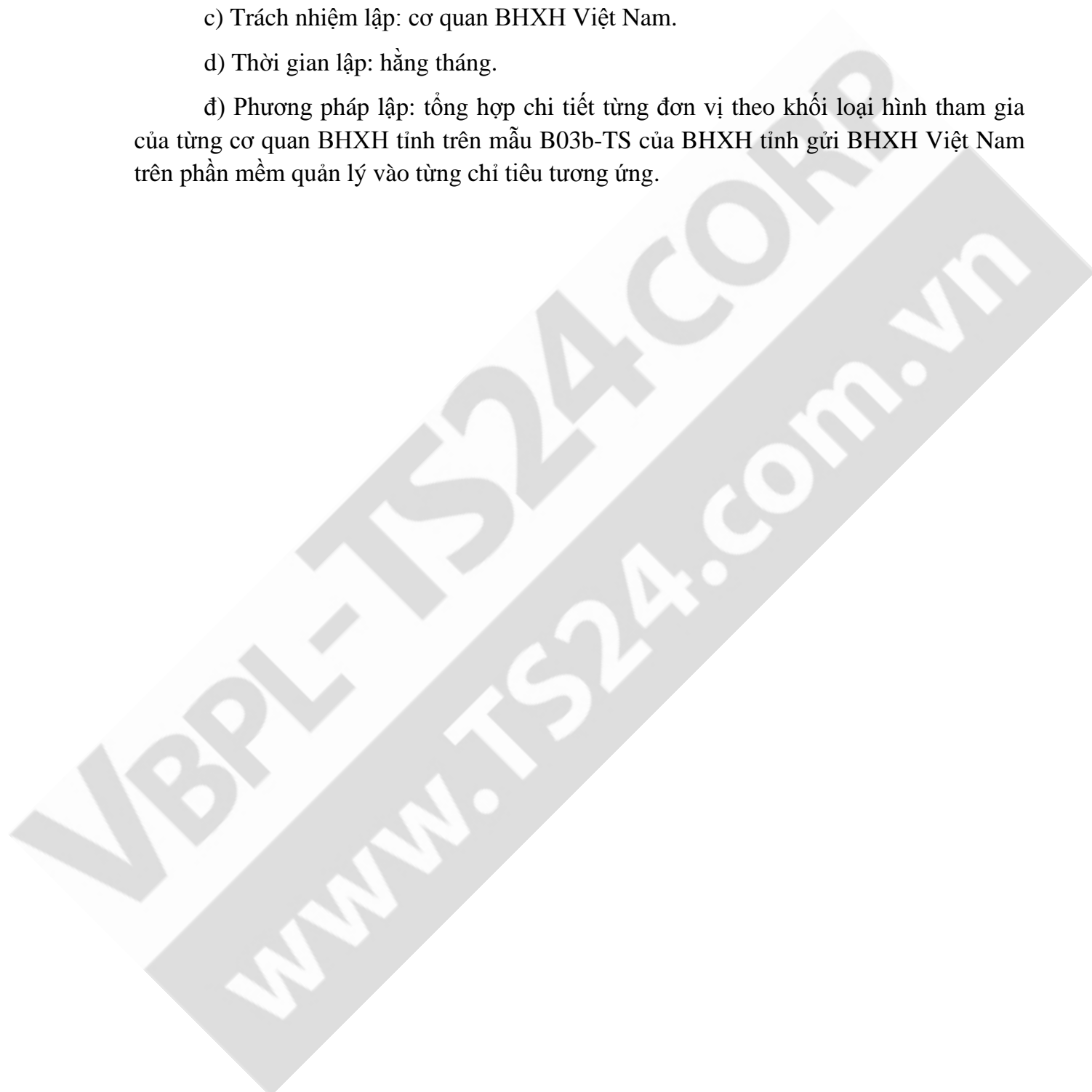
đ) Phương pháp lập:

- Cột A: ghi số thứ tự.
- Cột B: ghi tên đơn vị chậm đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN theo từng loại chỉ tiêu.
- Cột C: ghi số định danh của đơn vị.
- Cột 1: số lao động của đơn vị (tổng hợp từ mẫu B03B-TS của BHXH huyện).
- Cột 2: ghi địa chỉ liên hệ đơn vị.
- Cột 3: thời điểm ngừng hoạt động của đơn vị được cập nhật trên phần mềm.
- Cột 4+5: thời gian chậm đóng của đơn vị ngừng hoạt động.
- Cột 6 đến cột 33: tổng hợp từ mẫu B03b-TS của BHXH huyện theo từng chỉ tiêu tương ứng

HƯỚNG DẪN LẬP

Báo cáo tình hình người lao động thuộc đơn vị chậm đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN (Mẫu B03b-TS-W)

- a) Mục đích: tổng hợp số đơn vị chậm đóng tiền đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN để theo dõi; đôn đốc thu hồi.
- b) Căn cứ lập: từ dữ liệu Mẫu B03b-TS của BHXH tỉnh gửi BHXH Việt Nam chi tiết theo từng đơn vị, từng BHXH tỉnh, BHXH huyện.
- c) Trách nhiệm lập: cơ quan BHXH Việt Nam.
- d) Thời gian lập: hằng tháng.
- đ) Phương pháp lập: tổng hợp chi tiết từng đơn vị theo khối loại hình tham gia của từng cơ quan BHXH tỉnh trên mẫu B03b-TS của BHXH tỉnh gửi BHXH Việt Nam trên phần mềm quản lý vào từng chỉ tiêu tương ứng.



BHXH TỈNH.....
BHXH HUYỆN.....

Mẫu D11a-XD
(Ban hành kèm theo QĐ số 490/QĐ-BHXH
ngày 28/3/2023 của BHXH Việt Nam)

BẢNG CHI TIẾT SỐ PHẢI TRẢ DO XÁC ĐỊNH LẠI MỨC CHI THÙ LAO CHO TỔ CHỨC DỊCH VỤ THU BHXH, BHYT
Tháng năm.....

STT	Mã điểm thu	Họ và tên nhân viên thu	Mã số nhân viên thu	Họ và tên người tham gia	Mã số BHXH	Số phải chi thù lao theo phương thức đóng				Số phải chi thù lao do xác định lại			Số tiền thù lao phải trả do xác định lại
						Phương thức đóng	Số tiền NTG đóng	Tỷ lệ % thù lao theo phương thức đóng	Số tiền thù lao theo phương thức đóng	Số tháng xác định lại	Tỷ lệ % chi thù lao xác định lại	Số tiền chi thù lao xác định lại	
A	B	C	D	E	F	1	2	3	4	5	6	7=2/1*5*6	8=7-4/1*5
I. BHYT Hộ gia đình													
1	BI0001A	Nguyễn Thị C	0000000001	Nguyễn Văn A		6	402,300	7.92%	31,862	6	7.92%	31,862	0
2	BI0001A	Nguyễn Thị N	0000000001	Nguyễn Văn A		6	402,300	3.77%	15,167	3	7.92%	15,931	8,348
	BI0002A	Nguyễn Thị M	0000000003										
...												
II. BHXH tự nguyện													
				Nguyễn Văn A		6	6,402,000	7%	448,140	3	16.20%	518,562	294,492
...												
III. BHYT học sinh sinh viên													
				...									
				Tổng cộng									

Ngày tháng năm
Giám đốc BHXH huyện/TP QL Thu - Sổ, Thẻ
(Ký, đóng dấu)

BHXXH TỈNH.....
BHXXH HUYỆN.....

Mẫu D11b-XD
(Ban hành kèm theo QĐ số 490/QĐ-BHXXH
ngày 28/3/2023 của BHXXH Việt Nam)

TỔNG HỢP SỐ PHẢI TRẢ DO XÁC ĐỊNH LẠI MỨC CHI THÙ LAO CHO TỔ CHỨC DỊCH VỤ THU BHXXH, BHYT

Tháng năm.....

STT	Tên điểm thu	Mã điểm thu	Số thù lao theo phương thức đóng			Số tiền thù lao xác định lại	Số tiền thù lao phải trả do xác định lại
			Số người	Số tiền NTG đóng	Số tiền thù lao theo phương thức đóng		
A	B	C	1	2	3	4	5=4-3
I. BHYT Hộ gia đình							
1	Điểm thu A	BI0001A					
	Điểm thu B	BI0002A					
...						
II. BHXXH tự nguyện							
...						
III. BHYT học sinh sinh viên							
	...						
	Tổng cộng						

Ngày tháng năm
Giám đốc BHXXH huyện/TP QL Thu - Sổ, Thẻ
(Ký, đóng dấu)

TỔNG HỢP SỐ PHẢI TRẢ DO XÁC ĐỊNH LẠI MỨC CHI THÙ LAO CHO TỔ CHỨC DỊCH VỤ THU BHXH, BHYT
Tháng năm.....

STT	Tên đơn vị	Mã đơn vị	Số thù lao theo phương thức đóng			Số tiền thù lao xác định lại	Số tiền thù lao phải trả do xác định lại
			Số người	Số tiền NTG đóng	Số tiền thù lao theo phương thức đóng		
A	B	C	1	2	3	4	5=4-3
I. BHYT Hộ gia đình							
1	BHXH huyện A						
2	BHXH huyện B						
...						
II. BHXH tự nguyện							
...						
III. BHYT học sinh sinh viên							
	...						
	Tổng cộng						

TP QL Thu - Sổ, Thẻ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm
Giám đốc BHXH tỉnh
(Ký, đóng dấu)

TỔNG HỢP SỐ PHẢI TRẢ DO XÁC ĐỊNH LẠI MỨC CHI THÙ LAO CHO TỔ CHỨC DỊCH VỤ THU BHXH, BHYT

Tháng năm.....

STT	Tên đơn vị	Mã đơn vị	Số thù lao theo phương thức đóng			Số tiền thù lao xác định lại	Số tiền thù lao phải trả do xác định lại
			Số người	Số tiền NTG đóng	Số tiền thù lao theo phương thức đóng		
A	B	C	1	2	3	4	5=4-3
I. BHYT Hộ gia đình							
1	BHXH tỉnh A						
2	BHXH tỉnh B						
...						
II. BHXH tự nguyện							
...						
III. BHYT học sinh sinh viên							
	...						
	Tổng cộng						

Ngày tháng năm
Trưởng ban Quản lý Thu - Sổ, Thẻ
(Ký, ghi rõ họ tên)

HƯỚNG DẪN LẬP

Bảng tổng hợp số phải trả do xác định lại mức chi thù lao cho tổ chức dịch vụ thu BHXH, BHYT (Mẫu D11a-XD)

a) Mục đích: xác định chi tiết số phải trả do xác định lại mức chi thù lao tổ chức dịch vụ thu BHXH, BHYT của từng người tham gia theo từng điểm thu, nhân viên tổ chức dịch vụ thu.

b) Trách nhiệm lập: BHXH tỉnh/huyện.

c) Thời gian lập: tháng, lũy kế.

d) Căn cứ lập: tổng hợp số liệu chi tiết từng người tham gia theo từng nhân viên tổ chức dịch vụ thu từ cơ sở dữ liệu

e) Phương pháp lập:

- Chỉ tiêu hàng ngang

+ I: BHYT Hộ gia đình

+ II: BHXH tự nguyện

+ III: học sinh sinh viên

- Chỉ tiêu theo hàng dọc

+ Cột A: ghi loại hình tham gia, số thứ tự

+ Cột B: ghi Mã điểm thu BHXH tự nguyện, BHYT.

+ Cột C: ghi họ tên nhân viên tổ chức dịch vụ thu.

+ Cột D: mã số nhân viên tổ chức dịch vụ thu

+ Cột E: ghi họ tên người tham gia.

+ Cột F: ghi mã số BHXH của người tham gia

+ Cột 1: ghi phương thức đóng của người tham gia đã xác định số phải chi thù lao theo phương thức đóng

+ Cột 2: ghi số tiền NTG đóng đã xác định số phải chi thù lao theo phương thức đóng

+ Cột 3: ghi tỷ lệ % chi thù lao theo phương thức đóng đã xác định số phải chi thù lao theo phương thức đóng

+ Cột 4: ghi Số tiền chi thù lao đã xác định theo phương thức đóng

+ Cột 5: ghi số tháng xác định lại

+ Cột 6: ghi tỷ lệ % chi thù lao xác định lại

+ Cột 7: ghi số tiền chi thù lao xác định lại

+ Cột 8: ghi số tiền thù lao phải trả do xác định lại

HƯỚNG DẪN LẬP

Bảng tổng hợp số phải trả do xác định lại mức chi thù lao cho tổ chức dịch vụ thu BHXH, BHYT (Mẫu D11b-XD)

a) Mục đích: tổng hợp số phải trả do xác định lại mức chi thù lao tổ chức dịch vụ thu BHXH, BHYT theo từng điểm thu.

b) Trách nhiệm lập: BHXH tỉnh/huyện.

c) Thời gian lập: tháng, lũy kế.

d) Căn cứ lập: tổng hợp số liệu từ mẫu D11a-XD theo từng điểm thu

e) Phương pháp lập:

- Chỉ tiêu hàng ngang

+ I: BHYT Hộ gia đình

+ II: BHXH tự nguyện

+ III: học sinh sinh viên

- Chỉ tiêu theo hàng dọc

+ Cột A: ghi loại hình tham gia, số thứ tự

+ Cột B: ghi tên điểm thu BHXH tự nguyện, BHYT.

+ Cột C: ghi mã điểm thu BHXH tự nguyện, BHYT.

+ Cột 1: ghi số người tham gia đã xác định số phải chi thù lao theo phương thức đóng

+ Cột 2: ghi số tiền NTG đóng đã xác định số phải chi thù lao theo phương thức đóng

+ Cột 3: ghi số tiền chi thù lao đã xác định theo phương thức đóng

+ Cột 4: ghi số tiền chi thù lao xác định lại

+ Cột 5: ghi số tiền thù lao phải trả do xác định lại

HƯỚNG DẪN LẬP

Bảng tổng hợp số phải trả do xác định lại mức chi thù lao cho tổ chức dịch vụ thu BHXH, BHYT (Mẫu D11c-XD)

- a) Mục đích: tổng hợp số phải trả do xác định lại mức chi thù lao theo từng cơ quan BHXH huyện.
- b) Trách nhiệm lập: BHXH tỉnh
- c) Thời gian lập: tháng, lũy kế.
- d) Căn cứ lập: Tổng hợp số liệu từ mẫu D11b-XD của từng BHXH huyện vào các chỉ tiêu tương ứng



HƯỚNG DẪN LẬP

Bảng tổng hợp số phải trả do xác định lại mức chi thù lao cho tổ chức dịch vụ thu BHXH, BHYT (Mẫu D11d-XD)

- a) Mục đích: tổng hợp số phải trả do xác định lại mức chi thù lao theo từng cơ quan BHXH tỉnh.
- b) Trách nhiệm lập: Ban Quản lý Thu – Sổ, Thẻ
- c) Thời gian lập: tháng, lũy kế.
- d) Căn cứ lập: Tổng hợp số liệu từ mẫu D11c-XD của từng BHXH tỉnh vào các chỉ tiêu tương ứng



BẢNG CHI TIẾT SỐ TIỀN THÙ LAO ĐÃ CHI PHẢI THU HỒI
Tháng năm.....

STT	Mã điểm thu	Họ và tên nhân viên thu	Mã số nhân viên thu	Họ và tên người tham gia	Mã số BHXH	Mức đóng	Số tháng giảm	Số tiền hoàn trả NTG	Tỷ lệ % thù lao phải thu hồi	Số tiền thù lao phải thu hồi	Ghi chú
A	B	C	D	E	F	1	2	3	4	5	6
I. BHYT Hộ gia đình								268,200		23,602	
1	BI0001A	Nguyễn Thị C	0000000001	Nguyễn Văn A	0000000001	1,490,000	4	268,200	8.80%	23,602	
	BI0001A	Nguyễn Thị N	0000000001								
	BI0002A	Nguyễn Thị M	0000000003								
...										
II. BHXH tự nguyện								3,201,000		322,234	
1	BI0001A	Nguyễn Thị C	0000000001	Nguyễn Văn A	0000000001	5,000,000	1	1,067,000	16.2%	172,854	
2	BI0001A	Nguyễn Thị C	0000000001	Nguyễn Văn A	0000000001	5,000,000	2	2,134,000	7.0%	149,380	
III. BHYT người thuộc hộ gia đình cận nghèo; hộ nghèo đa chiều											
...										
IV. BHYT hộ NLNDN có mức sống trung bình											
...										
V. BHYT học sinh sinh viên											
...										
Tổng cộng											

Ngày tháng năm
Giám đốc BHXH huyện/TP QL Thu - Số, Thẻ
(Ký, đóng dấu)

BHXX TỈNH.....
BHXX HUYỆN.....

Mẫu D11b-HT
(Ban hành kèm theo QĐ số 490/QĐ-BHXX
ngày 28/3/2023 của BHXX Việt Nam)

TỔNG HỢP SỐ TIỀN THÙ LAO ĐÃ CHI PHẢI THU HỒI

Tháng năm.....

STT	Tên điểm thu	Mã điểm thu	Số người	Số tiền hoàn trả NTG	Số tiền thù lao phải thu hồi	Ghi chú
A	B	C	1	2	3	4
I. BHYT Hộ gia đình						
1	Điểm thu A	BI0001A				
3	Điểm thu B	BI0002A				
...					
II. BHXX tự nguyện						
III. BHYT người thuộc hộ gia đình cận nghèo; hộ nghèo đa chiều						
...					
IV. BHYT hộ NLNDN có mức sống trung bình						
...					
V. BHYT học sinh sinh viên						
...					
Tổng cộng						

Ngày tháng năm
Giám đốc BHXX huyện/TP QL Thu - Sổ, Thẻ
(Ký, đóng dấu)

BẢNG CHI TIẾT SỐ TIỀN THÙ LAO ĐÃ CHI PHẢI THU HỒI
Tháng năm.....

STT	Tên đơn vị	Mã đơn vị	Số người	Số tiền hoàn trả NTG	Số tiền thù lao phải thu hồi	Ghi chú
A	B	C	1	2	3	4
I. BHYT Hộ gia đình						
1	BHXH huyện A					
2	BHXH huyện B					
...					
II. BHXH tự nguyện						
...					
III. BHYT người thuộc hộ gia đình cận nghèo; hộ nghèo đa chiều						
...					
IV. BHYT hộ NLNDN có mức sống trung bình						
...					
V. BHYT học sinh sinh viên						
...					
Tổng cộng						

Ngày tháng năm
Giám đốc BHXH tỉnh
(Ký, đóng dấu)

BẢNG CHI TIẾT SỐ TIỀN THÙ LAO ĐÃ CHI PHẢI THU HỒI

Tháng năm.....

STT	Tên đơn vị	Mã đơn vị	Số người	Số tiền hoàn trả NTG	Số tiền thù lao phải thu hồi	Ghi chú
A	B	C	1	2	3	4
I. BHYT Hộ gia đình						
1	BHXH tỉnh A					
2	BHXH tỉnh B					
...					
II. BHXH tự nguyện						
...					
III. BHYT người thuộc hộ gia đình cận nghèo; hộ nghèo đa chiều						
...					
IV. BHYT hộ NLNDN có mức sống trung bình						
...					
V. BHYT học sinh sinh viên						
...					
Tổng cộng						

Ngày tháng năm

Trưởng ban Quản lý Thu - Sở, Thẻ

(Ký, ghi rõ họ tên)

HƯỚNG DẪN LẬP

Bảng tổng hợp số tiền đã chi thù lao phải thu hồi (Mẫu D11a-HT)

a) Mục đích: để xác định số tiền hoàn trả người tham gia, số tiền thù lao phải thu hồi theo từng điểm thu, nhân viên tổ chức dịch vụ thu.

b) Trách nhiệm lập: BHXH tỉnh/huyện.

c) Thời gian lập: tháng, lũy kế.

d) Căn cứ lập: tổng hợp số liệu chi tiết từng người tham gia theo từng nhân viên tổ chức dịch vụ thu từ cơ sở dữ liệu

e) Phương pháp lập:

- Chỉ tiêu hàng ngang

+ I: BHYT hộ gia đình

+ II: BHXH tự nguyện

+ III: người thuộc hộ gia đình cận nghèo; hộ nghèo đa chiều

+ IV: hộ gia đình nông lâm ngư diêm nghiệp có mức sống trung bình

+ V: học sinh sinh viên

- Chỉ tiêu theo hàng dọc

+ Cột A: ghi loại hình tham gia, số thứ tự

+ Cột B: ghi mã điểm thu BHXH tự nguyện, BHYT

+ Cột C: ghi họ tên nhân viên tổ chức dịch vụ thu.

+ Cột D: mã số nhân viên tổ chức dịch vụ thu

+ Cột E: ghi họ tên người tham gia.

+ Cột F: ghi mã số BHXH của người tham gia

+ Cột 1: ghi mức đóng của người tham gia

+ Cột 2: ghi số tháng giảm

+ Cột 3: ghi số tiền phải hoàn trả người tham gia

+ Cột 4: ghi tỷ lệ % thù lao phải thu hồi

+ Cột 5: ghi số tiền thù lao phải thu hồi

+ Cột 6: ghi mã đợt phát sinh thu trên phần mềm quản lý

HƯỚNG DẪN LẬP

Bảng tổng hợp số tiền đã chi thù lao phải thu hồi (Mẫu D11b-HT)

a) Mục đích: để xác định tổng số tiền hoàn trả người tham gia, số tiền thù lao phải thu hồi theo từng điểm thu.

b) Trách nhiệm lập: BHXH tỉnh/huyện.

c) Thời gian lập: tháng, lũy kế.

d) Căn cứ lập: tổng hợp số liệu từ mẫu D11a-HT theo từng điểm thu

e) Phương pháp lập:

- Chỉ tiêu hàng ngang

+ I: BHYT hộ gia đình

+ II: BHXH tự nguyện

+ III: người thuộc hộ gia đình cận nghèo; hộ nghèo đa chiều

+ IV: hộ gia đình nông lâm ngư diêm nghiệp có mức sống trung bình

+ V: học sinh sinh viên

- Chỉ tiêu theo hàng dọc

+ Cột A: ghi loại hình tham gia, số thứ tự

+ Cột B: ghi tên điểm thu BHXH tự nguyện, BHYT.

+ Cột C: ghi mã điểm thu BHXH tự nguyện, BHYT.

+ Cột 1: ghi số người hoàn trả

+ Cột 2: ghi số tiền hoàn trả người tham gia

+ Cột 3: ghi số tiền thù lao phải thu hồi

HƯỚNG DẪN LẬP

Bảng tổng hợp số tiền đã chi thù lao phải thu hồi (Mẫu D11c-HT)

- a) Mục đích: để xác định tổng số tiền hoàn trả người tham gia, số tiền thù lao phải thu hồi theo từng cơ quan BHXH huyện.
- b) Trách nhiệm lập: BHXH tỉnh
- c) Thời gian lập: tháng, lũy kế.
- d) Căn cứ lập: tổng hợp số liệu từ mẫu D11b-HT của từng BHXH huyện vào các chỉ tiêu tương ứng



HƯỚNG DẪN LẬP

Bảng tổng hợp số tiền đã chi thù lao phải thu hồi (Mẫu D11d-HT)

- a) Mục đích: để xác định tổng số tiền hoàn trả người tham gia, số tiền thù lao phải thu hồi theo từng cơ quan BHXH tỉnh.
- b) Trách nhiệm lập: Ban Quản lý Thu – Sở, Thẻ
- c) Thời gian lập: tháng, lũy kế.
- d) Căn cứ lập: tổng hợp số liệu từ mẫu mẫu D11c-HT của từng BHXH tỉnh vào các chỉ tiêu tương ứng



BÁO CÁO TỔNG HỢP TRÍCH THÙ LAO CHO TỔ CHỨC DỊCH VỤ THU BHXH, BHYT
Quý (Năm)..... năm

Đơn vị tính: lượt người, đồng

STT	Tên điểm thu	Mã điểm thu	Số phải chi thù lao theo phương thức đóng								Số phải chi bổ sung thù lao do xác định lại	Số phải thu hồi thù lao			Tổng cộng	
			Đối tượng khai thác thu mới			Đối tượng khai thác thu thường kỳ			Số tiền NTG đóng	Số tiền phải chi thù lao		Số người	Số tiền phải trả NTG	Số tiền thù lao đã chi phải thu hồi	Số tiền NTG đóng	Số phải chi thù lao
			Số người	Số tiền NTG đóng	Số tiền phải chi thù lao	Số người	Số tiền NTG đóng	Số tiền phải chi thù lao								
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7=2+5	8=3+6	9	10	11	12	13=7-11	14=8+9-12
I. BHYT Hộ gia đình			1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..
1	Điểm thu A															
2															
II. BHXH tự nguyện			1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..
...															
III. BHYT người thuộc hộ gia đình cận nghèo; hộ nghèo đa chiều						1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..		1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..
...															
IV. BHYT hộ NLNDN có mức sống trung bình						1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..		1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..
...															
V. BHYT học sinh sinh viên						1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..
1	Trường A															
2	Trường B															
...															
Tổng cộng			I+II+..	I+II+..	I+II+..	I+II+..	I+II+..	I+II+..	I+II+..	I+II+..	I+II+..	I+II+..	I+II+..	I+II+..	I+II+..	I+II+..

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm
Giám đốc BHXH huyện/TP QL Thu - Sổ, Thẻ
(Ký, đóng dấu)

BÁO CÁO TỔNG HỢP TRÍCH THÙ LAO CHO TỔ CHỨC DỊCH VỤ THU BHXH, BHYT
Quý (Năm)..... năm

Mẫu D11c-TH
Ban hành kèm theo Quyết định số 490/QĐ-BHXH
ngày 28/3/2023 của BHXH Việt Nam

Đơn vị tính: lượt người, đồng

STT	Tên đơn vị	Mã đơn vị	Số phải chi thù lao theo phương thức đóng								Số phải chi bổ sung thù lao do xác định lại	Số phải thu hồi thù lao			Tổng cộng	
			Đối tượng khai thác thu mới			Đối tượng khai thác thu thường			Số tiền NTG đóng	Số tiền phải chi thù lao		Số người	Số tiền phải trả NTG	Số tiền thù lao đã chi phải thu hồi	Số tiền NTG đóng	Số phải chi thù lao
			Số người	Số tiền NTG đóng	Số tiền phải chi thù lao	Số người	Số tiền NTG đóng	Số tiền phải chi thù lao								
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7=2+5	8=3+6	9	10	11	12	13=7-11	14=8+9-12
I. BHYT Hộ gia đình			1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..
1	BHXX huyện A															
2	BHXX huyện B															
...															
II. BHXX tự nguyện			1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..
...															
III. BHYT người thuộc hộ gia đình cận nghèo; hộ nghèo đa chiều						1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..		1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..
...															
IV. BHYT hộ NLNDN có mức sống trung bình						1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..		1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..
...															
V. BHYT học sinh sinh viên						1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..
1	BHXX huyện A															
2	BHXX huyện B															
...															
Tổng cộng			I+II+..	I+II+..	I+II+..	I+II+..	I+II+..	I+II+..	I+II+..	I+II+..	I+II+..	I+II+..	I+II+..	I+II+..	I+II+..	I+II+..

TP QL Thu - Sở, Thê
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm
Giám đốc BHXH tỉnh
(Ký, ghi rõ họ tên)

BÁO CÁO TỔNG HỢP TRÍCH THÙ LAO CHO TỔ CHỨC DỊCH VỤ THU BHXH, BHYT
Quý (Năm)..... năm

Đơn vị tính: lượt người, đồng

STT	Tên đơn vị	Mã đơn vị	Số phải chi thù lao theo phương thức đóng								Số phải chi bổ sung thù lao do xác định lại	Số phải thu hồi thù lao			Tổng cộng	
			Đối tượng khai thác thu mới			Đối tượng khai thác thu thường kỳ			Số tiền NTG đóng	Số tiền phải chi thù lao		Số người	Số tiền phải trả NTG	Số tiền thù lao đã chi phải thu hồi	Số tiền NTG đóng	Số phải chi thù lao
			Số người	Số tiền NTG đóng	Số tiền phải chi thù lao	Số người	Số tiền NTG đóng	Số tiền phải chi thù lao								
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7=2+5	8=3+6	9	10	11	12	13=7-11	14=8+9-12
I. BHYT Hộ gia đình			1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..
1	BHXH tỉnh A															
2	BHXH tỉnh B															
...															
II. BHXH tự nguyện			1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..
...															
III. BHYT người thuộc hộ gia đình cận nghèo; hộ nghèo đa chiều						1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..		1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..
...															
IV. BHYT hộ NLNDN có mức sống trung bình						1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..		1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..
...															
V. BHYT học sinh sinh viên						1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..	1+2+..
1	BHXH tỉnh A															
2	BHXH tỉnh B															
...															
Tổng cộng			I+II+..	I+II+..	I+II+..	I+II+..	I+II+..	I+II+..	I+II+..	I+II+..	I+II+..	I+II+..	I+II+..	I+II+..	I+II+..	I+II+..

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm
Tổng Giám đốc/Trưởng ban Quản lý Thu - Sổ, Thẻ
(Ký, ghi rõ họ tên)

HƯỚNG DẪN LẬP

Báo cáo tổng hợp trích thù lao đại lý thu BHXH tự nguyện, BHYT

1. Báo cáo tổng hợp trích thù lao đại lý thu BHXH tự nguyện, BHYT (Mẫu D11b-TH)

a) Mục đích: để xác định tổng số tiền phải trích thù lao cho tổ chức làm đại lý thu BHXH tự nguyện, BHYT và là cơ sở quyết toán hằng quý, năm

b) Trách nhiệm lập: BHXH tỉnh/huyện.

c) Thời gian lập: quý, năm.

d) Căn cứ lập:

- Tổng hợp số liệu quý từ Mẫu D11b-TS, D11b-XD, D11b-HT các tháng trong kỳ và dữ liệu quản lý.

- Tổng hợp năm: tổng hợp số liệu quý từ Mẫu D11b-TH các quý trong năm.

e) Phương pháp lập:

* Chỉ tiêu hàng ngang

- I: BHYT hộ gia đình

- II: BHXH tự nguyện

- III: người thuộc hộ gia đình cận nghèo; hộ nghèo đa chiều

- IV: hộ gia đình nông lâm ngư diêm nghiệp có mức sống trung bình

- V: học sinh sinh viên

* Chỉ tiêu theo hàng dọc

- Cột A: ghi số thứ tự.

- Cột B: ghi tên điểm thu BHXH tự nguyện, BHYT.

- Cột C: ghi Mã điểm thu BHXH tự nguyện, BHYT.

- Từ cột 1 đến cột 6 tổng hợp số liệu từ mẫu D11b-TS của từng mã điểm thu vào các chỉ tiêu tương ứng

- Cột 7 = cột 2 + cột 5

- Cột 8 = cột 3 + cột 6

- Cột 9: tổng hợp số liệu từ cột 5 mẫu D11b-XD của từng mã điểm thu vào các chỉ tiêu tương ứng

- Từ cột 10 đến cột 12 tổng hợp số liệu từ mẫu D11b-HT của từng mã điểm thu vào các chỉ tiêu tương ứng

- Cột 13 = cột 7 – cột 11

- Cột 14 = cột 8 + cột 9 – cột 12

2. Báo cáo tổng hợp trích thù lao đại lý thu BHXH tự nguyện, BHYT (Mẫu D11c-TH)

BHXH tỉnh tổng hợp số liệu quý, năm từ Mẫu D11b-TH từ BHXH huyện

3. Báo cáo tổng hợp trích thù lao đại lý thu BHXH tự nguyện, BHYT (Mẫu D11d-TH)

BHXH Việt Nam tổng hợp số liệu quý, năm từ Mẫu D11c-TH từ BHXH tỉnh



TỔNG HỢP SỐ TIỀN CHI THÙ LAO DO XÁC ĐỊNH LẠI CHO TỔ CHỨC DỊCH VỤ THU BHXH, BHYT
Tháng (quý, năm)..... năm.....

STT	Tên điểm thu	Mã điểm thu	Số người	Số tiền thù lao còn phải trả do xác định lại kỳ trước chuyển sang	Số tiền thù lao phải trả do xác định lại trong kỳ	Số tiền thù lao đã trả do xác định lại	Số tiền thù lao còn phải trả do xác định lại
A	B	C	1	2	3	4	5=2+3-4
I. BHYT Hộ gia đình							
1	Điểm thu A	BI0001A					
2	Điểm thu B	BI0002A					
	...						
II. BHXH tự nguyện							
...						
III. BHYT học sinh sinh viên							
	...						
Tổng cộng							

Kế toán
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm
Giám đốc BHXH huyện/TP KHTC
(Ký, đóng dấu)

TỔNG HỢP SỐ TIỀN CHI THÙ LAO DO XÁC ĐỊNH LẠI CHO TỔ CHỨC DỊCH VỤ THU BHXH, BHYT
Tháng (quý, năm)..... năm.....

STT	Tên điểm thu	Mã điểm thu	Số người	Số tiền thù lao còn phải trả do xác định	Số tiền thù lao phải trả do xác định lại trong kỳ	Số tiền thù lao đã trả do xác định lại	Số tiền thù lao còn phải trả do xác định lại
A	B	C	1	2	3	4	5=2+3-4
I. BHYT Hộ gia đình							
1	BHXH huyện A						
2	BHXH huyện B						
...						
II. BHXH tự nguyện							
...						
III. BHYT học sinh sinh viên							
...	...						
Tổng cộng							

TP Kế hoạch - Tài chính
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm
Giám đốc BHXH tỉnh
(Ký, đóng dấu)

TỔNG HỢP SỐ TIỀN CHI THÙ LAO DO XÁC ĐỊNH LẠI CHO TỔ CHỨC DỊCH VỤ THU BHXH, BHYT

Tháng (quý, năm)..... năm.....

STT	Tên điểm thu	Mã điểm thu	Số người	Số tiền thù lao còn phải trả do xác định lại kỳ trước chuyển sang	Số tiền thù lao phải trả do xác định lại trong kỳ	Số tiền thù lao đã trả do xác định lại	Số tiền thù lao còn phải trả do xác định lại
A	B	C	1	2	3	4	5=2+3-4
I. BHYT Hộ gia đình							
1	BHXH tỉnh A						
2	BHXH tỉnh B						
...						
II. BHXH tự nguyện							
...						
III. BHYT học sinh sinh viên							
	...						
Tổng cộng							

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm
Tổng Giám đốc/Vụ trưởng TC-KT
(Ký, ghi rõ họ tên)

HƯỚNG DẪN LẬP

Bảng tổng hợp chi thù lao do xác định lại cho tổ chức dịch vụ thu BHXH, BHYT (Mẫu D12b-XD)

a) Mục đích: để xác định tổng số tiền phải trả do xác định lại mức chi thù lao tổ chức dịch vụ thu BHXH, BHYT theo từng điểm thu.

b) Trách nhiệm lập: BHXH tỉnh/huyện.

c) Thời gian lập: hằng tháng, quý, lũy kế.

d) Phương pháp lập:

* Chỉ tiêu hàng ngang

- I: BHYT Hộ gia đình

- II: BHXH tự nguyện

- III: Học sinh sinh viên

* Chỉ tiêu theo hàng dọc

- Cột A: ghi loại hình tham gia, số thứ tự.

- Cột B: ghi tên điểm thu BHXH tự nguyện, BHYT.

- Cột C: ghi mã điểm thu BHXH tự nguyện, BHYT

- Cột D: ghi họ tên nhân viên tổ chức dịch vụ thu.

- Cột E: mã số nhân viên tổ chức dịch vụ thu

- Cột 1: ghi số người.

- Cột 2: số tiền thù lao còn phải trả do xác định lại kỳ trước chuyển sang (Số tiền thù lao còn phải trả do xác định lại trên mẫu D12b-XD kỳ trước)

- Cột 3: ghi số tiền tiền thù lao phải trả do xác định lại từ cột 6 Mẫu D11b-XD chi tiết theo từng mã điểm thu.

- Cột 4: ghi số tiền thù lao đã trả do xác định lại

- Cột 5 = Cột 2 + Cột 3 - Cột 4

HƯỚNG DẪN LẬP

Bảng tổng hợp chi thù lao do xác định lại cho tổ chức dịch vụ thu BHXH, BHYT (Mẫu D12c-XD)

- a) Mục đích: để xác định tổng số tiền phải trả do xác định lại mức chi thù lao tổ chức dịch vụ thu BHXH, BHYT theo từng cơ quan BHXH huyện
- b) Trách nhiệm lập: cơ quan BHXH tỉnh lập chi tiết theo từng cơ quan BHXH huyện
- c) Thời gian lập: hằng tháng, quý, lũy kế.
- d) Phương pháp lập: tổng hợp số liệu từ mẫu D12b-XD của từng BHXH huyện vào các chỉ tiêu tương ứng



HƯỚNG DẪN LẬP

Bảng tổng hợp chi thù lao do xác định lại cho tổ chức dịch vụ thu BHXH, BHYT (Mẫu D12d-XD)

- a) Mục đích: để xác định tổng số tiền phải trả do xác định lại mức chi thù lao tổ chức dịch vụ thu BHXH, BHYT theo từng cơ quan BHXH tỉnh
- b) Trách nhiệm lập: Vụ TC-KT lập chi tiết theo từng cơ quan BHXH tỉnh.
- c) Thời gian lập: hằng tháng, quý, lũy kế.
- d) Phương pháp lập: tổng hợp số liệu từ mẫu D12c-XD của từng BHXH tỉnh vào các chỉ tiêu tương ứng



TỔNG HỢP SỐ TIỀN THU HỒI THÙ LAO CỦA TỔ CHỨC DỊCH VỤ THU BHXH, BHYT
Tháng (quý, năm)..... năm.....

STT	Tên điểm thu	Mã điểm thu	Số người	Số tiền thù lao còn phải thu hồi kỳ trước	Số tiền thù lao phải thu hồi phát sinh trong kỳ	Số tiền thù lao đã thu hồi	Số tiền thù lao còn phải thu hồi
A	B	C	1	2	3	4	5=2+3-4
I. BHYT Hộ gia đình							
1	Điểm thu A	BI0001A					
	Điểm thu A	BI0002A					
...						
II. BHXH tự nguyện							
...						
III. BHYT người thuộc hộ gia đình cận nghèo; hộ nghèo đa chiều							
...						
IV. BHYT hộ NLNDN có mức sống trung bình							
...						
V. BHYT học sinh sinh viên							
...						
	Tổng cộng						

Kế toán
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm
Giám đốc BHXH huyện/TP KHTC
(Ký, đóng dấu)

TỔNG HỢP SỐ TIỀN THU HỒI THÙ LAO CỦA TỔ CHỨC DỊCH VỤ THU BHXH, BHYT
Tháng (quý, năm)..... năm.....

STT	Tên điểm thu	Mã điểm thu	Số người	Số tiền thù lao còn phải thu hồi kỳ trước	Số tiền thù lao phải thu hồi phát sinh trong kỳ	Số tiền thù lao đã thu hồi	Số tiền thù lao còn phải thu hồi
A	B	C	1	2	3	4	5=2+3-4
I. BHYT Hộ gia đình							
1	BHXH huyện A						
2	BHXH huyện A						
...						
II. BHXH tự nguyện							
...						
III. BHYT người thuộc hộ gia đình cận nghèo; hộ nghèo đa chiều							
...						
IV. BHYT hộ NLNDN có mức sống trung bình							
...						
V. BHYT học sinh sinh viên							
...						
	Tổng cộng						

TP Kế hoạch - Tài chính
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm
Giám đốc BHXH tỉnh
(Ký, đóng dấu)

TỔNG HỢP SỐ TIỀN THU HỒI THÙ LAO CỦA TỔ CHỨC DỊCH VỤ THU BHXH, BHYT
Tháng (quý, năm)..... năm.....

STT	Tên điểm thu	Mã điểm thu	Số người	Số tiền thù lao còn phải thu hồi kỳ trước	Số tiền thù lao phải thu hồi phát sinh trong kỳ	Số tiền thù lao đã thu hồi	Số tiền thù lao còn phải thu hồi
A	B	C	1	2	3	4	5=2+3-4
I. BHYT Hộ gia đình							
1	BHXH tỉnh A						
2	BHXH tỉnh B						
...						
II. BHXH tự nguyện							
...						
III. BHYT người thuộc hộ gia đình cận nghèo; hộ nghèo đa chiều							
...						
IV. BHYT hộ NLNDN có mức sống trung bình							
...						
V. BHYT học sinh sinh viên							
...						
	Tổng cộng						

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm
Tổng Giám đốc/Vụ trưởng TC-KT
(Ký, ghi rõ họ tên)

HƯỚNG DẪN LẬP

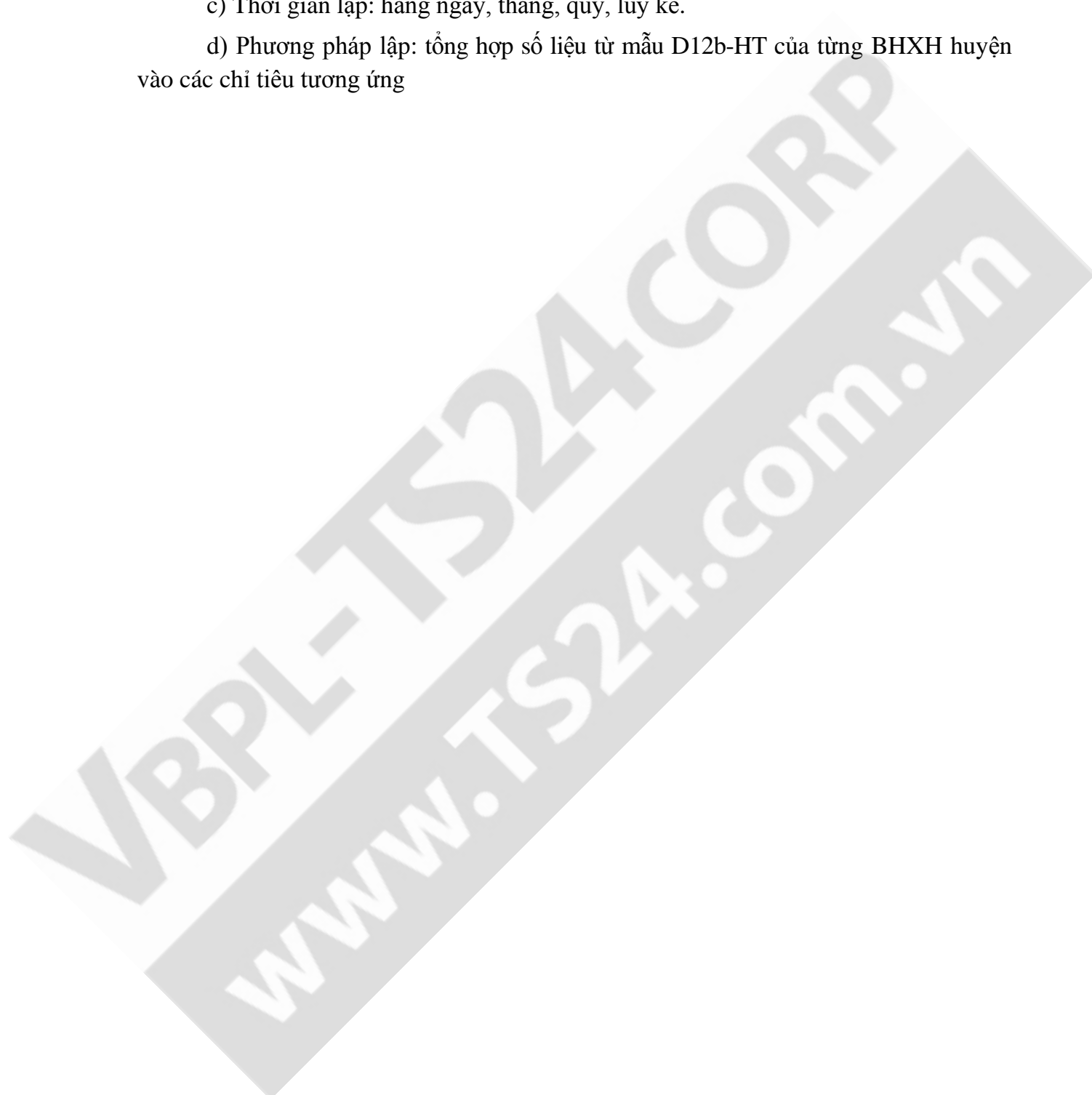
Bảng tổng hợp số tiền thu hồi thù lao của tổ chức dịch vụ thu BHXH, BHYT (Mẫu D12b-HT)

- a) Mục đích: để xác định số tiền thu hồi thù lao phải thu hồi theo từng điểm thu
- b) Trách nhiệm lập: cơ quan BHXH tỉnh/huyện.
- c) Thời gian lập: hằng ngày, tháng, quý, lũy kế.
- d) Phương pháp lập:
 - * Chỉ tiêu hàng ngang
 - I: BHYT Hộ gia đình
 - II: BHXH tự nguyện
 - III: người thuộc hộ gia đình cận nghèo; hộ nghèo đa chiều
 - IV: hộ gia đình nông, lâm, ngư, diêm nghiệp có mức sống trung bình
 - V: học sinh, sinh viên
 - * Chỉ tiêu theo hàng dọc
 - Cột A: ghi loại hình tham gia, số thứ tự.
 - Cột B: ghi tên điểm thu BHXH tự nguyện, BHYT.
 - Cột C: ghi mã điểm thu BHXH tự nguyện, BHYT
 - Cột 1: ghi số người.
 - Cột 2: ghi số tiền thù lao còn phải thu hồi kỳ trước (Số tiền thù lao còn phải thu hồi Mẫu D12b-HT kỳ trước)
 - Cột 3: ghi số tiền tiền thù lao phải thu hồi từ cột 3 Mẫu D11b-HT
 - Cột 4: ghi số tiền thù lao đã thu hồi
 - Cột 5 = Cột 2 + Cột 3 – Cột 4

HƯỚNG DẪN LẬP

Bảng tổng hợp số tiền thu hồi thù lao của tổ chức dịch vụ thu BHXH, BHYT (Mẫu D12c-HT)

- a) Mục đích: để xác định số tiền thu hồi thù lao phải thu hồi theo từng cơ quan BHXH huyện
- b) Trách nhiệm lập: cơ quan BHXH tỉnh lập chi tiết theo từng cơ quan BHXH huyện
- c) Thời gian lập: hằng ngày, tháng, quý, lũy kế.
- d) Phương pháp lập: tổng hợp số liệu từ mẫu D12b-HT của từng BHXH huyện vào các chỉ tiêu tương ứng



HƯỚNG DẪN LẬP

Bảng tổng hợp số tiền thu hồi thù lao của tổ chức dịch vụ thu BHXH, BHYT (Mẫu D12d-HT)

- a) Mục đích: để xác định số tiền thu hồi thù lao phải thu hồi theo từng cơ quan BHXH tỉnh
- b) Trách nhiệm lập: Vụ TC-KT lập chi tiết theo từng cơ quan BHXH tỉnh.
- c) Thời gian lập: hằng ngày, tháng, quý, lũy kế.
- d) Phương pháp lập: tổng hợp số liệu từ mẫu D12c-HT của từng BHXH tỉnh vào các chỉ tiêu tương ứng



BẢO HIỂM XÃ HỘI TỈNH/HUYỆN...
PHÒNG/TỔ CHẾ ĐỘ BHXH

Mẫu D16-TS
(Ban hành kèm theo QĐ số 490/QĐ-BHXH
ngày 28/3/2023 của BHXH Việt Nam)

**DANH SÁCH GIẢI QUYẾT BHXH MỘT LẦN CÒN THỜI GIAN BHTN CHƯA HƯỞNG; HƯỞNG, DỪNG HƯỞNG, HỦY HƯỞNG TRỢ CẤP BẢO HIỂM
THẤT NGHIỆP**

STT	Từ tháng năm	Đến tháng năm	Số tháng	Cấp bậc, chức vụ, chức danh nghề; công việc, tên đơn vị; nơi làm việc	Tiền lương do nhà nước quy định						Tiền lương do đơn vị quy định			Ghi chú
					Hệ số lương	Phụ cấp khu vực	Phụ cấp chức vụ	Phụ cấp thâm niên	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Phụ cấp khác	Mức lương	Phụ cấp lương	Các khoản bổ sung	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
I. Hưởng BHXH một lần còn thời gian BHTN chưa hưởng														
...														
II. Hưởng BHTN còn thời gian BHTN chưa hưởng														
...														
III. Dừng hưởng BHTN còn thời gian BHTN chưa hưởng														
...														
IV. Hủy hưởng BHTN còn thời gian BHTN chưa hưởng														
...														

..., ngày...tháng...năm...

GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên)

HƯỚNG DẪN LẬP

Danh sách giải quyết BHXH một lần còn thời gian BHTN chưa hưởng; người tham gia hưởng, dừng hưởng, hủy hưởng trợ cấp thất nghiệp (Mẫu D16-TS)

a) Mục đích: là căn cứ để Phòng/Tổ Quản lý Thu – SỔ, Thẻ thực hiện cập nhật thời gian BHTN chưa hưởng của người tham gia;

b) Trách nhiệm lập: Phòng/Tổ Chế độ BHXH

c) Thời gian lập: phát sinh

d) Căn cứ lập: hồ sơ giải quyết chế độ cho người tham gia BHXH, BHTN

e) Phương thức lập:

- Cột 1: ghi số thứ tự

+ Mục I: ghi các trường hợp hưởng BHXH một lần còn thời gian BHTN chưa hưởng

+ Mục II: ghi các trường hợp hưởng BHTN còn thời gian BHTN chưa hưởng

+ Mục III: ghi các trường hợp dừng hưởng BHTN còn thời gian BHTN chưa hưởng

+ Mục IV: ghi các trường hợp hủy hưởng BHTN còn thời gian BHTN chưa hưởng

- Cột 2, Cột 3: ghi khoảng thời gian chưa hưởng BHTN từ tháng năm đến tháng năm của người tham gia

- Cột 4: số tháng chưa hưởng BHTN tương ứng với khoảng thời gian ghi tại cột 2, 3

- Cột 5: ghi cấp bậc, chức vụ, chức danh nghề; công việc, tên đơn vị, nơi làm việc tương ứng với thời gian chưa hưởng BHTN

- Cột 6: mức tiền lương theo ngạch bậc, chức vụ, hợp đồng tương ứng.

- Cột 6, 7, 8, 9, 10, 11: ghi tương ứng hệ số lương, các khoản phụ cấp theo tiền lương do nhà nước quy định nếu có

- Cột 12, 13, 14: ghi tương ứng mức lương, phụ cấp lương, các khoản bổ sung theo tiền lương do đơn vị quy định nếu có

- Cột 15: ghi lý do giải quyết

BẢO HIỂM XÃ HỘI TỈNH...

BẢO HIỂM XÃ HỘI HUYỆN...

Mẫu B03b/BHYT

(Ban hành kèm theo QĐ số 490/QĐ-BHXH
ngày 28/3/2023 của BHXH Việt Nam)

BÁO CÁO TỔNG HỢP ĐỐI TƯỢNG VÀ KINH PHÍ TRÍCH CHĂM SÓC SỨC KHỎE BAN ĐẦU

Quý (Năm)..... năm

Đơn vị tính: Lượt người, đồng

STT	Mã đơn vị	Tên đơn vị	Số người tham gia BHYT được trích CSSKBD	Kinh phí trích CSSKBD theo giá trị thẻ trong năm			Kinh phí trích CSSKBD năm nay trích cho giá trị thẻ năm sau
				Cộng	Năm trước trích cho giá trị thẻ năm nay	Năm nay	
A	B	C	1	2=3+4	3	4	5
I. Cơ sở giáo dục hoặc cơ sở GDNN			1+2+...	1+2+...	1+2+...	1+2+...	1+2+...
1		Trường A					
a		Học sinh tham gia BHYT tại trường					
b		Học sinh tham gia BHYT đối tượng khác trong tỉnh					
c		Học sinh tham gia BHYT đối tượng khác ngoài tỉnh					
2		Trường B					
...							
II. Cơ quan đơn vị, doanh nghiệp			1+2+...	1+2+...	1+2+...	1+2+...	1+2+...
1							
...							
III. Người làm việc trên tàu đánh bắt xa bờ			1+2+...	1+2+...	1+2+...	1+2+...	1+2+...
1							
...							
IV. Cơ yếu do BHXH tỉnh phát hành thẻ BHYT			1+2+...	1+2+...	1+2+...	1+2+...	1+2+...
1							
...							
Tổng cộng:			I+II+...	I+II+...	I+II+...	I+II+...	I+II+...

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm
Giám đốc BHXH huyện
(Ký, đóng dấu)

BÁO CÁO TỔNG HỢP ĐỐI TƯỢNG VÀ KINH PHÍ TRÍCH CHĂM SÓC SỨC KHỎE BAN ĐẦU

Quý (Năm)..... năm

Đơn vị tính: Lượt người, đồng

STT	Mã số	Tên đơn vị	Số người tham gia BHYT được trích CSSKBĐ	Kinh phí trích CSSKBĐ theo giá trị thẻ trong năm			Kinh phí trích CSSKBĐ năm nay trích cho giá trị thẻ năm
				Cộng	Năm trước trích cho giá trị thẻ năm nay	Năm nay	
A	B	C	1	2=3+4	3	4	5
I. Cơ sở giáo dục hoặc cơ sở GDNN			1+2+...	1+2+...	1+2+...	1+2+...	1+2+...
1		BHXH huyện A					
a		Học sinh tham gia BHYT tại trường					
b		Học sinh tham gia BHYT đối tượng khác trong tỉnh					
c		Học sinh tham gia BHYT đối tượng khác ngoài tỉnh					
2		BHXH huyện B					
...							
II. Cơ quan đơn vị, doanh nghiệp			1+2+...	1+2+...	1+2+...	1+2+...	1+2+...
1							
...							
III. Người làm việc trên tàu đánh bắt xa bờ			1+2+...	1+2+...	1+2+...	1+2+...	1+2+...
1							
...							
IV. Cơ yếu do BHXH tỉnh phát hành thẻ BHYT			1+2+...	1+2+...	1+2+...	1+2+...	1+2+...
1							
...							
Tổng cộng:			I+II+...	I+II+...	I+II+...	I+II+...	I+II+...

TP Quản lý Thu - Sổ, Thẻ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm
Giám đốc BHXH tỉnh
(Ký, đóng dấu)

BÁO CÁO TỔNG HỢP ĐỐI TƯỢNG VÀ KINH PHÍ TRÍCH CHĂM SÓC SỨC KHỎE BAN ĐẦU

Quý (Năm)..... năm

Đơn vị tính: Lượt người, đồng

STT	Mã số	Tên đơn vị	Số người tham gia BHYT được trích CSSKBD	Kinh phí trích CSSKBD theo giá trị thẻ trong năm			Kinh phí trích CSSKBD năm nay trích cho giá trị thẻ năm nay
				Cộng	Năm trước trích cho giá trị thẻ năm nay	Năm nay	
A	B	C	1	2=3+4	3	4	5
I. Cơ sở giáo dục hoặc cơ sở GDNN			1+2+...	1+2+...	1+2+...	1+2+...	1+2+...
1		BHXH tỉnh A					
a		Học sinh tham gia BHYT tại trường					
b		Học sinh tham gia BHYT đối tượng khác trong tỉnh					
c		Học sinh tham gia BHYT đối tượng khác ngoài tỉnh					
2		BHXH tỉnh B					
...							
...							
II. Cơ quan đơn vị, doanh nghiệp			1+2+...	1+2+...	1+2+...	1+2+...	1+2+...
1							
...							
III. Người làm việc trên tàu đánh bắt xa bờ			1+2+...	1+2+...	1+2+...	1+2+...	1+2+...
1							
...							
IV. Cơ yếu do BHXH tỉnh phát hành thẻ BHYT			1+2+...	1+2+...	1+2+...	1+2+...	1+2+...
1							
...							
Tổng cộng:			I+II+...	I+II+...	I+II+...	I+II+...	I+II+...

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm
Tổng Giám đốc/Trưởng ban Quản lý Thu - Sở, Thẻ
(Ký, ghi rõ họ tên)

HƯỚNG DẪN LẬP

Báo cáo tổng hợp đối tượng và kinh phí trích chăm sóc sức khỏe ban đầu (Mẫu 03/BHYT)

1. Mẫu 03b/BHYT

a) Mục đích: để xác định số đối tượng và kinh phí trích chăm sóc sức khỏe ban đầu

b) Trách nhiệm lập: BHXH tỉnh/huyện.

c) Thời gian lập: quý, năm.

d) Phương pháp lập:

* Chỉ tiêu hàng ngang

- I: cơ sở giáo dục hoặc cơ sở GDNN

(a) Học sinh tham gia BHYT tại trường

(b) Học sinh tham gia BHYT đối tượng khác trong tỉnh

(c) Học sinh tham gia BHYT đối tượng khác ngoài tỉnh

- II: cơ quan đơn vị, doanh nghiệp

- III: người làm việc trên tàu đánh bắt xa bờ

- IV: cơ yếu do BHXH tỉnh phát hành thẻ BHYT

* Chỉ tiêu theo Cột

- Cột A: ghi số thứ tự.

- Cột B: ghi mã đơn vị

- Cột C: ghi tên đơn vị

- Cột 1: ghi tổng số lượt người tham gia BHYT được trích CSSKBD.

- Cột 2 = Cột 3 + Cột 4

- Cột 3: ghi số kinh phí CSSKBD Năm trước trích cho giá trị thẻ năm nay

- Cột 4: ghi số kinh phí CSSKBD phải trích năm nay

- Cột 5: ghi số kinh phí CSSKBD phải trích năm sau

2. Mẫu 03c/BHYT

a) Mục đích: để xác định số đối tượng và kinh phí trích chăm sóc sức khỏe ban đầu

b) Trách nhiệm lập: BHXH tỉnh

c) Thời gian lập: quý, năm.

d) Phương pháp lập: tổng hợp từ mẫu 03b/BHYT theo từng cơ quan BHXH huyện vào các chỉ tiêu tương ứng

3. Mẫu 03d/BHYT

a) Mục đích: để xác định số đối tượng và kinh phí trích chăm sóc sức khỏe ban đầu

b) Trách nhiệm lập: Ban Quản lý Thu – Sở, Thê

c) Thời gian lập: quý, năm.

d) Phương pháp lập: tổng hợp từ mẫu 03c/BHYT theo từng cơ quan BHXH tỉnh vào các chỉ tiêu tương ứng





BẢO HIỂM XÃ HỘI
BẢO HIỂM XÃ HỘI

Mẫu C12-TS
(Ban hành kèm theo QĐ số 490/QĐ-BHXH
ngày 28/3/2023 của BHXH Việt Nam)

CHI TIẾT KẾT QUẢ ĐÓNG BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN

Tháng năm

Kính gửi:

Địa chỉ: Mã đơn vị

BHXH

Địa chỉ:

Điện thoại: Số TK: Tại:

Căn cứ hồ sơ kê khai của đơn vị tính đến hết tháng, Thông báo chi tiết kết quả đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN của đơn vị như sau:

STT	NỘI DUNG	BHXH		BHYT	BHTN	BHTNLĐ, BNN	CỘNG
		ÔĐ, TS	HTTT				
A	B	1	2	3	4	5	6 = 1+2+3+4+5
A	Kỳ trước mang sang						
1	Số lao động						
2	Phải đóng						
2.1	Thừa						
2.2	Thiếu						
3	Thiếu lãi						
B	Phát sinh trong kỳ						
1	Số lao động						
1.1	Tăng						
1.2	Giảm						
2	Quỹ lương						
1.1	Tăng						
1.2	Giảm						
3	Phải đóng						
3.1	Tăng						
3.2	Giảm						
4	Điều chỉnh kỳ trước						
4.1	Điều chỉnh tăng kỳ trước						
4.2	Điều chỉnh giảm kỳ trước						
5	Lãi						
5.1	Số tiền tính lãi						
5.2	Tỷ lệ tính lãi						
5.3	Tổng tiền lãi						
C	Số tiền đã nộp trong kỳ						
1	+ UNC số ..., ngày .../.../....						
2	+ UNC số ..., ngày .../.../....						
n	+ UNC						
D	Phân bổ tiền đóng						
1	Phải đóng						
2	Tiền lãi						
Đ	Chuyển kỳ sau						
1	Số lao động						
2	Phải đóng						
2.1	Thừa						
2.2	Thiếu						
3	Thiếu lãi						

a) Kết quả đơn vị đã đóng BHXH bắt buộc (quỹ ốm đau, TS) cho..... lao động đến hết tháng/năm.....

b) Kết quả đơn vị đã đóng BHXH bắt buộc (quỹ hưu trí và tử tuất) cho..... lao động đến hết tháng/năm.....

c) Kết quả đơn vị đã đóng BHTN cho..... lao động đến hết tháng/năm.....

d) Kết quả đơn vị đã đóng BHTNLĐ, BNN cho..... lao động đến hết tháng/năm.....

đ) Kết quả đơn vị đã đóng BHYT cho..... lao động đến hết tháng/năm.....

e) Tổng số nộp thiếu là..... đồng, đề nghị đơn vị nộp vào tài khoản số Tại Ngân hàng (hoặc tài khoản số Tại Kho bạc NN) của cơ quan BHXH trước ngày.....

g) Đề nghị đơn vị kiểm tra số liệu trên, nếu chưa thống nhất đề nghị đến cơ quan BHXH

để kiểm tra điều chỉnh trước ngày / / . Quá thời hạn trên nếu đơn vị không đến, số liệu trên là đúng.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Giám đốc BHXH

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

HƯỚNG DẪN LẬP

Thông báo kết quả đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN (Mẫu C12-TS)

a) Mục đích: để thông báo chi tiết kết quả thực hiện đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN đối với các đơn vị tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN.

b) Trách nhiệm lập: cơ quan BHXH.

c) Thời gian lập: hằng tháng.

d) Căn cứ lập: căn cứ số liệu Mẫu D02-LT, D03-TS, D05-TS, C69b-HD, C83b-HD, Mẫu C12-TS tháng trước liền kề, dữ liệu trong phần mềm quản lý và các chứng từ nộp tiền trong tháng của đơn vị.

e) Phương pháp lập:

- Các cột 1, 2, 3, 4, 5: ghi số liệu các tiêu thức trên Mẫu D02-LT, D03-TS, D05-TS, C69b-HD, C83b-HD, và các chứng từ nộp tiền của đơn vị theo tháng và theo từng quỹ thành phần vào tương ứng với các tiêu thức và từng quỹ thành phần trong thông báo.

- Cột 6 = Cột 1 + Cột 2 + Cột 3 + Cột 4 + Cột 5 theo các chỉ tiêu tương ứng (phần gạch chéo không ghi số liệu). Đối với số thu thừa không phân bổ vào các quỹ.

Lưu ý:

- Xác định kết quả đơn vị đã đóng BHXH (ốm đau, thai sản, hưu trí và tử tuất), BHTN, BHTNLĐ, BNN cho người lao động tính đến hết tháng.... năm....: tương ứng với số tiền đơn vị đã đóng BHXH (ốm đau, thai sản, hưu trí và tử tuất), BHTN cho người lao động như sau:

+ Đơn vị không nợ BHXH (ốm đau, thai sản, hưu trí và tử tuất), BHTN, BHTNLĐ, BNN thì xác nhận thời gian đóng BHXH, BHTN, BHTNLĐ, BNN cho người lao động đến hết tháng ra thông báo.

+ Đơn vị nợ BHXH (ốm đau, thai sản, hưu trí và tử tuất), BHTN, BHTNLĐ, BNN thì xác nhận thời gian đóng BHXH (ốm đau, thai sản, hưu trí và tử tuất), BHTNLĐ, BNN cho người lao động tương ứng với số tiền đơn vị đã đóng BHXH (ốm đau, thai sản, hưu trí và tử tuất), BHTNLĐ, BNN.

BẢO HIỂM XÃ HỘI
BẢO HIỂM XÃ HỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-BHXH, ngày tháng năm 20.....

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc hoàn trả tiền thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp,
bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp**

GIÁM ĐỐC BẢO HIỂM XÃ HỘI

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội số 58/2014/QH11 ngày 20 tháng 11 năm 2014;

*Căn cứ Luật bảo hiểm y tế số 25/2008/QH12 ngày 14 tháng 11 năm 2008; Luật sửa đổi,
bổ sung một số điều của Luật bảo hiểm y tế;*

*Căn cứ Quyết định số ../201../QĐ-TTg ngày ... tháng ... năm của Thủ tướng
Chính phủ về quản lý tài chính đối với Bảo hiểm xã hội Việt Nam;*

*Xét đề nghị của Trưởng phòng (Tổ trưởng) Quản lý thu; Trưởng phòng (Tổ trưởng)
Kế hoạch - Tài chính;*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hoàn trả số tiền đồng (viết bằng chữ:.....)
cho..... do..... (bảng kê chi tiết kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng (Tổ trưởng) Quản lý thu; Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính,
các phòng (tổ) trực thuộc Bảo hiểm xã hội và đơn vị, cá nhân có tên tại Điều
1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- BHXH huyện
- Lưu: VT, PT, KHTC.

GIÁM ĐỐC

BẢNG KÊ CHI TIẾT

(Kèm theo Quyết định về việc hoàn trả tiền thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp số
ngày của BHXH)

STT	Họ và tên	Mã số BHXH	Cơ quan BHXH nơi tham gia	Mức đóng	Số tháng hoàn trả	Số tiền hoàn trả	Ghi chú
1							
2							
3							
	Tổng cộng:						

HƯỚNG DẪN LẬP

Quyết định hoàn trả tiền thu BHXH, BHYT (Mẫu C16-TS)

a) Mục đích: để giám đốc cơ quan BHXH ra quyết định hoàn trả tiền thu BHXH, BHYT, BHTN do đơn vị, cá nhân nộp thừa, nộp nhầm vào tài khoản chuyển thu của cơ quan BHXH các cấp.

b) Trách nhiệm lập: cơ quan BHXH.

c) Thời gian lập: khi có phát sinh.

d) Căn cứ lập: căn cứ tờ khai, văn bản đề nghị hoàn trả tiền thu BHXH, BHYT và các chứng từ nộp tiền thu BHXH, BHYT, BHTN của đơn vị, cá nhân.

đ) Phương pháp lập: ghi đầy đủ các nội dung tiêu thức trên quyết định hoàn trả tiền thu BHXH, BHYT.



BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI

THAM GIA, ĐIỀU CHỈNH THÔNG TIN BẢO HIỂM XÃ HỘI, BẢO HIỂM Y TẾ

I. Áp dụng đối với người tham gia tra cứu không thấy mã số BHXH do cơ quan BHXH cấp

[01]. Họ và tên (viết chữ in hoa): [02]. Giới tính:
[03]. Ngày, tháng, năm sinh:/...../..... [04]. Quốc tịch:.....
[05]. Dân tộc: [06]. Số CCCD/ĐDCN/Hộ chiếu:
[07]. Điện thoại:..... [08]. Email (nếu có):.....
[09]. Nơi đăng ký khai sinh: [09.1]. Xã:..... [09.2]. Huyện:
..... [09.3]. Tỉnh:

[10]. Họ tên cha/mẹ/giám hộ (đối với trẻ em dưới 6 tuổi):

[11]. Đăng ký nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính:

[11.1] Nhận sổ BHXH, thẻ BHYT bản điện tử: ☐

[11.2]. Nhận sổ BHXH, thẻ BHYT bản giấy, địa chỉ: ☐

[11.2a]. Số nhà, đường/phố, thôn/xóm:

[11.2b]. Xã: [11.2c]. Huyện: [11.2d]. Tỉnh:.....

[12]. Kê khai Phụ lục Thành viên hộ gia đình (phụ lục kèm theo) đối với người tham gia tra cứu không thấy mã số BHXH và người tham gia BHYT theo hộ gia đình để giảm trừ mức đóng.

II. Áp dụng đối với người tham gia đã có mã số BHXH đề nghị đăng ký, điều chỉnh thông tin ghi trên sổ BHXH, thẻ BHYT

[13]. Mã số BHXH: [14]. Điều chỉnh thông tin cá nhân:

[14.1]. Họ và tên (viết chữ in hoa): [14.2]. Giới tính:

[14.3]. Ngày, tháng, năm sinh:/...../..... [14.4]. Nơi đăng ký khai sinh:

Xã..... Huyện: Tỉnh:.....

[14.5]. Số CCCD/ĐDCN/Hộ chiếu:

[15]. Mức tiền đóng: [16]. Phương thức đóng:.....

[17]. Nơi đăng ký khám, chữa bệnh ban đầu:

[18]. Nội dung thay đổi, yêu cầu khác:

.....

[19]. Hồ sơ kèm theo (nếu có):

.....

XÁC NHẬN CỦA ĐƠN VỊ

....., ngày tháng năm

Người kê khai

.....
.....
.....
.....

Ghi chú: Người tham gia tra cứu mã số BHXH tại địa chỉ: <https://baohiemxahoi.gov.vn>.



Phụ lục Thành viên hộ gia đình

(Áp dụng đối với: Người tham gia tra cứu không thấy mã số BHXH; Người tham gia BHYT theo hộ gia đình để giảm trừ mức đóng;
Trẻ em dưới 6 tuổi thực hiện cấp thẻ BHYT liên thông dữ liệu với Bộ Tư pháp)

Họ và tên chủ hộ:..... Số CCCD/ĐDCN:

Mã số hộ gia đình: Điện thoại liên hệ:

Địa chỉ theo nơi thường trú hoặc tạm trú: Số nhà, đường phố, tập thể:.....

Thôn (bản, tổ dân phố):.....Xã (phường, thị trấn):.....

Huyện (quận, Tx, Tp thuộc tỉnh):Tỉnh (Tp thuộc Trung ương):.....

Bảng thông tin thành viên hộ gia đình:

Stt	Họ và tên	Mã số BHXH	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Nơi đăng ký khai sinh	Mối quan hệ với chủ hộ	Số CCCD/ĐDCN/ Hộ chiếu	Ghi chú
A	B	I	2	3	4	5	6	7	8	9

....., ngày tháng năm

Người kê khai

HƯỚNG DẪN LẬP

Tờ khai tham gia, điều chỉnh thông tin bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế (Mẫu TK1-TS)

1. Mục đích:

- Kê khai đầy đủ thông tin của người tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN (gọi tắt là người tham gia) khi tra cứu không thấy mã số BHXH.
- Kê khai thông tin của người tham gia đề nghị điều chỉnh thông tin cá nhân, chức danh công việc, phương thức đóng BHXH tự nguyện, nơi đăng ký khám, chữa bệnh ban đầu,...

2. Trách nhiệm lập: Người tham gia hoặc Cha/mẹ/người giám hộ (đối với trẻ em dưới 6 tuổi).

3. Thời gian lập: Khi người tham gia đăng ký tham gia không tìm thấy mã số BHXH hoặc có đề nghị điều chỉnh thông tin BHXH, BHYT.

4. Phương pháp lập:

Mục I: Áp dụng đối với người tham gia tra cứu không thấy mã số BHXH bắt buộc kê khai từ chỉ tiêu [1] đến chỉ tiêu [11] (trừ chỉ tiêu [8] để tham gia BHXH, BHYT như sau:

[01]. Họ và tên: ghi đầy đủ họ, chữ đệm và tên bằng chữ in hoa có dấu của người tham gia.

[02]. Giới tính: ghi giới tính của người tham gia (nếu là nam thì ghi từ “nam” hoặc nếu là nữ thì ghi từ “nữ”).

[03]. Ngày, tháng, năm sinh: ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh như trong giấy khai sinh hoặc chứng minh nhân dân/căn cước công dân/hộ chiếu.

[04]. Quốc tịch: ghi quốc tịch của người tham gia như trong giấy khai sinh hoặc chứng minh nhân dân/căn cước công dân/hộ chiếu.

[05]. Dân tộc: ghi dân tộc của người tham gia như trong giấy khai sinh hoặc chứng minh nhân dân/căn cước công dân/hộ chiếu.

[06]. Số CCCD/ĐDCN/Hộ chiếu: ghi căn cước công dân/định danh cá nhân hoặc hộ chiếu của người tham gia được cơ quan có thẩm quyền cấp (bao gồm cả trẻ em dưới 6 tuổi được cấp số định danh cá nhân).

[07]. Điện thoại: ghi số điện thoại của người tham gia hoặc số điện thoại để liên hệ với người tham gia.

[08]. Email: ghi địa chỉ thư điện tử của người tham gia hoặc địa chỉ thư điện tử để liên hệ với người tham gia (nếu có).

[09]. Nơi đăng ký khai sinh: ghi rõ tên xã (phường/thị trấn); huyện (quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh); tỉnh (thành phố trực thuộc Trung ương) đã đăng ký khai sinh của người tham gia. *Trường hợp chưa xác định được nơi đăng ký khai sinh thì ghi nguyên quán hoặc ghi địa chỉ thường trú hoặc tạm trú (theo 3 cấp tương tự nơi đăng ký khai sinh);*

[10]. Họ tên cha/mẹ/giám hộ (đối với trẻ em dưới 6 tuổi): ghi họ tên cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ đối với người tham gia là trẻ em dưới 6 tuổi.

[11]. Địa chỉ nhận kết quả: lựa chọn phương thức nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính

Trường hợp nhận sổ BHXH, thẻ BHYT bản giấy; ghi cụ thể, đầy đủ địa chỉ nơi đang sinh sống (*số nhà, đường/ phố, thôn/ xóm; xã/ phường/ thị trấn; huyện/ quận/ thị xã/ thành phố thuộc tỉnh; tỉnh/ thành phố trực thuộc Trung ương*) để cơ quan BHXH trả hồ sơ, sổ BHXH, thẻ BHYT hoặc kết quả giải quyết thủ tục hành chính khác.

[12]. kê khai Phụ lục Thành viên hộ gia đình (phụ lục kèm theo) đối với người tham gia tra cứu không thấy mã số BHXH và người tham gia BHYT theo hộ gia đình để giảm trừ mức đóng theo hướng dẫn.

Mục II: *Áp dụng đối với người tham gia tra đã có mã số BHXH để nghị đăng ký, điều chỉnh thông tin ghi trên sổ BHXH, thẻ BHYT như sau:*

[13]. Mã số BHXH: ghi mã số BHXH đã được cơ quan BHXH cấp cho người tham gia.

[14]. Điều chỉnh thông tin cá nhân: chỉ kê khai một trong các thông tin cá nhân đề nghị điều chỉnh, cụ thể:

[14.1]. Họ và tên: ghi đầy đủ họ, chữ đệm và tên bằng chữ in hoa có dấu của người tham gia.

[14.2]. Giới tính: ghi giới tính của người tham gia (nếu là nam thì ghi từ “nam” hoặc nếu là nữ thì ghi từ “nữ”).

[14.3]. Ngày, tháng, năm sinh: ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh như trong giấy khai sinh hoặc chứng minh nhân dân/căn cước công dân/hộ chiếu.

[14.4]. Nơi đăng ký khai sinh: ghi rõ tên xã (phường/thị trấn); huyện (quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh); tỉnh (thành phố trực thuộc Trung ương) đã đăng ký khai sinh của người tham gia. *Trường hợp chưa xác định được nơi đăng ký khai sinh thì ghi nguyên quán hoặc ghi địa chỉ thường trú hoặc tạm trú (theo 3 cấp tương tự nơi đăng ký khai sinh);*

[14.5]. Số CCCD/ĐDCN/Hộ chiếu: ghi số chứng minh nhân dân/căn cước công dân/hộ chiếu của người tham gia được cơ quan có thẩm quyền cấp (bao gồm cả trẻ em dưới 6 tuổi được cấp số định danh cá nhân).

[15]. Mức tiền đóng (áp dụng đối với người tham gia đăng ký/điều chỉnh mức đóng BHXH tự nguyện): ghi mức thu nhập tháng do người tham gia BHXH tự nguyện lựa chọn.

[16]. Phương thức đóng (áp dụng đối với người tham gia đăng ký/điều chỉnh phương thức đóng BHXH tự nguyện): ghi cụ thể phương thức đóng của người tham gia theo quy định (ví dụ: 03 tháng hoặc 06 tháng,...).

[17]. Nơi đăng ký khám, chữa bệnh ban đầu (áp dụng đối với người tham gia BHYT đăng ký/thay đổi nơi khám, chữa bệnh ban đầu): ghi nơi đăng ký khám bệnh, chữa bệnh BHYT ban đầu do người tham gia lựa chọn theo hướng dẫn của cơ quan BHXH.

[18]. Nội dung thay đổi, yêu cầu khác: ghi nội dung yêu cầu thay đổi, điều chỉnh, như: cấp lại sổ BHXH, thẻ BHYT, chức danh công việc, địa chỉ nhận kết quả, điện thoại, email,...

[19]. Hồ sơ kèm theo:

- Đối với người điều chỉnh thông tin, ghi các loại giấy tờ chứng minh.

- Đối với người tham gia được hưởng quyền lợi BHYT cao hơn, ghi các loại giấy tờ chứng minh.

Sau khi hoàn tất việc kê khai:

+ Người tham gia ghi nội dung: đã tra cứu không thấy mã số BHXH, tự nguyện kê khai, cung cấp giấy tờ liên quan để đảm bảo chính xác thông tin và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã kê khai; Ký và ghi rõ họ tên.

+ Đơn vị sử dụng lao động (*người lao động đang bảo lưu thời gian đóng BHXH thì không phải xác nhận*) ghi nội dung: xác nhận thông tin điều chỉnh của người tham gia là đúng với hồ sơ quản lý và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung xác nhận; Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên.

Phụ lục Thành viên hộ gia đình

1. Mục đích:

- Kê khai đầy đủ, chính xác thông tin các thành viên trong hộ gia đình của người tham gia tra cứu không thấy mã số BHXH để bổ sung, hoàn thiện cơ sở dữ liệu.

- Xác định chính xác các thành viên trong hộ gia đình để giảm trừ mức đóng khi tham gia BHYT theo hộ gia đình.

- Xác định chính xác hộ gia đình của trẻ em dưới 6 tuổi thực hiện cấp thẻ BHYT liên thông dữ liệu với Bộ Tư pháp.

2. Trách nhiệm lập: Người tham gia hoặc Cha/mẹ/người giám hộ (đối với trẻ em dưới 6 tuổi).

3. Thời gian lập:

- Khi người tham gia đăng ký tham gia không tìm thấy mã số BHXH.

- Khi tham gia BHYT theo hộ gia đình để giảm trừ mức đóng mà đối chiếu các thành viên trong hộ gia đình không khớp với dữ liệu cơ quan BHXH đang quản lý.

- Cấp thẻ BHYT liên thông dữ liệu đăng ký khai sinh trẻ em dưới 6 tuổi trên Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp.

4. Phương pháp lập:

a) Phần thông tin chung: ghi đầy đủ họ và tên chủ hộ; Số CCCD/ĐDCN; Mã số hộ gia đình (*nếu có và đúng thông tin chủ hộ, thành viên hộ gia đình*); Điện thoại liên hệ; Địa chỉ hộ gia đình ghi theo nơi thường trú hoặc tạm trú.

b) Bảng thông tin thành viên hộ gia đình (*trường hợp xác định được mã số hộ gia đình thì không phải kê khai bảng thông tin này*):

- Cột A: ghi số thứ tự từ 1 đến hết các thành viên trong hộ gia đình của người tham gia.

- Cột B: ghi đầy đủ họ, chữ đệm và tên của từng thành viên hộ gia đình (bao gồm cả chủ hộ gia đình).

- Cột 1: ghi mã số BHXH của từng thành viên hộ gia đình đã được cơ quan BHXH cấp.

- Cột 2: ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh như trong giấy khai sinh hoặc chứng minh nhân dân/căn cước công dân/hộ chiếu của từng thành viên hộ gia đình.
- Cột 3: ghi giới tính của từng thành viên hộ gia đình (nếu là nam thì ghi từ “nam” hoặc nếu là nữ thì ghi từ “nữ”).
- Cột 4: ghi quốc tịch của từng thành viên hộ gia đình như trong giấy khai sinh hoặc chứng minh nhân dân/căn cước công dân/hộ chiếu.
- Cột 5: ghi dân tộc của từng thành viên hộ gia đình như trong giấy khai sinh hoặc chứng minh nhân dân/căn cước công dân/hộ chiếu.
- Cột 6: ghi rõ, đầy đủ tên xã (phường/thị trấn); huyện (quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh); tỉnh (thành phố trực thuộc Trung ương) đã đăng ký khai sinh cho từng thành viên hộ gia đình. Trường hợp chưa xác định được nơi đăng ký khai sinh thì ghi nguyên quán hoặc ghi địa chỉ nơi thường trú hoặc tạm trú.
- Cột 7: ghi mối quan hệ với chủ hộ gia đình của từng thành viên hộ gia đình.
- Cột 8: ghi số CCCD/ĐDCN/Hộ chiếu của từng thành viên hộ gia đình được cơ quan có thẩm quyền cấp.
- Cột 9: ghi số điện thoại của từng thành viên hộ gia đình và những nội dung cần ghi chú.

Sau khi hoàn tất việc kê khai:

+ Người tham gia ghi nội dung: tự nguyện kê khai, cung cấp giấy tờ liên quan để đảm bảo chính xác thông tin và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã kê khai; Ký và ghi rõ họ tên.

Lưu ý: Trường hợp sáp nhập, chia tách địa giới hành chính thì ghi theo tên địa danh tại thời điểm kê khai.

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI

ĐƠN VỊ THAM GIA, ĐIỀU CHỈNH BẢO HIỂM XÃ HỘI, BẢO HIỂM Y TẾ

Kính gửi:

[01]. Tên đơn vị:

[02]. Mã số đơn vị:

[03]. Mã số thuế:

[04]. Địa chỉ đăng ký kinh doanh:.....

[05]. Loại hình đơn vị:

[06]. Ngành nghề sản xuất, kinh doanh chính:

[07]. Địa chỉ giao dịch hoặc liên hệ:.....

[08]. Số điện thoại liên hệ: [09]. Địa chỉ email:.....

[10]. Quyết định thành lập/Giấy phép đăng ký kinh doanh:

[10.1]. Số:; [10.2]. Nơi cấp:

[11]. Phương thức đóng khác: [11.1]. 03 tháng một lần ☐ [11.2]. 06 tháng một lần ☐

[12]. Nội dung thay đổi, yêu cầu:

.....

[13]. Hồ sơ kèm theo (nếu có):

.....

.....

[14]. Đăng ký nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính:

[14.1] Nhận kết quả bản điện tử: ☐

[14.2]. Nhận kết quả bản giấy: ☐

....., ngày tháng năm

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

HƯỚNG DẪN LẬP

Tờ khai đơn vị tham gia, điều chỉnh BHXH, BHYT (mẫu TK3-TS)

a) Mục đích: kê khai các thông tin của đơn vị khi đăng ký tham gia BHXH, BHYT, BHTN và khi thay đổi thông tin của đơn vị.

b) Trách nhiệm lập: đơn vị tham gia BHXH, BHYT.

c) Thời gian lập: đơn vị BHXH, BHYT tham gia lần đầu, đơn vị di chuyển từ địa bàn tỉnh, thành phố khác đến; khi có thay đổi thông tin của đơn vị.

d) Phương pháp lập:

[01]. Tên đơn vị: ghi đầy đủ tên đơn vị.

[02]. Mã số đơn vị: ghi mã số đơn vị do cơ quan BHXH cấp, trường hợp chưa được cấp mã thì để trống.

[03]. Mã số thuế: ghi mã số thuế của đơn vị, trường hợp đơn vị chưa được cấp mã số thuế thì để trống.

Lưu ý:

- Mã đơn vị lấy theo mã số thuế.

- Đối với đơn vị đã được cấp mã số đơn vị và mã số thuế thì ghi cả hai mã số vào chỉ tiêu tương ứng (đối với đơn vị di chuyển từ địa bàn tỉnh, thành phố khác đến; khi có thay đổi thông tin của đơn vị).

- Trường hợp đơn vị chưa được cấp mã số thuế thì mã đơn vị được cấp theo quy định.

- Trường hợp đã được cấp mã số đơn vị, sau khi được bổ sung mã số thuế thì mã đơn vị được điều chỉnh theo mã số thuế.

[04]. Địa chỉ đăng ký kinh doanh: ghi địa chỉ theo quyết định thành lập, giấy phép kinh doanh.

[05]. Loại hình đơn vị: ghi các loại hình đơn vị như: Cơ quan hành chính, Đảng, đoàn; Sự nghiệp công lập; Sự nghiệp ngoài công lập; Doanh nghiệp nhà nước; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Doanh nghiệp ngoài nhà nước (ghi cụ thể như: công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh và doanh nghiệp tư nhân); Hợp tác xã; Tổ hợp tác; Hộ kinh doanh cá thể; cá nhân có sử dụng lao động; Văn phòng đại diện, tổ chức quốc tế.

[06]. Ngành nghề sản xuất, kinh doanh chính: ghi cụ thể ngành nghề đơn vị sản xuất, kinh doanh chính.

[07]. Địa chỉ giao dịch hoặc liên hệ: ghi đầy đủ số nhà, đường phố, thôn xóm; xã, phường, thị trấn; quận, huyện thị xã, thành phố thuộc tỉnh; tỉnh, thành phố nơi đơn vị đóng trụ sở.

[08]. Số điện thoại liên hệ: ghi số điện thoại của đơn vị.

[09]. Địa chỉ email: ghi địa chỉ email của đơn vị.

[10]. Quyết định thành lập/Giấy phép đăng ký kinh doanh:

[10.1].Số: ghi số Quyết định thành lập/Giấy phép đăng ký kinh doanh.

[10.2]. Nơi cấp: ghi cơ quan cấp Quyết định thành lập/Giấy phép đăng ký kinh doanh cho đơn vị.

[11]. Phương thức đóng khác (chỉ áp dụng đối với Doanh nghiệp, Hợp tác xã, Hộ kinh doanh cá thể, Tổ hợp tác hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp trả lương theo sản phẩm, theo khoán): nếu chọn phương thức đóng 03 tháng một lần thì đánh dấu x với ô [11.1]; nếu chọn phương thức đóng 06 tháng một lần thì đánh dấu x với ô [11.2].

[12]. Nội dung thay đổi, yêu cầu: ghi nội dung yêu cầu thay đổi như: tên đơn vị, địa chỉ đơn vị, loại hình đơn vị...

[13]. Hồ sơ kèm theo: kê chi tiết, số lượng các loại giấy tờ gửi kèm.

[14]. Lựa chọn hình thức nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính (điện tử hoặc giấy)

Lưu ý:

Khi thay đổi thông tin đơn vị tham gia BHXH, BHYT, BHTN thì chỉ cần ghi mã số thuế đơn vị và chỉ tiêu [01], [02], [10], [11];

Đơn vị chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc lập hồ sơ; lưu trữ hồ sơ tham gia BHXH, BHYT, BHTN.

đ) Sau khi hoàn tất việc kê khai, thủ trưởng đơn vị ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu.

Tên đơn vị/Điểm thu:
Mã đơn vị/Điểm thu:MS thuế:
Địa chỉ:
Điện thoại: Email:

DANH SÁCH NGƯỜI CHỈ THAM GIA BHYT
Số:..... tháng năm

Mẫu D03-TS
(Ban hành kèm theo Quyết định số:
490/QĐ-BHXH ngày 28/03/2023 của BHXH
Việt Nam)

Đối tượng tham gia Mã đối tượng Lương cơ sở: đồng
Nguồn đóng: Tỷ lệ NSNN hỗ trợ theo quy định%

STT	Họ và tên	Mã số BHXH	Số CCCD/ CNTND ĐDCN/hộ chiếu	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Địa chỉ	Nơi đăng ký KCB ban đầu	Ngày biên lai	Số biên lai	Tiền lương hưu, trợ cấp TN, TS	Hỗ trợ thêm		Thời gian tham gia		Mã số nhân viên thu	Ghi chú
											NSDP	Khác	Từ tháng	Số tháng		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
I	Tăng															
I.1	Người tham gia															
I.2	Tiền lương															
	Cộng tăng															
II	Giảm															
II.1	Người tham gia															
II.2	Tiền lương															
	Cộng giảm															

Tổng số thẻ BHYT đề nghị cấp:
- Ghi chú: Cột 14 chỉ áp dụng đối với tổ chức dịch vụ thu BHXH tự nguyện BHYT

....., ngàytháng.....năm.....
Cơ quan LĐTBXH, UBND xã/Tổ chức DV thu/nhà trường
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

HƯỚNG DẪN LẬP

Danh sách người chỉ tham gia BHYT (Mẫu số D03-TS).

a) Mục đích: kê khai các thông tin của người chỉ tham gia BHYT để thu, cấp thẻ BHYT theo quy định.

b) Trách nhiệm lập: UBND cấp xã, đơn vị quản lý người tham gia BHYT hoặc tổ chức dịch vụ thu/Cơ sở giáo dục hoặc cơ quan BHXH.

c) Thời gian lập: lập khi đơn vị bắt đầu tham gia đóng BHYT và khi có biến động (tăng, giảm) về người tham gia, số tiền đóng BHYT.

d) Phương pháp lập

* Phần thông tin chung

- Tên đơn vị: ghi đầy đủ tên đơn vị/tổ chức dịch vụ thu theo đăng ký kinh doanh, quyết định thành lập.

- Mã đơn vị: ghi mã đơn vị/tổ chức dịch vụ do cơ quan BHXH cấp.

- Mã số thuế: ghi mã số thuế do cơ quan thuế cấp.

- Địa chỉ: ghi địa chỉ nơi đóng trụ sở của đơn vị/ tổ chức dịch vụ thu.

- Điện thoại: ghi số điện thoại của đơn vị/ tổ chức dịch vụ thu.

- Email: ghi tên email của đơn vị/ tổ chức dịch vụ thu.

- Đối tượng tham gia: ghi loại đối tượng tham gia BHYT (người nghèo, người có công, trẻ em dưới 6 tuổi, hộ gia đình ...).

- Nguồn đóng BHYT: ghi nguồn đóng BHYT như cơ quan lao động - thương binh và xã hội, cơ quan tài chính,

- Lương cơ sở: ghi mức tiền lương cơ sở do Nhà nước quy định tại thời điểm lập danh sách.

- Tỷ lệ NSNN hỗ trợ theo quy định: ghi tỷ lệ NSNN hỗ trợ theo quy định như: 70% đối với hộ cận nghèo, 30% đối với học sinh sinh viên.

* Chỉ tiêu theo cột:

- Cột A: ghi số thứ tự từ nhỏ đến lớn theo từng mục: tăng người tham gia, tăng tiền lương, trợ cấp; giảm người tham gia, giảm tiền lương, trợ cấp.

- Cột B: ghi họ, tên người tham gia BHYT.

Đối với những đơn vị có số lượng người tham gia BHYT lớn, có yêu cầu phân nhóm đối tượng để thuận tiện trong việc tiếp nhận và trả thẻ BHYT, cơ quan BHXH có trách nhiệm hướng dẫn các đơn vị khi lập danh sách cấp thẻ BHYT, tại cột B tách thành các nhóm theo mã đơn vị trực thuộc (nhóm và mã đơn vị trực thuộc do đơn vị tự xây dựng nhưng tối đa không quá 6 ký tự được ký hiệu bằng số hoặc bằng chữ).

Ví dụ: Trường A có n lớp trực thuộc, mỗi lớp có 50 học sinh thì Trường A khi lập danh sách phân thành n nhóm: lớp 1, mã số 01, kèm theo danh sách của 50 học sinh thuộc lớp 1; tiếp theo là lớp 2, mã số 02, kèm theo danh sách 50 học sinh của lớp 2... (mã số đơn vị trực thuộc có thể là 01, 02 hoặc AA, AB hoặc nhiều ký tự hơn nhưng không quá 6 ký tự)

- Cột 1: ghi mã số BHXH của từng người tham gia.
- Cột 2: ghi số căn cước công dân/chứng minh nhân dân/định danh cá nhân/hộ chiếu của người tham gia được cơ quan có thẩm quyền cấp (riêng hộ chiếu chỉ dành cho người nước ngoài).
- Cột 3: ghi ngày tháng năm sinh như trong giấy khai sinh hoặc chứng minh thư, hộ chiếu, thẻ căn cước.
- Cột 4: ghi giới tính của người tham gia BHYT là nữ bằng cách đánh dấu nhân (x), là nam để trống.
- Cột 5: ghi cụ thể, đầy đủ địa chỉ nơi đang sinh sống (*số nhà, đường/phố, thôn/xóm; xã/phường/thị trấn*); *huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh; tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương*) để cơ quan BHXH trả hồ sơ, sổ BHXH, thẻ BHYT hoặc kết quả giải quyết thủ tục hành chính khác.
- Cột 6: ghi nơi đăng ký khám chữa bệnh ban đầu theo hướng dẫn của cơ quan BHXH hoặc tổ chức dịch vụ thu BHXH, BHYT.
- Cột 7: ghi ngày biên lai thu tiền hoặc ngày văn bản phê duyệt đối tượng có hiệu lực.
- Cột 8: ghi số biên lai thu tiền hoặc số văn bản phê duyệt đối tượng có hiệu lực.
- Cột 9: Tiền lương, trợ cấp hoặc số tiền đóng
 - + Đối với người được ngân sách nhà nước đóng, ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% mức đóng (bao gồm cả ngân sách địa phương hỗ trợ), người được tổ chức BHXH đóng theo mức lương cơ sở: không ghi số liệu.
 - + Đối với người lao động: ghi tiền lương làm căn cứ đóng; trường hợp người thuộc chế độ tiền lương do nhà nước quy định ghi bằng tổng hệ số lương theo ngạch, bậc, cấp bậc quân hàm và các khoản phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề (nếu có) nhân mức lương cơ sở tại thời điểm hiện tại.
 - + Đối với người hưởng lương hưu, trợ cấp mất sức lao động hằng tháng: ghi tiền lương hưu, trợ cấp MSLĐ.
 - + Đối với người lao động đã được đơn vị báo giảm khi đủ điều kiện nghỉ hưởng chế độ hưu trí: để trống, sau khi có quyết định nghỉ hưởng chế độ hưu trí của cơ quan BHXH thì Phòng/Tổ chế độ BHXH lập Mẫu D03-TS ghi mức tiền lương hưu theo quyết định được hưởng gửi Phòng/Tổ quản lý thu điều chỉnh theo quy định.

+ Đối với người hưởng trợ cấp thất nghiệp: ghi mức tiền hưởng trợ cấp thất nghiệp.

+ Đối với người hưởng chế độ thai sản: ghi tiền lương tháng liền kề trước khi nghỉ thai sản.

+ Đối với người tham gia BHYT được ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần mức đóng: ghi số tiền do người tham gia đóng bao gồm cả số tiền do tổ chức, cá nhân hỗ trợ (nếu có).

Ví dụ: Ông Nguyễn Văn A thuộc hộ cận nghèo tham gia BHYT từ ngày 01/01/2017 với thời gian 6 tháng. Ngân sách nhà nước hỗ trợ 70%, giả sử ngân sách địa phương hỗ trợ thêm 10%, lương cơ sở là 1.300.000 đồng thì số tiền ghi tại cột 8 là 70.200 đồng ($=1.300.000 \text{ đồng} \times 4,5\% \times 6 \text{ tháng} \times 20\%$).

+ Đối với người tham gia BHYT theo hộ gia đình: ghi số tiền do người tham gia đóng bao gồm cả số tiền do tổ chức, cá nhân hỗ trợ (nếu có) theo thứ tự giảm dần mức đóng.

Ví dụ: Gia đình ông Nguyễn Văn B, bà C (vợ ông B), anh D (con ông B) tham gia BHYT từ ngày 01/01/2017 với thời gian 12 tháng, lương cơ sở là 1.300.000 đồng thì số tiền ghi tại cột 8 như sau:

Ông B là: 702.000 đồng ($=1.300.000 \text{ đồng} \times 4,5\% \times 12 \text{ tháng}$).

Bà C là: 491.400 đồng ($=1.300.000 \text{ đồng} \times 4,5\% \times 12 \text{ tháng} \times 70\%$).

Anh D là: 421.200 đồng ($=1.300.000 \text{ đồng} \times 4,5\% \times 12 \text{ tháng} \times 60\%$).

- Cột 10: ghi tỷ lệ % ngân sách địa phương hỗ trợ thêm ngoài hỗ trợ theo quy định tại phần thông tin chung.

- Cột 11: ghi hỗ trợ khác của các tổ chức, cá nhân:

+ Trường hợp hỗ trợ theo tỷ lệ lương cơ sở thì ghi %.

+ Trường hợp hỗ trợ bằng tiền thì ghi mức tiền hỗ trợ.

- Cột 12: ghi tháng năm bắt đầu tham gia.

- Cột 13: ghi số tháng thẻ BHYT có giá trị sử dụng (chỉ áp dụng đối với người tham gia theo hộ gia đình và người tham gia BHYT được ngân sách nhà nước hoặc tổ chức, cá nhân hỗ trợ một phần mức đóng).

- Cột 14: Ghi mã số nhân viên thu (chỉ áp dụng đối với tổ chức dịch vụ thu BHXH tự nguyện, BHYT).

- Cột 15: Ghi chú

+ Ghi họ và tên cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ đối với trẻ em dưới 6 tuổi.

+ Ghi các nội dung bổ sung.

* Chỉ tiêu theo hàng ngang:

- Tăng:

+ Ghi thứ tự tăng người tham gia BHYT.

+ Ghi thứ tự tăng tiền lương.

- Giảm:

+ Ghi thứ tự giảm người tham gia BHYT.

+ Ghi thứ tự giảm tiền lương.

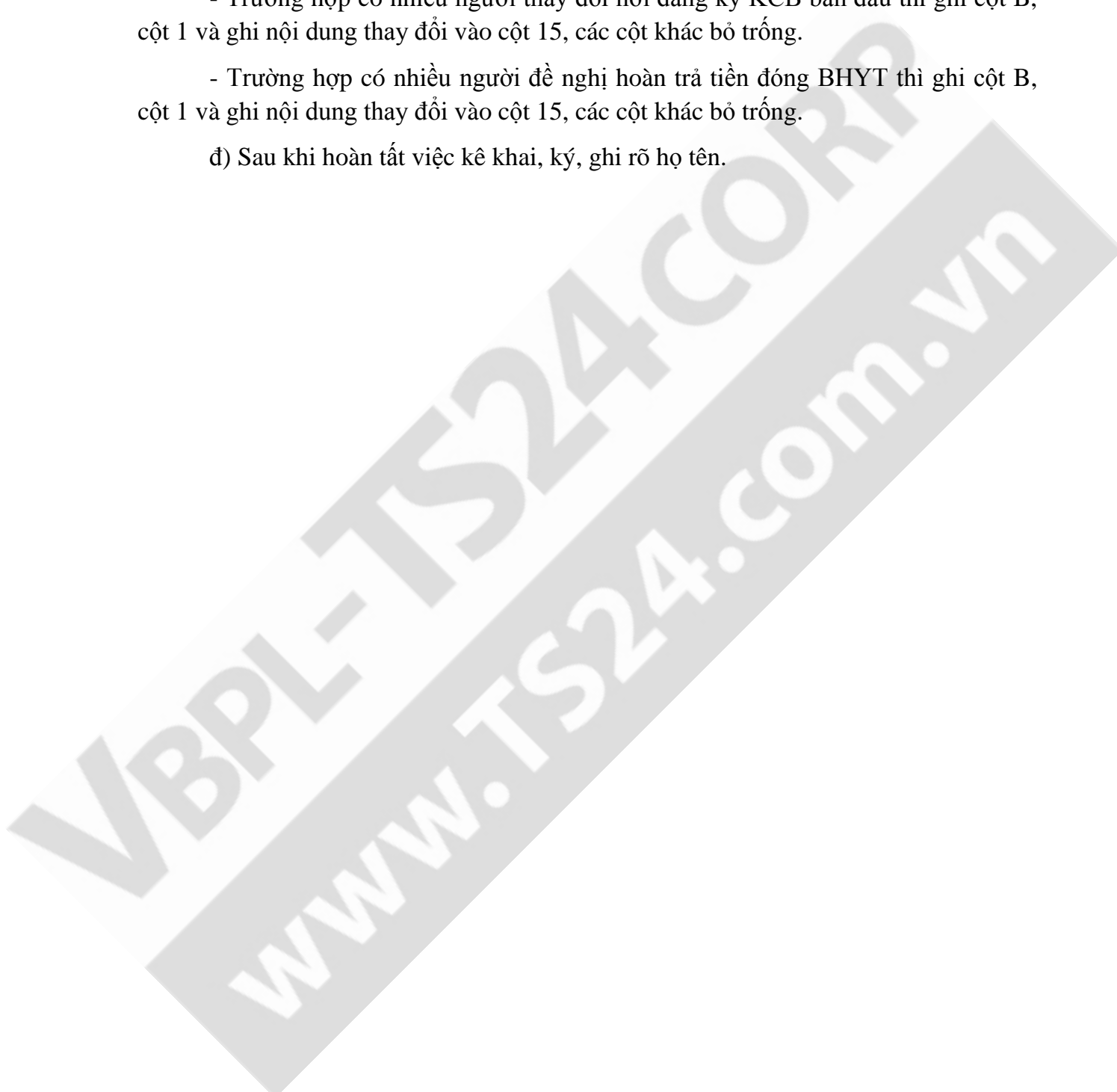
- Ghi tổng số thẻ BHYT đề nghị cơ quan BHXH cấp.

Lưu ý:

- Trường hợp có nhiều người thay đổi nơi đăng ký KCB ban đầu thì ghi cột B, cột 1 và ghi nội dung thay đổi vào cột 15, các cột khác bỏ trống.

- Trường hợp có nhiều người đề nghị hoàn trả tiền đóng BHYT thì ghi cột B, cột 1 và ghi nội dung thay đổi vào cột 15, các cột khác bỏ trống.

đ) Sau khi hoàn tất việc kê khai, ký, ghi rõ họ tên.



Tên đơn vị/Điểm thu:
Mã đơn vị/Điểm thu:MS thuế:
Địa chỉ:
Điện thoại: Email:

Mẫu D05-TS
(Ban hành kèm theo QĐ: 490/QĐ-BHXH ngày
28/03/2023 của BHXH Việt Nam)

DANH SÁCH NGƯỜI THAM GIA BẢO HIỂM XÃ HỘI TỰ NGUYỆN

STT	Họ và tên	Mã số BHXH	Số CCCD/ CNTND/ ĐDCN/hộ chiếu	Địa chỉ	Ngày biên lai	Số biên lai	Mức thu nhập tháng đóng BHXH	Phương thức đóng		Số tiền đóng								Mã số nhân viên thu	Ghi chú
								Số tháng đóng	Từ tháng/ năm	Số tiền phải đóng theo quy định	Trong đó								
											Người tham gia đóng	Hỗ trợ							
												NSNN hỗ trợ theo quy định		NSĐP hỗ trợ thêm		Hỗ trợ khác			
											Tỷ lệ % được hỗ trợ	Số tiền	Tỷ lệ % được hỗ trợ	Số tiền	Tỷ lệ % được hỗ trợ	Số tiền			
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
I	Tăng																		
I.1	Người lao động																		
I.2	Mức thu nhập tháng																		
	Cộng tăng																		
II	Giảm																		
I.1	Người lao động																		
I.2	Mức thu nhập tháng																		
	Cộng giảm																		

Tổng số sổ BHXH đề nghị cấp:
- Ghi chú: Cột 16 chỉ áp dụng đối với tổ chức dịch vụ thu BHXH tự nguyện BHYT

....., ngàytháng.....năm.....
Tổ chức dịch vụ thu
(ký, ghi rõ họ tên)



HƯỚNG DẪN LẬP

Danh sách người tham gia BHXH tự nguyện (Mẫu D05-TS)

a) Mục đích: để tổ chức dịch vụ thu hoặc cơ quan BHXH kê khai người tham gia BHXH tự nguyện tăng mới, đóng tiếp, đóng lại, điều chỉnh mức đóng ...

b) Trách nhiệm lập: tổ chức dịch vụ thu, Phòng/Tổ Quản lý thu (đối với người tham gia đăng ký trực tiếp tại cơ quan BHXH).

c) Thời gian lập: khi có phát sinh.

d) Căn cứ lập: Mẫu TK1-TS.

đ) Phương pháp lập:

- Phần thông tin chung
- + Tên đơn vị: ghi đầy đủ tên tổ chức dịch vụ thu.
- Mã đại lý: ghi mã đại lý do cơ quan BHXH cấp.
- Mã số thuế: ghi mã số thuế do cơ quan thuế cấp.
- Địa chỉ: ghi địa chỉ nơi đóng trụ sở của tổ chức dịch vụ thu.
- Điện thoại: ghi số điện thoại của tổ chức dịch vụ thu.
- Email: ghi tên email của tổ chức dịch vụ thu.
- Cột A: ghi số thứ tự từ nhỏ đến lớn theo từng mục tăng, giảm.
- Cột B: ghi họ, tên người tham gia BHXH tự nguyện và ghi vào từng mục tăng, giảm.
- Cột C: ghi đầy đủ mã số BHXH của từng người tham gia.
- Cột 1: ghi số căn cước công dân/chứng minh nhân dân/định danh cá nhân của người tham gia được cơ quan có thẩm quyền cấp
- Cột 2: trường hợp tham gia mới ghi cụ thể, đầy đủ địa chỉ nơi đang sinh sống (*số nhà, đường/phố, thôn/xóm; xã/phường/thị trấn; huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh; tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương*) để cơ quan BHXH trả hồ sơ, sổ BHXH, thẻ BHYT hoặc kết quả giải quyết thủ tục hành chính khác.
- Cột 3: ghi ngày biên lai thu tiền
- Cột 4: ghi số biên lai thu tiền
- Cột 5: ghi mức thu nhập tháng làm căn cứ đóng BHXH tự nguyện theo Mẫu TK1-TS.
- Cột 6: ghi số tháng đóng mới, đóng tiếp, đóng bù hoặc điều chỉnh mức tiền đóng BHXH tự nguyện.
- Cột 7: ghi đóng BHXH từ tháng năm.

- Cột 8: ghi số tiền đóng BHXH tự nguyện phải đóng theo quy định = cột 4 x cột 5 x 22%

- Cột 9: ghi số tiền phải đóng BHXH tự nguyện của người tham gia BHXH tự nguyện = cột 7 - cột 10 - cột 12 - cột 14.

- Cột 10: ghi tỷ lệ ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng theo quy định (thuộc hộ nghèo: 30%, thuộc cận nghèo 20%, còn lại 10%).

- Cột 11: ghi số tiền ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng theo quy định = cột 9 x mức chuẩn nghèo nông thôn x 22%).

- Cột 12: ghi tỷ lệ % ngân sách địa phương hỗ trợ thêm (trường hợp địa phương hỗ trợ theo mức tiền cụ thể thì để trống).

- Cột 13: ghi số tiền ngân sách địa phương hỗ trợ thêm = cột 11 x mức chuẩn nghèo nông thôn x 22%, trường hợp địa phương hỗ trợ theo mức tiền cụ thể thì ghi mức tiền hỗ trợ.

- Cột 14: ghi tỷ lệ hỗ trợ thêm khác của các tổ chức, cá nhân (trường hợp các tổ chức, cá nhân hỗ trợ theo mức tiền cụ thể thì để trống).

- Cột 15: ghi số tiền hỗ trợ thêm khác = cột 13 x mức chuẩn nghèo nông thôn x 22%, trường hợp các tổ chức, cá nhân hỗ trợ theo mức tiền cụ thể thì ghi mức tiền hỗ trợ.

- Cột 16: ghi mã số nhân viên thu (chỉ áp dụng đối với tổ chức dịch vụ thu BHXH tự nguyện, BHYT)

- Cột 17: ghi cụ thể đối tượng tăng do: đóng mới, đóng tiếp, đóng lại tương ứng các dòng.

e) Ghi số lượng sổ đề nghị cấp (áp dụng đối với trường hợp chưa có sổ BHXH)

g) Sau khi hoàn tất việc kê khai tổ chức dịch vụ thu, Phòng/Tổ Quản lý thu ký, ghi rõ họ tên.

BỘ PHẬN

Mẫu C69a-HD
(Ban hành kèm theo Quyết định số 490/QĐ-
BHXH ngày 28/3/2023 của BHXH Việt Nam)

Đợt Ngày (Tháng) năm

STT	Mã số BHXH	Tên đơn vị	Số dư kỳ trước chuyển sang										Phát sinh trong kỳ										Số dư cuối kỳ										Phân bổ đủ để hưởng chế độ, nghỉ việc	
			BHXH				BHTNLD, BNN		BHTN		BHYT		BHXH				BHTNLD, BNN		BHTN		BHYT		BHXH				BHTNLD, BNN		BHTN		BHYT			
			Số phải thu	Trong đó		Lãi chậm đóng	Số phải thu	Lãi chậm đóng	Số phải thu	Lãi chậm đóng	Số phải thu	Lãi chậm đóng	Số phải thu	Trong đó		Lãi chậm đóng	Số phải thu	Lãi chậm đóng	Số phải thu	Lãi chậm đóng	Số phải thu	<i>Trong đó: truy thu năm trước</i>	Lãi chậm đóng	Số phải thu	Trong đó		Lãi chậm đóng	Số phải thu	Lãi chậm đóng	Số phải thu	Lãi chậm đóng	Số phải thu		Lãi chậm đóng
Ôm đầu, thai sản	Hưu trí, tử tuất	Ôm đầu, thai sản		Hưu trí, tử tuất	Ôm đầu, thai sản									Hưu trí, tử tuất																				
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32
I		Đơn vị, tham gia đóng BHXH, BHYT																																
1		Công ty X																																
1		Nguyễn Văn A																																
2		Trần Văn B																																
3		Đinh Thị C																																
																																
II		Người lao động chỉ đóng BHXH bắt buộc																																
III		Đối tượng chỉ tham gia BHYT																																
1		Quỹ BHXH, BHTN đóng																																
a		Hưu trí, MSLĐ																																
...																																	
2		NSNN đóng																																
a		Đối tượng ...																																
		...																																
...		Đối tượng ...																																
3		NSNN hỗ trợ đóng																																
3.1		Ngân sách TW																																
a		Đối tượng																																
		Nguyễn Thị A																																
		- Người tham gia đóng																																
		- NSNN hỗ trợ theo quy định																																
		- NSNN hỗ trợ thêm																																
		- Hỗ trợ khác																																
																																	
		Đối tượng																																
																																	
3.2		Ngân sách ĐP																																
a		Đối tượng																																
		Nguyễn Thị B																																
		- Người tham gia đóng																																
		- NSNN hỗ trợ theo quy định																																
		- NSNN hỗ trợ thêm																																

STT	Mã số BHXH	Tên đơn vị	Số dư kỳ trước chuyển sang										Phát sinh trong kỳ										Số dư cuối kỳ										Phân bổ đủ để hưởng chế độ, nghỉ việc		
			BHXH				BHTNLD, BNN		BHTN		BHYT		BHXH				BHTNLD, BNN		BHTN		BHYT				BHXH				BHTNLD, BNN		BHTN			BHYT	
			Số phải thu	Trong đó		Lãi chậm đóng	Số phải thu	Lãi chậm đóng	Số phải thu	Lãi chậm đóng	Số phải thu	Lãi chậm đóng	Số phải thu	Lãi chậm đóng	Số phải thu	Lãi chậm đóng	Số phải thu	Lãi chậm đóng	Số phải thu	Lãi chậm đóng	Số phải thu	<i>Trong đó: truy thu năm trước</i>	Lãi chậm đóng	Số phải thu	Trong đó		Lãi chậm đóng	Số phải thu	Lãi chậm đóng	Số phải thu	Lãi chậm đóng	Số phải thu		Lãi chậm đóng	
				Ôm đau, thai sản	Hưu trí, từ tuất																				Ôm đau, thai sản	Hưu trí, từ tuất									Ôm đau, thai sản
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	
		Nguyễn Thị C																																	
		- Người tham gia đóng																																	
		- NSNN hỗ trợ theo quy định																																	
		- NSNN hỗ trợ thêm																																	
		- Hỗ trợ khác																																	
		...																																	
		Cộng																																	

Tổng số tiền:đồng; (viết bằng chữ)
- Phải thu BHXH: đồng; phải thu lãi chậm đóng BHXH: đồng;
- Phải thu BHTNLD, BNN: đồng; phải thu lãi chậm đóng BHTNLD, BNN: đồng;
- Phải thu BHTN: đồng; phải thu lãi chậm đóng BHTN: đồng;
- Phải thu BHYT: đồng; phải thu lãi chậm đóng BHYT: đồng;



[illegible]

STT	Tên đơn vị	Mã số	Số người				Số dư kỳ trước chuyển sang										Phát sinh trong kỳ										Số dư cuối kỳ										
			BHXH	BHTNLĐ, BNN	BHTN	BHYT	BHXH			BHTNLĐ, BNN		BHTN		BHYT		BHXH				BHTNLĐ, BNN		BHTN		BHYT		BHXH				BHTNLĐ, BNN		BHTN		BHYT			
							Số phải thu	Trong đó		Lãi chậm đóng	Số phải thu	Lãi chậm đóng	Số phải thu	Lãi chậm đóng	Số phải thu	Lãi chậm đóng	Số phải thu	Lãi chậm đóng	Số phải thu	Trong đó: truy thu năm trước	Lãi chậm đóng	Số phải thu	Trong đó		Lãi chậm đóng	Số phải thu	Lãi chậm đóng	Số phải thu	Lãi chậm đóng	Số phải thu	Lãi chậm đóng	Số phải thu	Lãi chậm đóng				
								Ôm đầu, thai sản	Hưu trí, tử tuất														Ôm đầu, thai sản	Hưu trí, tử tuất										Ôm đầu, thai sản	Hưu trí, tử tuất		
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35
2																																				
2	Chức sắc, tu hành																																				
1	Đơn vị A																																				
	- Người tham gia đóng																																				
	- NSNN hỗ trợ theo quy định																																				
	- NSNN hỗ trợ thêm																																				
	- Hỗ trợ khác																																				
2																																				
V. Nhóm do người sử dụng lao động đóng																																					
	Thân nhân của công nhân, viên chức quốc phòng																																				
	Thân nhân của công nhân công an đang phục vụ trong Công an nhân dân																																				
	Thân nhân của người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu																																				
C. Tham gia BHXH tự nguyện																																					
1	Điểm thu A																																				
	- Người tham gia đóng																																				
	- NSNN hỗ trợ theo quy định																																				
	- NSNN hỗ trợ thêm																																				
	- Hỗ trợ khác																																				
2																																				
D. NSNN đóng BHTN																																					
1	Đơn vị A																																				
2	...																																				
Cộng (A+B+C+D):																																					

...,Ngày tháng năm

Giám đốc BHXH huyện/ TP Quản lý Thu - SỔ, Thẻ

(Ký, ghi rõ họ tên)

VBPL-TS24CORP
www.TS24.com.vn

STT	Tên đơn vị	Mã khối thống kê	Số đơn vị	Số người				Số dư kỳ trước chuyển sang								Phát sinh trong kỳ								Số dư cuối kỳ														
				BHXH	BHTNLD, BNN	BHTN	BHYT	BHXH			BHTNLD, BNN		BHTN		BHYT		BHXH			BHTNLD, BNN		BHTN		BHYT		BHXH			BHTNLD, BNN		BHTN		BHYT					
								Số phải thu	Trong đó		Lãi chậm đóng	Số phải thu	Lãi chậm đóng	Số phải thu	Lãi chậm đóng	Số phải thu	Lãi chậm đóng	Số phải thu	Lãi chậm đóng	Số phải thu	Trong đó: truy thu năm trước	Lãi chậm đóng	Số phải thu	Trong đó		Lãi chậm đóng	Số phải thu	Lãi chậm đóng	Số phải thu	Lãi chậm đóng	Số phải thu	Lãi chậm đóng						
									Ôm đầu, thai sản	Hưu trí, tử tuất														Ôm đầu, thai sản	Hưu trí, tử tuất								Ôm đầu, thai sản	Hưu trí, tử tuất				
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36
8	Thân nhân sĩ quan quân đội																																					
9	Đối tượng nghèo																																					
10	Người từ 80 tuổi hưởng trợ cấp tuất hàng tháng																																					
11	Thân nhân sĩ quan nghiệp vụ công an																																					
12	Thân nhân người làm công tác cơ yếu																																					
13	Trẻ em dưới 6 tuổi																																					
14	Thân nhân người có công																																					
15	Người phục vụ người có công																																					
16	Tham gia kháng chiến																																					
17	Người đã hiến bộ phận cơ thể																																					
18	Người làm công tác cơ yếu																																					
19	Người dân tộc thiểu số sống vùng KK, ĐBKK																																					
20	Người sống tại vùng đặc biệt khó khăn																																					
21	Người sống tại xã đảo, huyện đảo																																					
22	Người được phong tặng danh hiệu nghệ nhân, nghệ nhân ưu tú thuộc HGD có mức																																					
23	Vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc vợ khác đang hưởng trợ cấp hằng tháng																																					
	Đối tượng khác																																					
III. NSNN hỗ trợ đóng																																						
1	Đối tượng cận nghèo																																					
1.1	Cận nghèo NSNN hỗ trợ 100%																																					
1.2	Cận nghèo NSNN hỗ trợ một phần																																					
	BHXH huyện A																																					
	- Người tham gia đóng																																					
	- NSNN hỗ trợ theo quy định																																					
	- NSNN hỗ trợ thêm																																					
	- Hỗ trợ khác																																					
																																					
2	Hộ nghèo đa chiều																																					
	- Người tham gia đóng																																					
	- NSNN hỗ trợ theo quy định																																					
	- NSNN hỗ trợ thêm																																					
	- Hỗ trợ khác																																					
3	Học sinh sinh viên																																					
3.1	Học sinh sinh viên NSTW																																					
	- Người tham gia đóng																																					
	- NSNN hỗ trợ theo quy định																																					
	- NSNN hỗ trợ thêm																																					
	- Hỗ trợ khác																																					
3.2	Học sinh sinh viên NS địa phương																																					
	- Người tham gia đóng																																					
	- NSNN hỗ trợ theo quy định																																					
	- NSNN hỗ trợ thêm																																					
	- Hỗ trợ khác																																					
4	Hộ gia đình làm nông lâm ngư diêm nghiệp																																					
	- Người tham gia đóng																																					
	- NSNN hỗ trợ theo quy định																																					
	- NSNN hỗ trợ thêm																																					
	- Hỗ trợ khác																																					
IV. Nhóm tham gia BHYT theo Hộ gia đình																																						
1	Hộ gia đình																																					
	- Người tham gia đóng																																					
	- NSNN hỗ trợ theo quy định																																					
	- NSNN hỗ trợ thêm																																					
	- Hỗ trợ khác																																					
2	Chức sắc, tu hành																																					

STT	Tên đơn vị	Mã khối thống kê	Số đơn vị	Số người				Số dư kỳ trước chuyển sang								Phát sinh trong kỳ										Số dư cuối kỳ												
				BHXH	BHTNLD, BNN	BHTN	BHYT	BHXH			BHTNLD, BNN		BHTN		BHYT		BHXH			BHTNLD, BNN		BHTN		BHYT		BHXH			BHTNLD, BNN		BHTN		BHYT					
								Số phải thu	Trong đó		Số phải thu	Lãi chậm đóng	Số phải thu	Lãi chậm đóng	Số phải thu	Lãi chậm đóng	Số phải thu	Trong đó		Lãi chậm đóng	Số phải thu	Lãi chậm đóng	Số phải thu	Lãi chậm đóng	Số phải thu	Trong đó: truy thu năm trước	Lãi chậm đóng	Số phải thu	Trong đó		Lãi chậm đóng	Số phải thu	Lãi chậm đóng	Số phải thu	Lãi chậm đóng			
									Ôm đầu, thai sản	Hưu trí, tử tuất								Ôm đầu, thai sản	Hưu trí, tử tuất										Ôm đầu, thai sản	Hưu trí, tử tuất								
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36
	- Người tham gia đóng																																					
	- NSNN hỗ trợ theo quy định																																					
	- NSNN hỗ trợ thêm																																					
	- Hỗ trợ khác																																					
V. Nhóm đo người sử dụng lao động đóng																																						
	Thân nhân của công nhân, viên chức quốc phòng																																					
	Thân nhân của công nhân công an đang phục vụ trong Công an nhân dân																																					
	Thân nhân của người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu																																					
C. Tham gia BHXH tự nguyện																																						
	- Người tham gia đóng																																					
	- NSNN hỗ trợ theo quy định																																					
	- NSNN hỗ trợ thêm																																					
	- Hỗ trợ khác																																					
D. NSNN đóng BHTN																																						
	BHXH huyện A																																					
	...																																					
Tổng (A+B+C+D):																																						

..., Ngày tháng năm

Giám đốc BHXH tỉnh

(Ký, ghi rõ họ tên)

[illegible]

STT	Tên đơn vị	Mã khối thống kê	Số đơn vị	Số người				Số dư kỳ trước chuyển sang								Phát sinh trong kỳ										Số dư cuối kỳ												
				BHXH	BHTNLD, BNN	BHTN	BHYT	BHXH			BHTNLD, BNN		BHTN		BHYT		BHXH			BHTNLD, BNN		BHTN		BHYT		BHXH			BHTNLD, BNN		BHTN		BHYT					
								Số phải thu	Trong đó		Lãi chậm đóng	Số phải thu	Lãi chậm đóng	Số phải thu	Lãi chậm đóng	Số phải thu	Lãi chậm đóng	Số phải thu	Trong đó		Lãi chậm đóng	Số phải thu	Lãi chậm đóng	Số phải thu	Lãi chậm đóng	Số phải thu	Trong đó: truy thu năm trước	Lãi chậm đóng	Số phải thu	Trong đó		Lãi chậm đóng	Số phải thu	Lãi chậm đóng	Số phải thu	Lãi chậm đóng		
									Ôm đầu, thai sản	Hưu trí, tử tuất									Ôm đầu, thai sản	Hưu trí, tử tuất										Ôm đầu, thai sản	Hưu trí, tử tuất						Ôm đầu, thai sản	Hưu trí, tử tuất
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36
2	Chức sắc, tu hành																																					
	- Người tham gia đóng																																					
	- NSNN hỗ trợ theo quy định																																					
	- NSNN hỗ trợ thêm																																					
	- Hỗ trợ khác																																					
V. Nhóm đo người sử dụng lao động đóng																																						
	Thân nhân của công nhân, viên chức quốc phòng																																					
	Thân nhân của công nhân công an đang phục vụ trong Công an nhân dân																																					
	Thân nhân của người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu																																					
C. Tham gia BHXH tự nguyện																																						
	- Người tham gia đóng																																					
	- NSNN hỗ trợ theo quy định																																					
	- NSNN hỗ trợ thêm																																					
	- Hỗ trợ khác																																					
D. NSNN đóng BHTN																																						
	BHXH tỉnh A																																					
	...																																					
Cộng (A+B+C+D):																																						

...., Ngày tháng năm
Tổng Giám đốc/Trưởng ban Quản lý Thu - Sở, Thẻ
(Ký, ghi rõ họ tên)

HƯỚNG DẪN LẬP

Báo cáo tổng hợp số phải thu BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN (Mẫu C69a-HD)

1. Mục đích: tổng hợp số phải thu BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN của từng người tham gia.

2. Trách nhiệm lập: BHXH tỉnh/huyện.

3. Thời gian lập: Hằng ngày, tháng

4. Căn cứ lập: Mẫu C83a-HD kỳ trước, Mẫu D02-LT, D03-TS, D05-TS và cơ sở dữ liệu

5. Phương pháp lập:

a) Hằng ngày

- Chỉ tiêu theo cột

+ Cột A: ghi số thứ tự

+ Cột B: ghi mã số BHXH của từng người tham gia.

+ Cột C: ghi họ tên của từng người tham gia.

+ Từ cột số 1 đến cột 10: ghi số dư thiếu kỳ trước chuyển sang (căn cứ các chỉ tiêu tương ứng từ cột 16 đến cột 25 Mẫu C83a-HD kỳ trước)

+ Từ cột số 11 đến cột 21: ghi số phát sinh trong kỳ (căn cứ Mẫu D02-LT, D03-TS, D05-TS) và từ cơ sở dữ liệu

+ Từ cột số 22 đến cột 31: ghi tổng cộng dư cuối kỳ = số dư thiếu kỳ trước chuyển sang + số phát sinh trong kỳ các chỉ tiêu tương ứng

+ Cột 32: đánh dấu x đối với những người ngừng tham gia hoặc hưởng chế độ BHXH, BHTN, BHTNLĐ, BNN để phân đủ số tiền phải đóng.

- Chỉ tiêu theo dòng:

+ Ghi đầy đủ số liệu tương ứng theo chỉ tiêu dòng đến thời điểm chốt số liệu.

+ Đối tượng tham gia BHXH tự nguyện, tham gia BHYT được NSNN hỗ trợ, Hộ gia đình hạch toán chi tiết từng nguồn đối tượng đóng, NSNN hỗ trợ, ...

b) Hằng tháng: Tổng hợp từ mẫu C69a-HD các ngày trong tháng

HƯỚNG DẪN LẬP

Báo cáo tổng hợp số phải thu BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN (Mẫu C69b-HD)

1. Mục đích: tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện số người tham gia; số phải thu BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN của BHXH huyện chi tiết theo từng mã đơn vị để phân tích, tổng hợp số liệu theo quý, năm và là cơ sở để quyết toán số liệu thu BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN.

2. Trách nhiệm lập: BHXH tỉnh/huyện

3. Thời gian lập: Hằng ngày, tháng, quý, năm.

4. Căn cứ lập:

- Tổng hợp từ Mẫu C69a-HD vào các chỉ tiêu tương ứng và dữ liệu quản lý trên hệ thống phần mềm nghiệp vụ.

- Tổng hợp tháng: tổng hợp số liệu từ Mẫu C69b-HD các ngày trong tháng.

- Tổng hợp quý: tổng hợp số liệu từ Mẫu C69b-HD các tháng trong quý.

- Tổng hợp năm: tổng hợp số liệu từ Mẫu C69b-HD các quý trong năm.

e) Phương pháp lập:

- Chỉ tiêu theo cột

+ Cột A: ghi số thứ tự

+ Cột B: ghi tên khối loại hình, tên đơn vị.

+ Cột C: ghi mã đơn vị ; đối với các chỉ tiêu khối loại hình ghi tổng số đơn vị

+ Cột 1, 2, 3, 4: ghi tổng số người tham gia, cụ thể:

* Đối tượng cùng tham gia BHXH, BHTN, BHTNLĐ-BNN bao gồm số người đang tham gia + số người đang nghỉ hưởng chế độ TS tại tháng cuối kỳ báo cáo;

* Đối tượng tham gia BHXH tự nguyện bao gồm số người đang tham gia + số người trong phương thức đóng nhưng chưa đóng tiền;

+ Từ cột số 5 đến cột 35: ghi tổng hợp số liệu chi tiết theo từng mã đơn vị; đối với dòng khối loại hình tổng hợp số liệu từ các đơn vị cùng khối.

- Chỉ tiêu theo dòng:

+ Ghi đầy đủ số liệu tương ứng theo chỉ tiêu dòng đến thời điểm chốt số liệu.

+ Đối tượng tham gia BHXH tự nguyện, tham gia BHYT được NSNN hỗ trợ, Hộ gia đình hạch toán chi tiết từng nguồn đối tượng đóng, NSNN hỗ trợ, ...

HƯỚNG DẪN LẬP

Báo cáo tổng hợp số phải thu BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN (Mẫu C69c-HD)

1. Mục đích: tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện số người tham gia; số phải thu BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN của BHXH huyện chi tiết theo từng mã đơn vị để phân tích, tổng hợp số liệu theo quý, năm và là cơ sở để quyết toán số liệu thu BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN.

2. Trách nhiệm lập: BHXH tỉnh

3. Thời gian lập: Hằng ngày, tháng, quý, năm.

4. Căn cứ lập:

- Tổng hợp từ Mẫu C69b-HD của từng cơ quan BHXH huyện vào các chỉ tiêu tương ứng và dữ liệu quản lý trên hệ thống phần mềm nghiệp vụ.

- Tổng hợp quý: tổng hợp số liệu từ Mẫu C69c-HD các ngày trong tháng.

- Tổng hợp quý: tổng hợp số liệu từ Mẫu C69c-HD các tháng trong quý.

- Tổng hợp năm: tổng hợp số liệu từ Mẫu C69c-HD các quý trong năm.

5. Phương pháp lập:

- Chỉ tiêu theo cột

+ Cột A: ghi số thứ tự

+ Cột B: ghi tên khối loại hình, tên đơn vị.

+ Cột C: ghi mã cơ quan BHXH; đối với các chỉ tiêu khối loại hình ghi mã khối thống kê

+ Cột 1: ghi số đơn vị

2, 3, 4, 5: ghi tổng số người tham gia, cụ thể:

* Đối tượng cùng tham gia BHXH, BHTN, BHTNLĐ-BNN bao gồm số người đang tham gia + số người đang nghỉ hưởng chế độ TS tại tháng cuối kỳ báo cáo;

* Đối tượng tham gia BHXH tự nguyện bao gồm số người đang tham gia + số người trong phương thức đóng nhưng chưa đóng tiền;

+ Từ cột số 6 đến cột 36: ghi tổng hợp số liệu chi tiết theo từng mã đơn vị; đối với dòng khối loại hình tổng hợp số liệu từ các đơn vị cùng khối.

- Chỉ tiêu theo dòng:

+ Ghi đầy đủ số liệu tương ứng theo chỉ tiêu dòng đến thời điểm chốt số liệu.

+ Đối tượng tham gia BHXH tự nguyện, tham gia BHYT được NSNN hỗ trợ, Hộ gia đình hạch toán chi tiết từng nguồn đối tượng đóng, NSNN hỗ trợ, ...

HƯỚNG DẪN LẬP

Báo cáo tổng hợp số phải thu BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN (Mẫu C69d-HD)

1. Mục đích: tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện số người tham gia; số phải thu BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN của BHXH huyện chi tiết theo từng mã đơn vị để phân tích, tổng hợp số liệu theo quý, năm và là cơ sở để quyết toán số liệu thu BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN.

2. Trách nhiệm lập: BHXH tỉnh

3. Thời gian lập: Hằng ngày, tháng, quý, năm.

4. Căn cứ lập:

- Tổng hợp từ Mẫu C69c-HD của từng cơ quan BHXH tỉnh vào các chỉ tiêu tương ứng và dữ liệu quản lý trên hệ thống phần mềm nghiệp vụ.

- Tổng hợp tháng: tổng hợp số liệu từ Mẫu C69d-HD các ngày trong tháng.

- Tổng hợp quý: tổng hợp số liệu từ Mẫu C69d-HD các tháng trong quý.

- Tổng hợp năm: tổng hợp số liệu từ Mẫu C69d-HD các quý trong năm.

5. Phương pháp lập:

- Chỉ tiêu theo cột

+ Cột A: ghi số thứ tự

+ Cột B: ghi tên khối loại hình, tên đơn vị.

+ Cột C: ghi mã cơ quan BHXH; đối với các chỉ tiêu khối loại hình ghi mã khối thống kê

+ Cột 1: ghi số đơn vị

2, 3, 4, 5: ghi tổng số người tham gia, cụ thể:

* Đối tượng cùng tham gia BHXH, BHTN, BHTNLĐ-BNN bao gồm số người đang tham gia + số người đang nghỉ hưởng chế độ TS tại tháng cuối kỳ báo cáo;

* Đối tượng tham gia BHXH tự nguyện bao gồm số người đang tham gia + số người trong phương thức đóng nhưng chưa đóng tiền;

+ Từ cột số 6 đến cột 36: ghi tổng hợp số liệu chi tiết theo từng mã đơn vị; đối với dòng khối loại hình tổng hợp số liệu từ các đơn vị cùng khối.

- Chỉ tiêu theo dòng:

+ Ghi đầy đủ số liệu tương ứng theo chỉ tiêu dòng đến thời điểm chốt số liệu.

+ Đối tượng tham gia BHXH tự nguyện, tham gia BHYT được NSNN hỗ trợ, Hộ gia đình hạch toán chi tiết từng nguồn đối tượng đóng, NSNN hỗ trợ, ...

BỘ PHẬN

(Ban hành kèm theo Quyết định số
490/BHXH-TST ngày 28/3/2023 của BHXH
Việt Nam)

Đợt ... Ngày (Tháng) năm

[illegible]

		- Hỗ trợ khác																										
																											
5		Nhóm do người sử dụng lao động đóng																										
IV		Đối tượng tham gia BHXH tự nguyện																										
		Nguyễn Thị C																										
		- Người tham gia đóng																										
		- NSNN hỗ trợ theo quy định																										
		- NSNN hỗ trợ thêm																										
		- Hỗ trợ khác																										
		...																										
		Cộng																										

Tổng số tiền:đồng; (viết bằng chữ)

- Đã thu BHXH: đồng; đã thu lãi chậm đóng BHXH: đồng;

- Đã thu BHTNLD, BNN: đồng; đã thu lãi chậm đóng BHTNLD, BNN: đồng;

- Đã thu BHTN: đồng; đã thu lãi chậm đóng BHTN: đồng;

- Đã thu BHYT: đồng; đã thu lãi chậm đóng BHYT: đồng;



TỔNG HỢP PHÂN BỐ SỐ TIỀN ĐÃ THU VÀO QUỸ BẢO HIỂM XÃ HỘI, BẢO HIỂM Y TẾ, BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP

Ngày ... (Tháng, Quý, Năm)..... năm

Đơn vị tính: đồng

[illegible]

[illegible]

[illegible]

STT	Tên đơn vị	Mã số	Thừa chưa phân bổ kỳ trước chuyển sang	Số tiền đã thu trong kỳ	Phân bổ tiền đóng đã thu trong kỳ												Số dư chuyển kỳ sau											
																	Thiếu chuyển kỳ sau											
					BHXH				BHTNLD, BNN		BHTN		BHYT				BHXH			BHTNLD, BNN		BHTN		BHYT				
					Số phải thu	Trong đó		Lãi chậm đóng	Số phải thu	Lãi chậm đóng	Số phải thu	Lãi chậm đóng	Số phải thu	Trong đó			Lãi chậm đóng	Số phải thu	Trong đó		Lãi chậm đóng	Số phải thu	Lãi chậm đóng	Số phải thu	Lãi chậm đóng	Số phải thu	Lãi chậm đóng	
						Ôm đau, thai sản	Hưu trí, tử tuất							Năm trước	Năm nay	Năm sau			Ôm đau, thai sản	Hưu trí, tử tuất								
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26
Cộng (A+B+C+D):																												

..., Ngày tháng năm

Giám đốc BHXH huyện/ TP Quản lý Thu - Sổ, Thẻ

(Ký, ghi rõ họ tên)



BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM
BẢO HIỂM XÃ HỘI ...

Mẫu C83c-HD
(Ban hành kèm theo Quyết định số
490/BHXH-TST ngày 28/3/2023 của BHXH
Việt Nam)

TỔNG HỢP PHÂN BỐ SỔ TIỀN ĐÃ THU VÀO QUỸ BẢO HIỂM XÃ HỘI, BẢO HIỂM Y TẾ, BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP
Ngày ... (Tháng, Quý, Năm)..... năm

Đơn vị tính: đồng

[illegible]

STT	Tên đơn vị	Mã khối thống kê	Thu nhập chưa phân bổ kỳ trước chuyển sang	Số tiền đã thu trong kỳ	BHXH			BHTNLĐ, BNN	BHTN		BHYT				BHXH			BHTNLĐ, BNN	BHTN		BHYT		Thu nhập chưa phân bổ chuyển kỳ sau					
					Số phải thu	Trong đó			Số phải thu	Lãi chậm đóng	Số phải thu	Lãi chậm đóng	Số phải thu	Trong đó		Số phải thu	Lãi chậm đóng		Số phải thu	Lãi chậm đóng	Số phải thu	Lãi chậm đóng						
						Ôm đau, thai sản	Hưu trí, tử tuất							Năm trước	Năm nay									Năm sau	Ôm đau, thai sản	Hưu trí, tử tuất		
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26
II. Ngân sách NN đóng																												
1	Đại biểu quốc hội, HĐND																											
2	Chắt độc hóa học																											
3	Lưu học sinh																											
4	Người có công																											
5	Bảo trợ xã hội																											
6	Cán bộ xã hưởng trợ cấp NSNN																											
7	Cựu chiến binh																											
8	Thân nhân sĩ quan quân đội																											
9	Đối tượng nghèo																											
10	Người từ 80 tuổi hưởng trợ cấp tuất hàng tháng																											
11	Thân nhân sĩ quan nghiệp vụ công an																											
12	Thân nhân người làm công tác cơ yếu																											
13	Trẻ em dưới 6 tuổi																											
14	Thân nhân người có công																											
15	Người phục vụ người có công																											
16	Tham gia kháng chiến																											
17	Người đã hiến bộ phận cơ thể																											
18	Người làm công tác cơ yếu																											
19	Người dân tộc thiểu số sống vùng KK, DBKK																											
20	Người sống tại vùng đặc biệt khó khăn																											
21	Người sống tại xã đảo, huyện đảo																											
22	Người được phong tặng danh hiệu nghệ nhân, nghệ nhân ưu tú thuộc HGD có mức thu nhập bình quân đầu người thân hơn mức lương CS																											
23	Vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc vợ khác đang hưởng trợ cấp hằng tháng																											
	Đối tượng khác																											
III. NSNN hỗ trợ đóng																												
1	Đối tượng cận nghèo																											
1.1	Cận nghèo NSNN hỗ trợ 100%																											
1.2	Cận nghèo NSNN hỗ trợ một phần																											
	BHXH huyện A																											
	- Người tham gia đóng																											
	- NSNN hỗ trợ theo quy định																											
	- NSNN hỗ trợ thêm																											
	- Hỗ trợ khác																											
																											
2	Hộ nghèo đa chiều																											
	- Người tham gia đóng																											
	- NSNN hỗ trợ theo quy định																											
	- NSNN hỗ trợ thêm																											
	- Hỗ trợ khác																											
3	Học sinh sinh viên																											
3.1	Học sinh sinh viên NSTW																											
	- Người tham gia đóng																											
	- NSNN hỗ trợ theo quy định																											
	- NSNN hỗ trợ thêm																											
	- Hỗ trợ khác																											
3.2	Học sinh sinh viên NS địa phương																											
	- Người tham gia đóng																											
	- NSNN hỗ trợ theo quy định																											
	- NSNN hỗ trợ thêm																											

STT	Tên đơn vị	Mã khối thống kê	Từa chừa phân bổ kỳ trước chuyển sang	Số tiền đã thu trong kỳ	BHXH				BHTNLĐ, BNN		BHTN		BHYT					BHXH				BHTNLĐ, BNN		BHTN		BHYT		Từa chừa phân bổ chuyển kỳ sau
					Số phải thu	Trong đó		Lãi chậm đóng	Số phải thu	Lãi chậm đóng	Số phải thu	Lãi chậm đóng	Số phải thu	Trong đó			Lãi chậm đóng	Số phải thu	Lãi chậm đóng	Số phải thu	Lãi chậm đóng	Số phải thu	Lãi chậm đóng					
						Ôm đau, thai sản	Hưu trí, tử tuất							Năm trước	Năm nay	Năm sau								Ôm đau, thai sản	Hưu trí, tử tuất			
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26
4	- Hỗ trợ khác																											
	Hộ gia đình làm nông lâm ngư diêm nghiệp																											
	- Người tham gia đóng																											
	- NSNN hỗ trợ theo quy định																											
	- NSNN hỗ trợ thêm																											
	- Hỗ trợ khác																											
IV. Nhóm tham gia BHYT theo Hộ gia đình																												
1	Hộ gia đình																											
	- Người tham gia đóng																											
	- NSNN hỗ trợ theo quy định																											
	- NSNN hỗ trợ thêm																											
	- Hỗ trợ khác																											
2	Chức sắc, tu hành																											
	- Người tham gia đóng																											
	- NSNN hỗ trợ theo quy định																											
	- NSNN hỗ trợ thêm																											
	- Hỗ trợ khác																											
V. Nhóm do người sử dụng lao động đóng																												
	Thân nhân của công nhân, viên chức quốc phòng																											
	Thân nhân của công nhân công an đang phục vụ trong Công an nhân dân																											
	Thân nhân của người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu																											
C. Tham gia BHXH tự nguyện																												
	- Người tham gia đóng																											
	- NSNN hỗ trợ theo quy định																											
	- NSNN hỗ trợ thêm																											
	- Hỗ trợ khác																											
D. NSNN đóng BHTN																												
	BHXH huyện A																											
	...																											
Cộng (A+B+C+D):																												

..., Ngày tháng năm

Giám đốc BHXH tỉnh

(Ký, ghi rõ họ tên)

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM

Mẫu C83d-HD
(Ban hành kèm theo Quyết định số
490/BHXH-TST ngày 28/3/2023 của BHXH
Việt Nam)

TỔNG HỢP PHÂN BỐ SỐ TIỀN ĐÃ THU VÀO QUỸ BẢO HIỂM XÃ HỘI, BẢO HIỂM Y TẾ, BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP

Ngày ... (Tháng, Quý, Năm)..... năm

Đơn vị tính: đồng

[illegible]

[illegible]

STT	Tên đơn vị	Mã khối thống kê	Chưa phân bổ kỳ trước chuyển sang	Số tiền đã thu trong kỳ	BHXH			BHTNLD, BNN		BHTN		BHYT				BHXH			BHTNLD, BNN		BHTN		BHYT		chưa phân bổ chuyển kỳ sau			
					Số phải thu	Trong đó		Lãi chậm đóng	Số phải thu	Lãi chậm đóng	Số phải thu	Lãi chậm đóng	Số phải thu	Trong đó			Lãi chậm đóng	Số phải thu	Lãi chậm đóng	Số phải thu	Lãi chậm đóng							
						Ôm đau, thai sản	Hưu trí, tử tuất							Năm trước	Năm nay	Năm sau						Ôm đau, thai sản	Hưu trí, tử tuất					
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26
3	Học sinh sinh viên																											
3.1	Học sinh sinh viên NSTW																											
	- Người tham gia đóng																											
	- NSNN hỗ trợ theo quy định																											
	- NSNN hỗ trợ thêm																											
	- Hỗ trợ khác																											
3.2	Học sinh sinh viên NS địa phương																											
	- Người tham gia đóng																											
	- NSNN hỗ trợ theo quy định																											
	- NSNN hỗ trợ thêm																											
	- Hỗ trợ khác																											
4	Hộ gia đình lâm nông lâm ngư diêm nghiệp																											
	- Người tham gia đóng																											
	- NSNN hỗ trợ theo quy định																											
	- NSNN hỗ trợ thêm																											
	- Hỗ trợ khác																											
IV. Nhóm tham gia BHYT theo Hộ gia đình																												
1	Hộ gia đình																											
	- Người tham gia đóng																											
	- NSNN hỗ trợ theo quy định																											
	- NSNN hỗ trợ thêm																											
	- Hỗ trợ khác																											
2	Chức sắc, tu hành																											
	- Người tham gia đóng																											
	- NSNN hỗ trợ theo quy định																											
	- NSNN hỗ trợ thêm																											
	- Hỗ trợ khác																											
V. Nhóm do người sử dụng lao động đóng																												
	Thân nhân của công nhân, viên chức quốc phòng																											
	Thân nhân của công nhân công an đang phục vụ trong Công an nhân dân																											
	Thân nhân của người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu																											
C. Tham gia BHXH tự nguyện																												
	- Người tham gia đóng																											
	- NSNN hỗ trợ theo quy định																											
	- NSNN hỗ trợ thêm																											
	- Hỗ trợ khác																											
D. NSNN đóng BHTN																												
	BHXH tính A																											
	...																											
Cộng (A+B+C+D):																												

..., Ngày tháng năm
Tổng Giám đốc/Trưởng ban Quản lý Thu - Sở, Thê
(Ký, ghi rõ họ tên)

HƯỚNG DẪN LẬP

Báo cáo tổng hợp phân bổ số tiền đã thu vào quỹ BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN của người tham gia (Mẫu C83a-HD)

1. Mục đích: Phân bổ số tiền đã thu BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN của từng người tham gia.

2. Trách nhiệm lập: BHXH tỉnh/huyện.

3. Thời gian lập: Hằng ngày, tháng.

d) Căn cứ lập: chứng từ nộp tiền đóng của đơn vị, tổ chức dịch vụ, người tham gia.

4. Phương pháp lập:

a) Hằng ngày

- Chỉ tiêu theo cột

+ Cột A: ghi số thứ tự

+ Cột B: ghi mã số BHXH của từng người tham gia.

+ Cột C: ghi họ tên của từng người tham gia.

+ Cột 1: ghi số dư thừa chưa phân bổ kỳ trước chuyển sang (mã số 26 Mẫu C83a-TS kỳ trước).

+ Cột 2: ghi số tiền đã thu trong kỳ (theo UNC, ghi thu đơn vị).

+ Từ cột 3 đến cột 15: ghi số tiền phân bổ trong kỳ (căn cứ số tiền đã thu + số thừa chưa phân bổ kỳ trước chuyển sang phân bổ theo các chỉ tiêu tương ứng từ cột 22 đến 31 trên mẫu C69a-HD)

+ Từ cột 16 đến cột 25: ghi số dư thiếu chuyển kỳ sau các chỉ tiêu tương ứng sau khi đã phân bổ từ cột 3 đến 15 nếu <0

+ Cột 26: ghi số dư thừa chưa phân bổ chuyển kỳ sau (nếu có) = cột 1 + cột 2 - từ cột 3 đến cột 15 nếu >0 .

- Chỉ tiêu theo dòng

+ Ghi đầy đủ số liệu tương ứng theo chỉ tiêu dòng đến thời điểm chốt số liệu.

+ Đối tượng tham gia BHXH tự nguyện, tham gia BHYT được NSNN hỗ trợ, Hộ gia đình hạch toán chi tiết từng nguồn đối tượng đóng, NSNN hỗ trợ, ...

b) Hằng tháng: tổng hợp từ mẫu C83a-HD các ngày trong tháng

HƯỚNG DẪN LẬP

Báo cáo tổng hợp phân bổ số tiền đã thu vào quỹ BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN của người tham gia (Mẫu C83b-HD)

1. Mục đích: tổng hợp báo cáo phân bổ số đã thu BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN của BHXH huyện chi tiết theo từng mã đơn vị để phân tích, tổng hợp số liệu theo tháng, quý, năm và là cơ sở để quyết toán số liệu thu BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN.

2. Trách nhiệm lập: BHXH tỉnh/huyện.

3. Thời gian lập: Hằng ngày, tháng, quý, năm.

4. Căn cứ lập:

- Tổng hợp số liệu từ Mẫu C83a-HD hằng ngày và dữ liệu quản lý trên hệ thống phần mềm nghiệp vụ.

- Tổng hợp tháng: tổng hợp số liệu từ Mẫu C83b-HD các ngày trong tháng.

- Tổng hợp quý: tổng hợp số liệu từ Mẫu C83b-HD các tháng trong quý.

- Tổng hợp năm: tổng hợp số liệu từ Mẫu C83b-HD các quý trong năm.

5. Phương pháp lập:

- Chỉ tiêu theo cột

+ Cột A: ghi số thứ tự

+ Cột B: ghi tên khối loại hình, tên đơn vị.

+ Cột C: ghi mã đơn vị

+ Từ cột số 1 đến cột 26: ghi tổng hợp số liệu chi tiết theo từng mã đơn vị; đối với dòng khối loại hình tổng hợp số liệu từ các đơn vị cùng khối.

- Chỉ tiêu theo dòng:

+ Ghi đầy đủ số liệu tương ứng theo chỉ tiêu dòng đến thời điểm chốt số liệu.

+ Đối tượng tham gia BHXH tự nguyện, tham gia BHYT được NSNN hỗ trợ, Hộ gia đình hạch toán chi tiết từng nguồn đối tượng đóng, NSNN hỗ trợ, ...

HƯỚNG DẪN LẬP

Báo cáo tổng hợp phân bổ số tiền đã thu vào quỹ BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN của người tham gia (Mẫu C83c-HD)

1. Mục đích: tổng hợp báo cáo phân bổ số đã thu BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN của BHXH tỉnh chi tiết theo từng BHXH huyện để phân tích, tổng hợp số liệu theo tháng, quý, năm và là cơ sở để quyết toán số liệu thu BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN.

2. Trách nhiệm lập: BHXH tỉnh.

3. Thời gian lập: tháng, quý, năm.

4. Căn cứ lập:

- Tổng hợp số liệu từ Mẫu C83b-HD hằng ngày của từng BHXH huyện và dữ liệu quản lý trên hệ thống phần mềm nghiệp vụ.

- Tổng hợp tháng: tổng hợp số liệu từ Mẫu C83c-HD các ngày trong tháng.

- Tổng hợp quý: tổng hợp số liệu từ Mẫu C83c-HD các tháng trong quý.

- Tổng hợp năm: tổng hợp số liệu từ Mẫu C83c-HD các quý trong năm.

5. Phương pháp lập:

- Chỉ tiêu theo cột

- + Cột A: ghi số thứ tự

- + Cột B: ghi tên khối loại hình, tên đơn vị.

- + Cột C: ghi mã cơ quan BHXH; đối với các chỉ tiêu khối loại hình ghi mã khối thống kê

- + Từ cột số 1 đến cột 26: ghi tổng hợp số liệu chi tiết theo từng cơ quan BHXH huyện; đối với dòng khối loại hình tổng hợp số liệu từ các đơn vị cùng khối.

- Chỉ tiêu theo dòng:

- + Ghi đầy đủ số liệu tương ứng theo từng cơ quan BHXH huyện, theo chỉ tiêu dòng đến thời điểm chốt số liệu.

- + Đối tượng tham gia BHXH tự nguyện, tham gia BHYT được NSNN hỗ trợ, Hộ gia đình hạch toán chi tiết từng nguồn đối tượng đóng, NSNN hỗ trợ, ...

HƯỚNG DẪN LẬP

Báo cáo tổng hợp phân bổ số tiền đã thu vào quỹ BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN của người tham gia (Mẫu C83d-HD)

1. Mục đích: tổng hợp báo cáo phân bổ số đã thu BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN của BHXH tỉnh chi tiết theo từng BHXH huyện để phân tích, tổng hợp số liệu theo tháng, quý, năm và là cơ sở để quyết toán số liệu thu BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN.

2. Trách nhiệm lập: BHXH Việt Nam.

3. Thời gian lập: tháng, quý, năm.

4. Căn cứ lập:

- Tổng hợp số liệu từ Mẫu C83c-HD hằng ngày của từng BHXH tỉnh và dữ liệu quản lý trên hệ thống phần mềm nghiệp vụ.

- Tổng hợp tháng: tổng hợp số liệu từ Mẫu C83d-HD hằng ngày trong tháng.

- Tổng hợp quý: tổng hợp số liệu từ Mẫu C83d-HD các tháng trong quý.

- Tổng hợp năm: tổng hợp số liệu từ Mẫu C83d-HD các quý trong năm.

5. Phương pháp lập:

- Chỉ tiêu theo cột

- + Cột A: ghi số thứ tự

- + Cột B: ghi tên khối loại hình, tên đơn vị.

- + Cột C: ghi mã cơ quan BHXH; đối với các chỉ tiêu khối loại hình ghi mã khối thống kê

- + Từ cột số 1 đến cột 26: ghi tổng hợp số liệu chi tiết theo từng cơ quan BHXH tỉnh; đối với dòng khối loại hình tổng hợp số liệu từ các đơn vị cùng khối.

- Chỉ tiêu theo dòng:

- + Ghi đầy đủ số liệu tương ứng theo từng cơ quan BHXH tỉnh, theo chỉ tiêu dòng đến thời điểm chốt số liệu.

- + Đối tượng tham gia BHXH tự nguyện, tham gia BHYT được NSNN hỗ trợ, Hộ gia đình hạch toán chi tiết từng nguồn đối tượng đóng, NSNN hỗ trợ, ...

BẢNG CHI TIẾT TRÍCH THÙ LAO CHO TỔ CHỨC DỊCH VỤ THU BHXH, BHYT

Ngày (Tháng) năm.....

[illegible]

BẢNG TỔNG HỢP TRÍCH THÙ LAO CHO TỔ CHỨC DỊCH VỤ THU BHXH, BHYT
Tháng năm.....

STT	Tên điểm thu	Mã điểm thu	Đối tượng khai thác thu mới			Đối tượng khai thác thu thường kỳ			Tổng số thu của người tham gia	Thù lao tổ chức dịch vụ thu
			Số người	Số tiền NTG đóng	Số tiền phải chi thù lao	Số người	Số tiền NTG đóng	Số tiền phải chi thù lao		
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7=2+5	8=3+6
I. BHYT Hộ gia đình										
1	Điểm thu A	BI0001A								
2	Điểm thu B	BI0002A								
...									
II. BHXH tự nguyện										
...									
III. BHYT người thuộc hộ gia đình cận nghèo; hộ nghèo đa chiều										
...									
IV. BHYT hộ NLNDN có mức sống trung bình										
...									
V. BHYT học sinh sinh viên										
1	Trường A	BD0001A								
2	Trường B	BD0002A								
...									
Tổng cộng										

Ngày tháng năm
Giám đốc BHXH huyện/TP quản lý Thu - Sổ, Thẻ
(Ký, đóng dấu)

BẢNG TỔNG HỢP TRÍCH THÙ LAO CHO TỔ CHỨC DỊCH VỤ THU BHXH, BHYT
Tháng năm.....

STT	Tên đơn vị	Mã cơ quan BHXH	Đối tượng khai thác thu mới			Đối tượng khai thác thu thường kỳ			Tổng số thu của người tham gia	Thù lao tổ chức dịch vụ thu
			Số người	Số tiền NTG đóng	Số tiền phải chi thù lao	Số người	Số tiền NTG đóng	Số tiền phải chi thù lao		
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7=2+5	8=3+6
I. BHYT Hộ gia đình										
1	BHXH huyện A									
2	BHXH huyện B									
...									
II. BHXH tự nguyện										
1	BHXH huyện A									
2	BHXH huyện B									
...									
III. BHYT người thuộc hộ gia đình cận nghèo; hộ nghèo đa chiều										
...									
IV. BHYT hộ NLNDN có mức sống trung bình										
...									
V. BHYT học sinh sinh viên										
1	BHXH huyện A									
2	BHXH huyện B									
...									
Tổng cộng										

Ngày tháng năm
Giám đốc BHXH tỉnh
(Ký, đóng dấu)

BẢNG TỔNG HỢP TRÍCH THÙ LAO CHO TỔ CHỨC DỊCH VỤ THU BHXH, BHYT

Tháng năm.....

STT	Tên đơn vị	Mã cơ quan BHXH	Đối tượng khai thác thu mới			Đối tượng khai thác thu thường kỳ			Tổng số thu của người tham gia	Thù lao tổ chức dịch vụ thu
			Số người	Số tiền NTG đóng	Số tiền phải chi thù lao	Số người	Số tiền NTG đóng	Số tiền phải chi thù lao		
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7=2+5	8=3+6
I. BHYT Hộ gia đình										
1	BHXH tỉnh A									
2	BHXH tỉnh A									
...									
II. BHXH tự nguyện										
1	BHXH tỉnh A									
2	BHXH tỉnh A									
...									
III. BHYT người thuộc hộ gia đình cận nghèo; hộ nghèo đa chiều										
...									
IV. BHYT hộ NLNDN có mức sống trung bình										
...									
V. BHYT học sinh sinh viên										
1	BHXH tỉnh A									
2	BHXH tỉnh A									
...									
Tổng cộng										

Ngày tháng năm
Trưởng ban Quản lý Thu - Sổ, Thẻ
(Ký, ghi rõ họ tên)

HƯỚNG DẪN LẬP

Bảng tổng hợp trích thù lao tổ chức dịch vụ thu BHXH, BHYT (Mẫu D11a-TS)

1. Mục đích: để xác định số tiền trích thù lao của từng người tham gia cho tổ chức dịch vụ thu BHXH tự nguyện, BHYT theo từng điểm thu, nhân viên tổ chức dịch vụ thu.

2. Trách nhiệm lập: BHXH tỉnh/huyện.

3. Thời gian lập: ngày, tháng, lũy kế.

4. Căn cứ lập: Tổng hợp số liệu chi tiết từng người tham gia theo từng nhân viên tổ chức dịch vụ thu từ cơ sở dữ liệu

5. Phương pháp lập:

- Chỉ tiêu hàng ngang

+ I: BHYT Hộ gia đình

+ II: BHXH tự nguyện

+ III: Người thuộc hộ gia đình cận nghèo; hộ nghèo đa chiều

+ IV: Hộ gia đình nông lâm ngư diêm nghiệp có mức sống trung bình

+ V: Học sinh sinh viên

- Chỉ tiêu theo hàng dọc

+ Cột A: ghi loại hình tham gia, số thứ tự

+ Cột B: ghi Mã điểm thu BHXH tự nguyện, BHYT.

+ Cột C: ghi họ tên nhân viên tổ chức dịch vụ thu.

+ Cột D: mã số nhân viên tổ chức dịch vụ thu

+ Cột E: ghi họ tên người tham gia.

+ Cột F: ghi mã số BHXH của người tham gia

+ Cột 1: ghi số biên lai

+ Cột 2: ghi ngày biên lai

+ Cột 3: ghi phương thức đóng của người tham gia

+ Cột 4: ghi số tiền đóng của người tham gia BHXH tự nguyện, BHYT khai thác thu mới.

+ Cột 5: ghi tỷ lệ % mức chi thù lao cho đối tượng khai thác thu mới.

+ Cột 6: ghi số tiền chi thù lao tổ chức dịch vụ thu đối tượng khai thác thu mới = cột 4 x cột 5.

+ Cột 7: ghi số tiền đóng của người tham gia BHXH tự nguyện, BHYT khai thác thu thường kỳ

+ Cột 8: ghi tỷ lệ % mức chi thù lao cho đối tượng khai thác thu thường kỳ

+ Cột 9: ghi số tiền chi thù lao tổ chức dịch vụ thu đối tượng khai thác thu thường kỳ = cột 7 x cột 8.

+ Cột 10 = cột 4 + cột 7

+ Cột 11 = cột 6 + cột 9

+ Cột 12: ghi mã đợt phát sinh thu trên phần mềm quản lý



HƯỚNG DẪN LẬP

Bảng tổng hợp trích thù lao tổ chức dịch vụ thu BHXH, BHYT (Mẫu D11b-TS)

1. Mục đích: để xác định tổng số tiền trích thù lao cho tổ chức dịch vụ thu BHXH tự nguyện, BHYT theo từng điểm thu.

2. Trách nhiệm lập: BHXH tỉnh/huyện.

3. Thời gian lập: ngày, tháng, lũy kế.

4. Căn cứ lập: Tổng hợp số liệu từ mẫu D11a-TS theo từng điểm thu vào các chỉ tiêu tương ứng

5. Phương pháp lập:

- Chỉ tiêu hàng ngang

+ I: BHYT Hộ gia đình

+ II: BHXH tự nguyện

+ III: Người thuộc hộ gia đình cận nghèo; hộ nghèo đa chiều

+ IV: Hộ gia đình nông lâm ngư diêm nghiệp có mức sống trung bình

+ V: Học sinh sinh viên

- Chỉ tiêu theo hàng dọc

+ Cột A: ghi loại hình tham gia, số thứ tự

+ Cột B: ghi tên điểm thu BHXH tự nguyện, BHYT.

+ Cột C: ghi Mã điểm thu BHXH tự nguyện, BHYT.

+ Cột 1: ghi số người khai thác thu mới.

+ Cột 2: ghi số tiền đóng của người tham gia BHXH tự nguyện, BHYT khai thác thu mới.

+ Cột 3: ghi số tiền chi thù lao tổ chức dịch vụ thu đối tượng khai thác thu mới.

+ Cột 4: ghi số người khai thác thu thường kỳ.

+ Cột 5: ghi số tiền đóng của người tham gia BHXH tự nguyện, BHYT khai thác thu thường kỳ.

+ Cột 6: ghi số tiền chi thù lao tổ chức dịch vụ thu đối tượng khai thác thu thường kỳ.

+ Cột 7 = cột 2 + cột 5

+ Cột 8 = cột 3 + cột 6

HƯỚNG DẪN LẬP

Bảng tổng hợp trích thù lao tổ chức dịch vụ thu BHXH, BHYT (Mẫu D11c-TS)

- 1.. Mục đích: tổng hợp số phải trả do xác định lại mức chi thù lao theo từng cơ quan BHXH huyện.
2. Trách nhiệm lập: BHXH tỉnh
3. Thời gian lập: ngày, tháng, lũy kế.
4. Căn cứ lập: Tổng hợp số liệu từ mẫu D11b-TS của từng BHXH huyện vào các chỉ tiêu tương ứng



HƯỚNG DẪN LẬP

Bảng tổng hợp trích thù lao tổ chức dịch vụ thu BHXH, BHYT (Mẫu D11d-TS)

1. Mục đích: tổng hợp số phải trả do xác định lại mức chi thù lao theo từng cơ quan BHXH tỉnh.
2. Trách nhiệm lập: Ban Quản lý Thu – Sở, Thở
3. Thời gian lập: ngày, tháng, lũy kế.
4. Căn cứ lập: Tổng hợp số liệu từ mẫu mẫu D11c-TS của từng BHXH tỉnh vào các chỉ tiêu tương ứng



BẢNG TỔNG HỢP CHI THÙ LAO TỔ CHỨC DỊCH VỤ THU BHXH, BHYT

Ngày (tháng, quý)..... năm.....

STT	Tên điểm thu	Mã điểm thu	Đối tượng khai thác thu mới		Đối tượng khai thác thu thường kỳ		Số thù lao còn phải chi kỳ trước chuyển sang	Số thù lao phải chi	Số thù lao đã chi	Số thù lao còn phải chi
			Số người	Số tiền	Số người	Số tiền				
A	B	C	1	2	3	4	5	6=2+4	7	8=5+6-7
I. BHYT Hộ gia đình										
1	Điểm thu A	BI0001A								
3	Điểm thu B	BI0002A								
...									
II. BHXH tự nguyện										
1	Điểm thu A									
2	Điểm thu B									
...									
III. BHYT người thuộc hộ gia đình cận nghèo; hộ nghèo đa chiều										
...									
IV. BHYT hộ NLNDN có mức sống trung bình										
...									
V. BHYT học sinh sinh viên										
1	Trường A	BD0001A								
2	Trường B	BD0002A								
...									
Tổng cộng										

Kế toán
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm
Giám đốc BHXH huyện/TP KHTC
(Ký, đóng dấu)

VBPL-TS24 CORP

www.TS24.com.vn

BẢO HIỂM XÃ HỘI ...

BẢO HIỂM XÃ HỘI ...

Mẫu D12c-TS

(Ban hành kèm theo Quyết định số 490/QĐ-BHXH ngày 28/3/2023 của BHXH Việt Nam)

BẢNG TỔNG HỢP CHI THÙ LAO TỔ CHỨC DỊCH VỤ THU BHXH, BHYT

Ngày (tháng, quý)..... năm.....

STT	Tên điểm thu	Mã cơ quan BHXH	Đối tượng khai thác thu mới		Đối tượng khai thác thu thường kỳ		Số thù lao còn phải chi kỳ trước chuyển sang	Số thù lao phải chi	Số thù lao đã chi	Số thù lao còn phải chi
			Số người	Số tiền	Số người	Số tiền				
A	B	C	1	2	3	4	5	6=2+4	7	8=5+6-7
I. BHYT Hộ gia đình										
1	BHXH huyện A									
2	BHXH huyện B									
...									
II. BHXH tự nguyện										
1	BHXH huyện A									
2	BHXH huyện B									
...									
III. BHYT người thuộc hộ gia đình cận nghèo; hộ nghèo đa chiều										
...									
IV. BHYT hộ NLNDN có mức sống trung bình										
...									
V. BHYT học sinh sinh viên										
1	BHXH huyện A									
2	BHXH huyện B									
...									
Tổng cộng										

TP Kế hoạch - Tài chính

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm

Giám đốc BHXH tỉnh

(Ký, đóng dấu)

BẢNG TỔNG HỢP CHI THÙ LAO TỔ CHỨC DỊCH VỤ THU BHXH, BHYT
Ngày (tháng, quý)..... năm.....

STT	Tên điểm thu	Mã cơ quan BHXH	Đối tượng khai thác thu mới		Đối tượng khai thác thu thường kỳ		Số thù lao còn phải chi kỳ trước chuyển sang	Số thù lao phải chi	Số thù lao đã chi	Số thù lao còn phải chi
			Số người	Số tiền	Số người	Số tiền				
A	B	C	1	2	3	4	5	6=2+4	7	8=5+6-7
I. BHYT Hộ gia đình										
1	BHXH tỉnh A									
2	BHXH tỉnh B									
...									
II. BHXH tự nguyện										
1	BHXH tỉnh A									
2	BHXH tỉnh B									
...									
III. BHYT người thuộc hộ gia đình cận nghèo; hộ nghèo đa chiều										
...									
IV. BHYT hộ NLNDN có mức sống trung bình										
...									
V. BHYT học sinh sinh viên										
1	BHXH tỉnh A									
2	BHXH tỉnh B									
...									
Tổng cộng										

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm
Tổng Giám đốc/Vụ trưởng TC-KT
(Ký, ghi rõ họ tên)

HƯỚNG DẪN LẬP

Bảng tổng hợp chi thù lao cho tổ chức dịch vụ thu BHXH, BHYT (Mẫu D12b-TS)

1. Mục đích: để xác định tổng số tiền trích thù lao cho tổ chức dịch vụ thu BHXH tự nguyện, BHYT theo từng điểm thu

2. Trách nhiệm lập: BHXH tỉnh/huyện.

3. Thời gian lập: hằng ngày, tháng, quý, lũy kế.

4. Phương pháp lập:

* Chỉ tiêu hàng ngang

- I: BHYT Hộ gia đình

- II: BHXH tự nguyện

- III: Người thuộc hộ gia đình cận nghèo; hộ nghèo đa chiều

- IV: Hộ gia đình nông lâm ngư diêm nghiệp có mức sống trung bình

- V: Học sinh sinh viên

* Chỉ tiêu theo hàng dọc

- Cột A: ghi loại hình tham gia, số thứ tự.

- Cột B: ghi tên điểm thu BHXH tự nguyện, BHYT.

- Cột C: ghi mã điểm thu BHXH tự nguyện, BHYT

- Cột 1: ghi số người tham gia BHXH tự nguyện, BHYT khai thác thu mới.

- Cột 2: ghi số tiền chi thù lao tổ chức dịch vụ thu đối tượng khai thác thu mới.

- Cột 3: ghi số người tham gia BHXH tự nguyện, BHYT khai thác thu thường kỳ.

- Cột 4: ghi số tiền chi thù lao tổ chức dịch vụ thu đối tượng khai thác thu thường kỳ.

- Cột 5: ghi số tiền thù lao kỳ trước chuyển sang (số còn phải chi trên mẫu D12b-TS kỳ trước)

- Cột 6: ghi tổng số tiền thù lao phải trả cho tổ chức dịch vụ thu = Cột 2 + Cột 4

- Cột 7: ghi tổng số tiền thù lao đã chi cho tổ chức dịch vụ thu

- Cột 8: ghi tổng số tiền thù lao còn phải chi cho tổ chức dịch vụ thu = Cột 5 + Cột 6 – cột 7

HƯỚNG DẪN LẬP

Bảng tổng hợp chi thù lao cho tổ chức dịch vụ thu BHXH, BHYT (Mẫu D12c-TS)

1. Mục đích: để xác định tổng số tiền trích thù lao cho tổ chức dịch vụ thu BHXH tự nguyện, BHYT theo từng cơ quan BHXH huyện
2. Trách nhiệm lập: BHXH tỉnh
3. Thời gian lập: hằng ngày, tháng, quý, lũy kế.
4. Phương pháp lập: Tổng hợp số liệu từ mẫu D12b-TS của từng BHXH huyện vào các chỉ tiêu tương ứng



HƯỚNG DẪN LẬP

Bảng tổng hợp chi thù lao cho tổ chức dịch vụ thu BHXH, BHYT (Mẫu D12d-TS)

1. Mục đích: để xác định tổng số tiền trích thù lao cho tổ chức dịch vụ thu BHXH tự nguyện, BHYT theo từng cơ quan BHXH tỉnh
2. Trách nhiệm lập: Vụ TC-KT lập chi tiết theo từng cơ quan BHXH tỉnh.
3. Thời gian lập: hằng ngày, tháng, quý, lũy kế.
4. Phương pháp lập: Tổng hợp số liệu từ mẫu D12c-TS của từng BHXH tỉnh vào các chỉ tiêu tương ứng



BÁO CÁO CHI TIẾT ĐƠN VỊ CHẠM ĐÓNG BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN

Tháng Năm

[illegible]

....., ngày tháng năm

Giám đốc BHXH huyện/TP Quản lý thu - sổ, thẻ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH ĐƠN VỊ CHẬM ĐÓNG BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLD, BNN
Tháng Năm

STT	Tên đơn vị	Mã đơn vị	Số lao động	Địa chỉ liên hệ	Tổng số tiền chậm đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLD-BNN		Trong đó																				Tình trạng đơn vị										Biện pháp		Ghi chú
							BHXH								BHYT				BHTN				BHTNLD, BNN				Đang hoạt động	Tạm ngừng SXKD	Không còn hoạt động KD tại địa chỉ đã đăng ký	Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký DN	Đã Phá sản	Đang làm thủ tục phá sản	Đang làm thủ tục giải thể	Không có người đại diện theo pháp luật	Tạm dừng đóng vào quỹ HTTT	Biện pháp đã áp dụng	Số, ngày tháng văn bản của cơ quan có thẩm quyền		
							Quỹ Hưu trí, tử tuất				Quỹ ốm đau, thai sản																												
					Tổng số	Trong đó: <30 ngày	Số tháng chậm đóng	Số tiền chậm đóng	Tr. Đó: <30 ngày	Lãi	Số tháng chậm đóng	Số tiền chậm đóng	Tr. Đó: <30 ngày	Lãi	Số tháng chậm đóng	Số tiền chậm đóng	Tr. Đó: <30 ngày	Lãi	Số tháng chậm đóng	Số tiền chậm đóng	Tr. Đó: <30 ngày	Lãi	Số tháng chậm đóng	Số tiền chậm đóng	Tr. Đó: <30 ngày	Lãi													
A	B	C	1	2	3=6+10+14+18+22	4=7+11+15+19+23	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	
I	Doanh nghiệp Nhà nước																																						
1	Huyện																																						
	Đơn vị A																																						
	Đơn vị B																																						
2	Huyện																																						
II	DN có vốn đầu tư nước ngoài																																						
1	Huyện																																						
	Đơn vị A																																						
	Đơn vị B																																						
III	Doanh nghiệp ngoài quốc doanh																																						
IV	Hành chính, Đảng, đoàn thể																																						
V	Sự nghiệp công lập																																						
VI	Xã, phường, thị trấn																																						
VII	Cán bộ không CT cấp xã																																						
VIII	Hợp tác xã																																						
IX	Ngoài công lập																																						
X	Hộ SXKD cá thể, tổ hợp tác, CN																																						
XI	Lao động có thời hạn ở NN																																						
XII	Đối tượng tự đóng																																						
XIII	Đối tượng BHYT do NSNN đóng																																						
XIV	Đối tượng BHYT do NSNN hỗ trợ																																						
																																						
Tổng số																																							

.....ngày.....tháng.....năm.....

Giám đốc BHXH tỉnh

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

STT	Tên đơn vị	Mã đơn vị	Số lao động	Địa chỉ liên hệ	Tổng số tiền chậm đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLD-BNN		Trong đó																		Tình trạng đơn vị										Biện pháp		Ghi chú			
							BHXH								BHYT				BHTN				BHTNLD, BNN						Đang hoạt động	Tạm ngừng SXK D	Không còn hoạt động KD tại địa chỉ đã đăng	Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký DN	Đã Phá sản	Đang làm thủ tục phá sản	Đang làm thủ tục giải thể	Không có người đại diện theo pháp luật		Tạm dừng đóng vào quỹ HTTT	Biện pháp đã áp dụng	Số, ngày tháng văn bản của cơ quan có thẩm quyền
							Quỹ Lưu trí, từ tuất				Quỹ ốm đau, thai sản				BHYT				BHTN				BHTNLD, BNN																	
					Tổng số	Trong đó: <30 ngày	Số tháng chậm đóng	Số tiền chậm đóng	Tr. Đó: <30 ngày	Lãi	Số tháng chậm đóng	Số tiền chậm đóng	Tr. Đó: <30 ngày	Lãi	Số tháng chậm đóng	Số tiền chậm đóng	Tr. Đó: <30 ngày	Lãi	Số tháng chậm đóng	Số tiền chậm đóng	Tr. Đó: <30 ngày	Lãi	Số tháng chậm đóng	Số tiền chậm đóng	Tr. Đó: <30 ngày	Lãi														
A	B	C	1	2	3=6+10+14+18+22	4=7+11+15+19+23	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36		
1	Doanh nghiệp Nhà nước																																							
Tỉnh, thành phố																																								
Huyện ...																																								
	Đơn vị A																																							
	Đơn vị B																																							
Huyện ...																																								
2	DN có vốn đầu tư nước ngoài																																							
3	Doanh nghiệp ngoài quốc doanh																																							
4	Hành chính, Đảng, đoàn thể																																							
5	Sự nghiệp công lập																																							
6	Xã, phường, thị trấn																																							
7	Cán bộ không CT cấp xã																																							
8	Hợp tác xã																																							
9	Ngoài công lập																																							
10	Hộ SXKD cá thể, tổ hợp tác, CN																																							
11	Lao động có thời hạn ở NN																																							
12	Đối tượng tự đóng																																							
13	Đối tượng BHYT do NSNN đóng																																							
14	Đối tượng BHYT do NSNN hỗ trợ																																							
Tổng số																																								

.....,ngày.....tháng.....năm.....

Tổng Giám đốc/Trưởng ban Quản lý Thu - Sở, Thẻ

(Ký, ghi rõ họ tên)



HƯỚNG DẪN LẬP

Báo cáo chi tiết đơn vị chậm đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN (Mẫu B03-TSH)

a) Mục đích: tổng hợp số đơn vị chậm đóng tiền đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN để theo dõi; đôn đốc thu hồi.

b) Căn cứ lập: thông báo kết quả đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN (Mẫu C12-TS) của từng đơn vị.

c) Trách nhiệm lập: BHXH tỉnh/huyện.

d) Thời gian lập: hằng tháng.

đ) Phương pháp lập:

- Cột A: ghi số thứ tự.
- Cột B: ghi tên các đơn vị chậm đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN theo từng loại chỉ tiêu.
- Cột C: ghi số định danh của đơn vị.
- Cột 1: ghi số lao động của đơn vị đến thời điểm lập danh sách.
- Cột 2: ghi địa chỉ đóng trụ sở của đơn vị.
- Cột 3: bằng cột 6 + cột 10 + cột 14 + cột 18 + cột 22.
- Cột 4: bằng cột 7 + cột 11 + cột 15 + cột 19 + cột 23.
- Cột 5, 9, 13, 17, 21: ghi số tháng chậm đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ của đơn vị theo mẫu C12-TS.
- Cột 6, 10, 14, 18, 22: lần lượt bằng cột 1, cột 2, cột 3, cột 4, cột 5 Điểm 2.2 Mục 2 phần Đ Mẫu C12-TS.
- Cột 7, 11, 15, 19, 23: lần lượt bằng cột 1, cột 2, cột 3, cột 4, cột 5 Mục 3 phần B Mẫu C12-TS.
- Cột 8, 12, 16, 20, 24: lần lượt bằng cột 1, cột 2, cột 3, cột 4, cột 5 mục 3 phần Đ Mẫu C12-TS.
- Cột 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33: ghi tình trạng hoạt động của đơn vị:
- Cột 34: ghi biện pháp đã áp dụng đối với đơn vị chậm đóng: thanh tra, khởi kiện ...
- Cột 35: ghi số, ngày tháng của văn bản của cơ quan có thẩm quyền thanh tra, xét xử ...
- Cột 36: Ghi chú.

*** Chỉ tiêu hàng ngang:**

- Mục I: chỉ ghi tổng hợp những đơn vị chậm đóng.
 - + Cột C: ghi tổng số đơn vị chậm đóng.
 - + Cột 1: ghi tổng số lao động của những đơn vị chậm đóng.
 - Cột 3: bằng cột 6 + cột 10 +cột 14 + cột 18 + cột 22.
 - Cột 4: bằng cột 7 + cột 11 +cột 15 + cột 19 + cột 23.
 - + Cột 2, 5, 9, 13, 17, 21, 19, 20, 21, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33: không ghi số liệu.
 - + Các cột còn lại là tổng cộng theo cột tương ứng các đơn vị thuộc mục.
 - Mục II, III, IV: ghi chi tiết đơn vị chậm đóng theo các loại hình tương ứng.
- * Lưu ý:** đối với đơn vị đã áp dụng biện pháp ở cột 32 thì bắt buộc phải ghi số, ngày tháng năm văn bản của cơ quan có thẩm quyền ở cột 33.

HƯỚNG DẪN LẬP

Báo cáo chi tiết đơn vị chậm đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN (Mẫu B03-TST)

- a) Mục đích: tổng hợp số đơn vị chậm đóng tiền đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN để theo dõi; đôn đốc thu hồi.
- b) Căn cứ lập: từ dữ liệu Mẫu B03-TS của BHXH huyện gửi BHXH tỉnh chi tiết theo từng đơn vị
- c) Trách nhiệm lập: cơ quan BHXH tỉnh.
- d) Thời gian lập: hằng tháng.
- đ) Phương pháp lập: Tổng hợp chi tiết từng đơn vị theo khối loại hình tham gia của từng cơ quan BHXH huyện trên mẫu B03-TS của BHXH huyện gửi BHXH tỉnh trên phần mềm quản lý vào từng chỉ tiêu tương ứng.

HƯỚNG DẪN LẬP

Báo cáo chi tiết đơn vị chậm đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN (Mẫu B03-TSW)

a) Mục đích: tổng hợp số đơn vị chậm đóng tiền đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN để theo dõi; đôn đốc thu hồi.

b) Căn cứ lập: từ dữ liệu Mẫu B03-TS của BHXH tỉnh gửi BHXH Việt Nam chi tiết theo từng đơn vị

c) Trách nhiệm lập: BHXH Việt Nam.

d) Thời gian lập: hằng tháng.

đ) Phương pháp lập: Tổng hợp chi tiết từng đơn vị theo khối loại hình tham gia của từng cơ quan BHXH huyện trên mẫu B03-TS của BHXH tỉnh gửi BHXH Việt Nam trên phần mềm quản lý vào từng chỉ tiêu tương ứng.

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THU BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN
Tháng năm 20...

CÁC CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Mã số	Số lũy kế tháng trước chuyển sang	Số phát sinh trong tháng		Lũy kế từ đầu năm đến hết tháng báo cáo
				Tăng	Giảm	
1	2	3	4	5	6	7=4+5-6
I. SỐ TIỀN THỪA CHƯA PHÂN BỐ KỲ TRƯỚC CHUYỂN SANG		01				
II.- TỔNG SỐ TIỀN THU BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLĐ, BNN		02				
III. PHÂN BỐ TIỀN THU BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLĐ, BNN	triệu đồng	03				
1. BHXH bắt buộc		04				
1.1. Số người	người	05				
Trong đó:		06				
a) HĐLĐ từ 1 đến <3 tháng	người	07				
b) Số người nghỉ thai sản	người	08				
1.2. Số tiền	triệu đồng	09				
2. BHXH tự nguyện		10				
2.1. Số người	người	11				
Trong đó:		12				
a) Phân theo NSNN hỗ trợ	người	13				
- Thuộc hộ nghèo	người	14				
- Thuộc hộ cận nghèo	người	15				
- Khác	người	16				
b) Phân theo phương thức đóng		17				
- Số người trong phương thức đóng đã đóng	người	18				
- Số người trong phương thức đóng nhưng chưa đóng	người	19				
- Số người đóng 1 lần cho nhiều năm về sau	người	20				
2.2. Số tiền	triệu đồng	21				
3. BHXH thất nghiệp		22				
3.1. Số người	người	23				

CÁC CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Mã số	Số lũy kế tháng trước chuyển sang	Số phát sinh trong tháng		Lũy kế từ đầu năm đến hết tháng báo cáo
				Tăng	Giảm	
1	2	3	4	5	6	7=4+5-6
Trong đó: Số người nghỉ thai sản		24				
3.2. Số tiền	triệu đồng	25				
4. BHYT		26				
4.1. Số người	người	27				
Trong đó:		28				
a) Số người đang tham gia tại đơn vị	người	29				
b) Số người nghỉ ốm đau, thai sản	người	30				
c) Số đối tượng trẻ em sinh trước 30/9	người	31				
d) Số người truy thu thẻ BHYT	người	32				
đ) Thân nhân quân đội	người	33				
e) Lực lượng vũ trang, cơ yếu	người	34				
4.2. Số tiền	triệu đồng	35				
5. BHTNLD, BNN		36				
5.1. Số người	người	37				
Trong đó:		38				
a) Số người cùng tham gia	người	39				
b) Số người chỉ tham gia BHTNLD, BNN	người	40				
c) Số người nghỉ thai sản	người	41				
5.2. Số tiền	triệu đồng	42				
6. Thu lãi phạt chậm đóng	triệu đồng	43				
IV. SỐ TIỀN THỪA CHƯA PHÂN BỐ CHUYÊN KỶ SAU		44				
V. TỔNG SỐ TIỀN CHẠM ĐÓNG BHXH, BHYT, BHTN	triệu đồng	45				
1. Chậm đóng BHXH	triệu đồng	46				
1.1 Chậm đóng dưới 1 tháng	triệu đồng	47				
1.2 Chậm đóng từ 1 tháng đến dưới 3 tháng	triệu đồng	48				
1.3 Chậm đóng trên 3 tháng	triệu đồng	49				
Trong đó: Chậm đóng khó thu	triệu đồng	50				
1.5. NSNN hỗ trợ BHXH tự nguyện chưa đóng	triệu đồng	51				
2. Nợ BHTN	triệu đồng	52				

CÁC CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Mã số	Số lũy kế tháng trước chuyển sang	Số phát sinh trong tháng		Lũy kế từ đầu năm đến hết tháng báo cáo
				Tăng	Giảm	
1	2	3	4	5	6	7=4+5-6
2.1 Đơn vị nợ	triệu đồng	53				
2.2 NSNN nợ	triệu đồng	54				
3. Nợ BHYT	triệu đồng	55				
4.1 Đơn vị nợ (nhóm 1)	triệu đồng	56				
4.2 NSNN nợ (nhóm 3, 4)	triệu đồng	57				
4. Nợ BHTNLĐ, BNN	triệu đồng	58				
VI. MỘT SỐ CHỈ TIÊU KHÁC	triệu đồng	59				
1. Số người tham gia BHXH nghỉ không lương	người	60				
1. Số người tham gia BHXH tạm hoãn HĐLĐ	người	61				
2. Số người tham gia BHXH tự nguyện đã dừng đóng chưa tham gia BHXH	người	62				

.....,ngày....tháng.....năm.....

Giám đốc BHXH huyện/TP Quản lý thu - sổ, thẻ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THU BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN
Tháng năm 20...

CÁC CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Mã số	Số lũy kế tháng trước chuyển sang	Số phát sinh trong tháng		Lũy kế từ đầu năm đến hết tháng báo cáo
				Tăng	Giảm	
1	2	3	4	5	6	7=4+5-6
I. SỐ TIỀN THỪA CHƯA PHÂN BỐ KỲ TRƯỚC CHUYỂN SANG		01				
II.- TỔNG SỐ TIỀN THU BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLĐ, BNN		02				
III. PHÂN BỐ TIỀN THU BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLĐ, BNN	triệu đồng	03				
1. BHXH bắt buộc		04				
1.1. Số người	người	05				
Trong đó:		06				
a) HĐLĐ từ 1 đến <3 tháng	người	07				
b) Số người nghỉ thai sản	người	08				
1.2. Số tiền	triệu đồng	09				
2. BHXH tự nguyện		10				
2.1. Số người	người	11				
Trong đó:		12				
a) Phân theo NSNN hỗ trợ	người	13				
- Thuộc hộ nghèo	người	14				
- Thuộc hộ cận nghèo	người	15				
- Khác	người	16				
b) Phân theo phương thức đóng		17				
- Số người trong phương thức đóng đã đóng	người	18				
- Số người trong phương thức đóng nhưng chưa đóng	người	19				
- Số người đóng 1 lần cho nhiều năm về sau	người	20				
2.2. Số tiền	triệu đồng	21				
3. BHXH thất nghiệp		22				
3.1. Số người	người	23				

Trong đó: Số người nghỉ thai sản		24				
3.2. Số tiền	triệu đồng	25				
4. BHYT		26				
4.1. Số người	người	27				
Trong đó:		28				
a) Số người đang tham gia tại đơn vị	người	29				
b) Số người nghỉ ốm đau, thai sản	người	30				
c) Số đối tượng trẻ em sinh trước 30/9	người	31				
d) Số người truy thu thẻ BHYT	người	32				
đ) Thân nhân quân đội	người	33				
e) Lực lượng vũ trang, cơ yếu	người	34				
4.2. Số tiền	triệu đồng	35				
5. BHTNLĐ, BNN		36				
5.1. Số người	người	37				
Trong đó:		38				
a) Số người cùng tham gia	người	39				
b) Số người chỉ tham gia BHTNLĐ, BNN	người	40				
c) Số người nghỉ thai sản	người	41				
5.2. Số tiền	triệu đồng	42				
6. Thu lãi phạt chậm đóng	triệu đồng	43				
IV. SỐ TIỀN THỪA CHƯA PHÂN BỐ CHUYỂN KỲ SAU		44				
V. TỔNG SỐ TIỀN CHẠM ĐÓNG BHXH, BHYT, BHTN	triệu đồng	45				
1. Chậm đóng BHXH	triệu đồng	46				
1.1 Chậm đóng dưới 1 tháng	triệu đồng	47				
1.2 Chậm đóng từ 1 tháng đến dưới 3 tháng	triệu đồng	48				
1.3 Chậm đóng trên 3 tháng	triệu đồng	49				
Trong đó: Chậm đóng khó thu	triệu đồng	50				
1.5. NSNN hỗ trợ BHXH tự nguyện chưa đóng	triệu đồng	51				
2. Nợ BHTN	triệu đồng	52				
2.1 Đơn vị nợ	triệu đồng	53				
2.2 NSNN nợ	triệu đồng	54				
3. Nợ BHYT	triệu đồng	55				
4.1 Đơn vị nợ (nhóm 1)	triệu đồng	56				
4.2 NSNN nợ (nhóm 3, 4)	triệu đồng	57				

4. Nợ BHTNLD, BNN	triệu đồng	58				
VI. MỘT SỐ CHỈ TIÊU KHÁC	triệu đồng	59				
1. Số người tham gia BHXH nghỉ không lương	người	60				
1. Số người tham gia BHXH tạm hoãn HĐLĐ	người	61				
2. Số người tham gia BHXH tự nguyện đã dừng đóng chưa tham gia BHXH	người	62				

.....,ngày....tháng.....năm.....

Giám đốc BHXH tỉnh

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

VBPL-TS24COPY
www.TS24.com.vn

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THU BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN
Tháng năm 20...

CÁC CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Mã số	Số lũy kế tháng trước chuyển sang	Số phát sinh trong tháng		Lũy kế từ đầu năm đến hết tháng báo cáo
				Tăng	Giảm	
1	2	3	4	5	6	7=4+5-6
I. SỐ TIỀN THỪA CHƯA PHÂN BỐ KỲ TRƯỚC CHUYỂN SANG		01				
II.- TỔNG SỐ TIỀN THU BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLĐ, BNN		02				
III. PHÂN BỐ TIỀN THU BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLĐ, BNN	triệu đồng	03				
1. BHXH bắt buộc		04				
1.1. Số người	người	05				
Trong đó:		06				
a) HĐLĐ từ 1 đến <3 tháng	người	07				
b) Số người nghỉ thai sản	người	08				
1.2. Số tiền	triệu đồng	09				
2. BHXH tự nguyện		10				
2.1. Số người	người	11				
Trong đó:		12				
a) Phân theo NSNN hỗ trợ	người	13				
- Thuộc hộ nghèo	người	14				
- Thuộc hộ cận nghèo	người	15				
- Khác	người	16				
b) Phân theo phương thức đóng		17				
- Số người trong phương thức đóng đã đóng	người	18				
- Số người trong phương thức đóng nhưng chưa đóng	người	19				
- Số người đóng 1 lần cho nhiều năm về sau	người	20				
2.2. Số tiền	triệu đồng	21				
3. BHXH thất nghiệp		22				
3.1. Số người	người	23				

Trong đó: Số người nghỉ thai sản		24				
3.2. Số tiền	triệu đồng	25				
4. BHYT		26				
4.1. Số người	người	27				
Trong đó:		28				
a) Số người đang tham gia tại đơn vị	người	29				
b) Số người nghỉ ốm đau, thai sản	người	30				
c) Số đối tượng trẻ em sinh trước 30/9	người	31				
d) Số người truy thu thẻ BHYT	người	32				
đ) Thân nhân quân đội	người	33				
e) Lực lượng vũ trang, cơ yếu	người	34				
4.2. Số tiền	triệu đồng	35				
5. BHTNLĐ, BNN		36				
5.1. Số người	người	37				
Trong đó:		38				
a) Số người cùng tham gia	người	39				
b) Số người chỉ tham gia BHTNLĐ, BNN	người	40				
c) Số người nghỉ thai sản	người	41				
5.2. Số tiền	triệu đồng	42				
6. Thu lãi phạt chậm đóng	triệu đồng	43				
IV. SỐ TIỀN THỪA CHƯA PHÂN BỐ CHUYỂN KỲ SAU		44				
V. TỔNG SỐ TIỀN CHẬM ĐÓNG BHXH, BHYT, BHTN	triệu đồng	45				
1. Chậm đóng BHXH	triệu đồng	46				
1.1 Chậm đóng dưới 1 tháng	triệu đồng	47				
1.2 Chậm đóng từ 1 tháng đến dưới 3 tháng	triệu đồng	48				
1.3 Chậm đóng trên 3 tháng	triệu đồng	49				
Trong đó: Chậm đóng khó thu	triệu đồng	50				
1.5. NSNN hỗ trợ BHXH tự nguyện chưa đóng	triệu đồng	51				
2. Nợ BHTN	triệu đồng	52				
2.1 Đơn vị nợ	triệu đồng	53				
2.2 NSNN nợ	triệu đồng	54				
3. Nợ BHYT	triệu đồng	55				
4.1 Đơn vị nợ (nhóm 1)	triệu đồng	56				
4.2 NSNN nợ (nhóm 3, 4)	triệu đồng	57				

4. Nợ BHTNLD, BNN	triệu đồng	58				
VI. MỘT SỐ CHỈ TIÊU KHÁC	triệu đồng	59				
1. Số người tham gia BHXH nghỉ không lương	người	60				
1. Số người tham gia BHXH tạm hoãn HĐLĐ	người	61				
2. Số người tham gia BHXH tự nguyện đã dừng đóng chưa tham gia BHXH	người	62				

.....ngày....tháng.....năm.....

Tổng Giám đốc/Trưởng ban Quản lý Thu - Sổ, Thẻ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

VBPL-TS24CORP
www.TS24.com.vn

HƯỚNG DẪN LẬP

Báo cáo tình hình thu BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN (Mẫu B06-TST)

a) Mục đích: tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện thu BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN của BHXH tỉnh, huyện để phân tích, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch thu trên địa bàn tỉnh theo từng tháng và là cơ sở để xây dựng kế hoạch thu BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN.

b) Căn cứ lập: báo cáo tình hình thu BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN (Mẫu C12-TS), dữ liệu phần mềm quản lý.

c) Trách nhiệm lập: Phòng/Tổ quản lý thu – sổ, thẻ.

d) Thời gian lập: hằng tháng.

e) Phương pháp lập:

- Cột 1: ghi các chỉ tiêu.
- Cột 2: ghi đơn vị tính.
- Cột 3: ghi mã số.
- Cột 4: ghi số lũy kế tháng trước chuyển sang.
- Cột 5: ghi số phát sinh tăng trong tháng.
- Cột 6: ghi số phát sinh giảm trong tháng.
- Cột 7: ghi số lũy kế từ đầu năm đến hết tháng báo cáo (=cột 4 + cột 5 - cột 6).

*** Lưu ý:**

- Mã số 33, 34: ghi số người làm việc trong lực lượng vũ trang tham gia BHYT do BHXH cung cấp và thân nhân lực lượng vũ trang, cơ yếu do BHXH Bộ Quốc phòng, BHXH Công an nhân dân cấp thẻ BHYT cung cấp.

BẢNG TỔNG HỢP ĐỐI TƯỢNG THAM GIA BHXH TỰ NGUYỆN, NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC HỖ TRỢ
 Quý Năm

STT	Tên đơn vị	Số người tham gia BHXH tự nguyện	Số tiền cơ quan tài chính chuyển thừa, thiếu kỳ trước chuyển sang		Số tiền phải đóng theo đăng ký của người tham gia					Số tiền ngân sách nhà nước đã chuyển	Số tiền cơ quan tài chính chuyển thừa, thiếu chuyển kỳ sau	
			Thừa	Thiếu	Tổng số	Số tiền do người tham gia đóng	Số tiền do tổ chức, cá nhân hỗ trợ	Số tiền ngân sách nhà nước hỗ trợ theo quy định	Số tiền NS địa phương hỗ trợ thêm		Thừa	Thiếu
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Điểm thu ...											
a	Người nghèo											
b	Cận nghèo											
c	Khác											
2	Điểm thu ...											
a	Người nghèo											
b	Cận nghèo											
c	Khác											
...											
	Cộng											

Ngày tháng Năm
Giám đốc BHXH huyện
 (Ký tên, đóng dấu)

BẢNG TỔNG HỢP ĐỐI TƯỢNG THAM GIA BHXH TỰ NGUYỆN, NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC HỖ TRỢ
 Quý Năm

STT	Tên đơn vị	Số người tham gia BHXH tự nguyện	Số tiền cơ quan tài chính chuyển thừa, thiếu kỳ trước chuyển sang		Số tiền phải đóng theo đăng ký của người tham gia					Số tiền ngân sách nhà nước đã chuyển	Số tiền cơ quan tài chính chuyển thừa, thiếu chuyển kỳ sau	
			Thừa	Thiếu	Tổng số	Số tiền do người tham gia đóng	Số tiền do tổ chức, cá nhân hỗ trợ	Số tiền ngân sách nhà nước hỗ trợ theo quy định	Số tiền NS địa phương hỗ trợ thêm		Thừa	Thiếu
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	BHXH huyện A											
1	Điểm thu ...											
a	Người nghèo											
b	Cận nghèo											
c	Khác											
2	Điểm thu ...											
a	Người nghèo											
b	Cận nghèo											
c	Khác											
...											
2	BHXH huyện ...											
	Cộng											

Ngày tháng Năm
Giám đốc BHXH tỉnh
 (Ký tên, đóng dấu)

BẢNG TỔNG HỢP ĐỐI TƯỢNG THAM GIA BHXH TỰ NGUYỆN, NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC HỖ TRỢ
Quý Năm

STT	Tên đơn vị	Số người tham gia BHXH tự nguyện	Số tiền cơ quan tài chính chuyển thừa, thiếu kỳ trước chuyển sang		Số tiền phải đóng theo đăng ký của người tham gia					Số tiền ngân sách nhà nước đã chuyển	Số tiền cơ quan tài chính chuyển thừa, thiếu chuyển kỳ sau	
			Thừa	Thiếu	Tổng số	Số tiền do người tham gia đóng	Số tiền do tổ chức, cá nhân hỗ trợ	Số tiền ngân sách nhà nước hỗ trợ theo quy định	Số tiền NS địa phương hỗ trợ thêm		Thừa	Thiếu
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	BHXH tỉnh A											
a	Người nghèo											
b	Cận nghèo											
c	Khác											
2	BHXH tỉnh ...											
a	Người nghèo											
b	Cận nghèo											
c	Khác											
...											
	Cộng											

Ngày tháng Năm

Tổng Giám đốc/Trưởng ban Quản lý Thu - Sở, Thẻ
 (Ký tên, đóng dấu)

HƯỚNG DẪN LẬP

Bảng tổng hợp đối tượng tham gia BHXH tự nguyện ngân sách nhà nước hỗ trợ (Mẫu B09-TS)

1. Mẫu B09-TSH

a) Mục đích: Tổng hợp số đối tượng và số tiền ngân sách nhà nước hỗ trợ.

b) Trách nhiệm lập: cơ quan BHXH.

c) Thời gian lập: 03 tháng, 06 tháng hoặc 12 tháng.

d) Phương pháp lập:

* Chỉ tiêu theo cột:

- Cột A: ghi số thứ tự từ nhỏ đến lớn theo từng Tổ chức dịch vụ thu.
- Cột B: ghi tên theo từng Tổ chức dịch vụ thu.
- Cột 1: ghi số người tham gia BHXH tự nguyện đến cuối kỳ báo cáo.
- Cột 2: ghi số tiền cơ quan tài chính chuyển thừa kỳ trước chuyển sang.
- Cột 3: ghi số tiền cơ quan tài chính chuyển thiếu kỳ trước chuyển sang.
- Cột 4: ghi tổng số tiền phải đóng theo đăng ký của người tham gia
- Cột 5: ghi số tiền phải đóng theo đăng ký của người tham gia (mức thu nhập tháng của người làm căn cứ đóng x 22%).

$$\text{Cột 5} = \text{Cột 4} - \text{Cột 6} - \text{Cột 7} - \text{Cột 8}$$

- Cột 6: ghi số tiền do tổ chức, cá nhân hỗ trợ (nếu có)
- Cột 7: Ghi số tiền ngân sách nhà nước hỗ trợ [= 22% x tỷ lệ (%) hỗ trợ của Nhà nước (= 30% với người tham gia thuộc hộ nghèo, 25% với người tham gia thuộc hộ cận nghèo, 10% với các đối tượng khác) X mức chuẩn hộ nghèo của khu vực nông thôn X số tháng hỗ trợ].

- Cột 8: ghi số tiền ngân sách nhà nước địa phương hỗ trợ thêm (nếu có).
- Cột 9: ghi số tiền ngân sách nhà nước đã chuyển.
- Cột 10: ghi số tiền cơ quan tài chính chuyển thừa chuyển kỳ sau.
- Cột 11: ghi số tiền cơ quan tài chính chuyển thiếu chuyển kỳ sau.

* Chỉ tiêu theo hàng: ghi theo thứ tự người nghèo, cận nghèo, khác.

2. Mẫu B09-TST

a) Mục đích: Tổng hợp số đối tượng và số tiền ngân sách nhà nước hỗ trợ.

b) Trách nhiệm lập: cơ quan BHXH.

c) Thời gian lập: 03 tháng, 06 tháng hoặc 12 tháng.

d) Phương pháp lập:

* Chỉ tiêu theo cột:

- Cột A: ghi số thứ tự từ nhỏ đến lớn theo từng Tổ chức dịch vụ thu.
- Cột B: ghi tên theo từng Tổ chức dịch vụ thu /huyện.
- Cột 1: ghi số người tham gia BHXH tự nguyện đến cuối kỳ báo cáo.
- Cột 2: ghi số tiền cơ quan tài chính chuyển thừa kỳ trước chuyển sang.
- Cột 3: ghi số tiền cơ quan tài chính chuyển thiếu kỳ trước chuyển sang.
- Cột 4: ghi tổng số tiền phải đóng theo đăng ký của người tham gia
- Cột 5: ghi số tiền phải đóng theo đăng ký của người tham gia (mức thu nhập tháng của người làm căn cứ đóng x 22%).

Cột 5 = Cột 4 - Cột 6 - Cột 7 - Cột 8

- Cột 6: ghi số tiền do tổ chức, cá nhân hỗ trợ (nếu có)
- Cột 7: Ghi số tiền ngân sách nhà nước hỗ trợ [= 22% x tỷ lệ (%) hỗ trợ của Nhà nước (= 30% với người tham gia thuộc hộ nghèo, 25% với người tham gia thuộc hộ cận nghèo, 10% với các đối tượng khác) X mức chuẩn hộ nghèo của khu vực nông thôn X số tháng hỗ trợ].

- Cột 8: ghi số tiền ngân sách nhà nước địa phương hỗ trợ thêm (nếu có).
- Cột 9: ghi số tiền ngân sách nhà nước đã chuyển.
- Cột 10: ghi số tiền cơ quan tài chính chuyển thừa chuyển kỳ sau.
- Cột 11: ghi số tiền cơ quan tài chính chuyển thiếu chuyển kỳ sau.

* Chỉ tiêu theo hàng: ghi theo thứ tự người nghèo, cận nghèo, khác.

3. Mẫu B09-TSW

a) Mục đích: Tổng hợp số đối tượng và số tiền ngân sách nhà nước hỗ trợ.

b) Trách nhiệm lập: cơ quan BHXH.

c) Thời gian lập: 03 tháng, 06 tháng hoặc 12 tháng.

d) Phương pháp lập:

* Chỉ tiêu theo cột:

- Cột A: ghi số thứ tự từ nhỏ đến lớn theo từng BHXH tỉnh.
- Cột B: ghi tên theo BHXH tỉnh.
- Cột 1: ghi số người tham gia BHXH tự nguyện đến cuối kỳ báo cáo.

- Cột 2: ghi số tiền cơ quan tài chính chuyển thừa kỳ trước chuyển sang.
- Cột 3: ghi số tiền cơ quan tài chính chuyển thiếu kỳ trước chuyển sang.
- Cột 4: ghi tổng số tiền phải đóng theo đăng ký của người tham gia
- Cột 5: ghi số tiền phải đóng theo đăng ký của người tham gia (mức thu nhập tháng của người làm căn cứ đóng x 22%).

$$\text{Cột 5} = \text{Cột 4} - \text{Cột 6} - \text{Cột 7} - \text{Cột 8}$$

- Cột 6: ghi số tiền do tổ chức, cá nhân hỗ trợ (nếu có)
- Cột 7: Ghi số tiền ngân sách nhà nước hỗ trợ [= 22% x tỷ lệ (%) hỗ trợ của Nhà nước (= 30% với người tham gia thuộc hộ nghèo, 25% với người tham gia thuộc hộ cận nghèo, 10% với các đối tượng khác) X mức chuẩn hộ nghèo của khu vực nông thôn X số tháng hỗ trợ].

- Cột 8: ghi số tiền ngân sách nhà nước địa phương hỗ trợ thêm (nếu có).
- Cột 9: ghi số tiền ngân sách nhà nước đã chuyển.
- Cột 10: ghi số tiền cơ quan tài chính chuyển thừa chuyển kỳ sau.
- Cột 11: ghi số tiền cơ quan tài chính chuyển thiếu chuyển kỳ sau.

* Chỉ tiêu theo hàng: ghi theo thứ tự người nghèo, cận nghèo, khác.